

KẾT TẬP TÀI LIỆU NGHIÊN CỨU GIÁO LÝ

Tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo lý đại đạo

**THIỆN CHÍ Tổng hợp
2024**

THAY LỜI TỰA

Thánh ngôn Đức Giáo Tông vô vi Đại Đạo :

... “Thế nên, điều thiết yếu của chư hiền là lấy trí tuệ tập thể và công năng đại định cùng lòng nhiệt thành hăng say tích cực để xây dựng và xác lập những yếu điểm giáo lý thật cơ bản, thật phổ quát và trường cửu để làm nền tảng cho toàn bộ giáo lý, tức là xác định trên lập trường nhân bản đạo đức và tiến bộ văn minh.

Hai hướng chính để chư hiền phát huy là: Xây dựng nền tảng giáo lý theo kịp trình độ văn minh khoa học hiện đại để phổ độ khắp nhân loại thế giới, mặt khác làm xiển dương Thánh ý: Dân tộc Việt Nam là dân tộc được chọn làm nền tảng khai sáng cơ đạo, nên cần phát huy truyền thống văn hóa đạo đức dân tộc theo đường lối Tam Giáo Quy Nguyên, Vạn Giáo Nhứt Lý và Thiên Nhơn Hiệp Nhứt, làm nổi bật thuần túy tính chất của dân tộc mà luôn khế hợp với bản thể đại đồng nhân loại.

Chư hiền cần làm sáng tỏ sưu tập kinh điển và văn hóa dân tộc cũng như văn hóa Đông Tây để khế hợp giữa cơ Đạo và văn minh toàn nhân loại.”¹

¹ Đức Giáo Tông Đại Đạo, CQPTGLĐĐ, 28.3.86

KẾT TẬP TÀI LIỆU NGHIÊN CỨU GIÁO LÝ

Tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo lý đại đạo

CHƯƠNG THỨ NHẤT

Nguyên nhân ĐứcThượng Đế khai Đạo tại đất nước Việt Nam

Nhìn lại lịch sử các tôn giáo trên thế giới hơn hai ngàn năm qua, mọi người đều nhận thức rằng đã có nhiều tôn giáo do các bậc Giáo chủ, Thánh nhân sáng lập để giác ngộ nhân sanh ngõ hầu hoàn thiện con người và xã hội.

Đến ngày nay các tôn giáo lớn vẫn đang phổ truyền kinh điển và pháp môn tu luyện cho hàng trăm triệu tín đồ. Tuy nhiên, trên thế giới chiến tranh vẫn còn tiếp diễn, bạo lực và tàn sát diệt chủng vẫn còn, nghèo đói, bệnh tật vẫn tràn lan ở nhiều nước trong khi văn minh khoa học đã đạt đến đỉnh cao thời hiện đại. Người ta tự hỏi vai trò của tôn giáo liệu có thể đem lại hòa bình, an lạc, tiến bộ cho nhân loại?

Trong khi đó, vào đầu thế kỷ 20, tại một nước còn bị xem là nhược tiểu, bị trị lại phát sinh một tôn giáo mới! Đạo Cao Đài xuất hiện!

Ban đầu người ta nghĩ rằng, do xu thế đi tìm chỗ dựa tâm linh giữa cuộc đời nhiều nhương thống khổ, lập ra một tôn giáo mới cũng chỉ là thêm một tôn giáo bình thường trong lịch sử. Nhưng: “Người vẫn tưởng Cao Đài Tôn Giáo,

Nào hay đâu Đại Đạo hồng dương ;
Gồm thâm trăm nẻo ngàn đường,
Tam ngươn chuyên thể định phương phục hoàn.” (Vạn Hạnh
Thiền Sư, Trúc Lâm Thánh Đức Thiền Điện, mừng 7 tháng 3
Giáp Dần (30.3.74)

Thế nên, sự giải đáp “Nguyên nhân Thượng Đế khai Đạo tại đất nước Việt Nam” sẽ làm sáng tỏ ý nghĩa Khai minh Đại Đạo, mà chính Đức Thượng Đế Cao Đài đã truyền đạt thiên lý như sau:

“Các con ôi! Thầy là Chúa Tể Càn Khôn, sanh ra muôn loài vạn vật, bao nhiêu cuộc tuần hoàn, dinh hư tiêu trưởng, đó là sự mầu nhiệm của Thầy đã định sẵn. Vì vậy, mà đến buổi Hạ Ngươn, Thầy đến xứ Việt Nam này để khai Đạo, kêu gọi các bậc nguyên nhân hãy sớm lập công bồi đức, hướng dẫn toàn thể sanh linh sớm tỉnh tu để về cõi trường tồn chánh giác, hoặc hưởng đời Thượng ngươn thánh đức. Nguyên vị đã sẵn dành cho các bậc nguyên căn tu hành chánh đạo và cũng dành để cho những kẻ từng lương cải ác, sớm trở lại nguồn. Còn chốn A Tỳ là chỗ để trừng phạt những đứa bạo tàn hung ác và cũng để răn trị những hạng người tu hành ngụy trá.” Nam Thành Thánh Thất, 1.1.A.Ty (2.2.65) tr.2

I. Nguyên nhân theo thiên cơ

Các kinh điển và cơ bút từ xưa đã tiên tri Tam Kỳ Phổ Độ sẽ được mở ra vào thời Hạ ngươn, và danh hiệu Cao Đài sẽ xuất hiện vào thời kỳ này. Tam Kỳ Phổ Độ ứng với thời Hạ ngươn tức là cơ cứu độ lần thứ ba sau Nhứt Kỳ Phổ Độ vào Thượng ngươn và Nhị Kỳ Phổ Độ vào Trung ngươn.

Thánh giáo Ôn Trên cho biết, theo luật tuần hoàn trong trời đất, hay là luật “chung nhi phục thi” thì con đường sanh hóa và tiến hóa của vũ trụ vạn vật diễn tiến theo từng chu kỳ, từ khởi thi đến kết chung theo một vòng tròn, cuối cùng lại trở về điểm khởi đầu.

Do đó, thời Hạ nguơn là thời cuối cùng của chu kỳ đó, sẽ chuyển biến ráo riết trên mọi mặt để chúng sanh trên thế gian được sống trở lại thời Thượng nguơn.

Trong quyển Xiển Đạo Yếu Ngôn (Bản dịch Việt ngữ của Lão Sư Đinh Đạo Ninh (Quang Nam Phật Đường) 1933, nhà in Thanh Mậu, 147 đường Quán Hát, số 1, GĐ.)

kể lại tích ông Hồn Hồn Tử (đời vua Càn Long – 1736 - 1796) luận đạo tại núi Trung Hòa. Nơi chương 12 “Chứng Tam Kỳ Phổ Độ chi ứng nghiệm” nhắc lời tiên báo trong sách Tiên Giám như sau: “Nay đã đến kỳ Hạ nguơn, Thượng nguơn giao tiếp, tam tai bất nạn liền sanh. Tam thiên chư Phật đã biết ứng theo vận thế xuống đời phổ truyền Đại Đạo, độ hết nguyên nhơn. Nên biết Tam Kỳ Phổ Độ đã đến, mấy thầy (là những vị đang nghe thuyết giáo – NV) phải lập công bồi đức đặng vào chỗ muôn ngàn tòa ngọc sen đã có dự định”. (. Sứ Đạo I – Khai Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý xuất bản 2004, tr.44)

- Trong Kinh Điền Minh Sư

Minh Sư là một tông phái ở Trung Quốc, truyền đạo sang Việt Nam vào thế kỷ trước.

- “Một quyển kinh của các Lão Sư phái ấy từ Trung Quốc chuyển sang Việt Nam, ngoài bìa sách có hai câu thơ tiên tri như

vậy:

“Cao như Bắc khuyết nhân chiêm ngưỡng,
Đài tại Nam phương Đạo thống truyền”

Hai câu đối này cho biết Đạo Cao Đài sẽ xuất hiện tại Nam phương mà Đức Cao Đài làm giáo chủ” (Huệ Lương, Cao Đài Giáo Sơ Giải, Saigon, Trang 23.)

Như thế, theo thiên cơ, Đức Thượng Đế khai Tam Kỳ Phổ Độ dưới danh hiệu Cao Đài vào thời Hạ nguơn này là Nguơn điêu tàn, vì nhân loại không còn giữ được lễ

sống thánh đức ban đầu, dục vọng che khuất chơn tâm, tình thương đồng loại không còn, nảy sanh các khối dục vọng xung đột nhau ác liệt, mọi giá trị đạo đức đều sụp đổ, nạn tận diệt là nguy cơ trước mắt.

Trong Kinh Đại Thừa Chơn Giáo, Đức Chí Tôn đã dạy rõ:

“Các con khá biết: Đạo có ba nguơn, ba nguơn ấy là cái số cuối cùng của Trời, Đất. Trước hết mở đầu là Thượng Nguơn. Thượng nguơn đây chính là «Nguơn Tạo Hóa», là nguơn đã gây dựng cả Càn Khôn Võ Trụ. Vậy khi mới tạo Thiên lập Địa, nhưn loại sanh ra thì tánh chất con người rất đổi hồn hồn ngạc ngạc, còn đang thuần phát thiện lương, nên chi cứ thuận tòng Thiên lý mà hòa hiệp dưới trên, tương thân tương ái. Thời kỳ ấy người người đồng hấp thụ khí thiên nhiên, nên hằng cộng hưởng thanh nhàn khoái lạc mà vui say mùi Đạo thánh ngày. Bởi đó đời thượng cổ mới có danh là đời «Thượng Đức», mà Thượng Nguơn ấy cũng kêu là nguơn «Thánh Đức» nữa.

Kể đó bước qua Trung Nguơn thì nhọn tâm bất nhứt, tập quán theo thói đời, thâm nhiễm những nét xấu mới làm cho xa mắt điểm thiện lương, bèn cậy ở sức mình mà hiếp bức lấy nhau, chém giết lẫn nhau, tương sát, tương tàn, mạnh còn yếu mắt thì mới sanh ra biết bao trường huyết chiến, không còn kể đồng loại, đồng chủng, đã lọt tình đồng nghĩa, đồng bào. Bởi đó đời trung cổ mới có danh là đời «Thượng Lục», mà Trung Nguơn ấy cũng kêu là nguơn «Tranh Đấu» nữa.

Tiếp đến Hạ Nguơn, sự tranh đấu ngày càng ráo riết, dữ tợn, góm ghê thì nhọn loại lại chề sức mạnh mà dùng não cân nên mới bày ra chuốc qui, mưu tà, kế sâu, bẫy độc, thiệt là khốc liệt phi thường. Xong đó cũng lẽ tự nhiên, càng tranh đấu mới càng tàn hóa. Ngặt càng tranh đấu lắm lại càng ác liệt lắm, nên tranh đấu thét phải đến ngay thời kỳ tiêu diệt. Bởi đó đời hiện tại là đời «Mạt Kiếp», còn Hạ Nguơn này là nguơn «Điều Tàn.»

Nhưng hễ loạn là tới trị, vong tất phục hưng, nên nguơn tiêu diệt tất sẽ bước đến nguơn bảo tồn là nguơn Đạo đức phục hưng, để sắp lập lại như đời thượng cổ, thế nên cũng gọi là nguơn «Tái Tạo.»

Vậy nhọn loại bước qua thời kỳ này là thời kỳ qui nhứt thống, đại luân hồi của Thiên Địa đó. Mà ngày nay đã đúng số nhứt định của Tạo Đoan, đã tới nguơn cuối cùng của Thiên Địa, vì tính ra thì đã mười hai vạn chín ngàn sáu trăm năm, nên đã tới thời kỳ tạo Thiên lập Địa một lần nữa.” (Đại Thừa Chơn Giáo, Mục Dưỡng sanh tánh mạng, Thánh giáo 18 tháng 9 Bính Tý 1936)- [Theo Thuyết-lý THIỆU-KHANG-TIẾT , Ông ta chia ra như vậy :

12 giờ(ÂL) là .1 ngày

30 ngày là.. 1 Tháng

12 tháng là ... 1 Năm

30 năm là 1 Thế
12 thế 1 Vận
30 vận.....1 Hội
12 hội.....1 Nguyên = 1 Nguyên tính lại là 129.600 năm.]

Thế nên Đức Thượng Đế khai Tam Kỳ Phổ Độ để đem Chánh pháp giáo hóa chúng sanh biết giác ngộ, phục hồi nhân bản, sống đời thuần lương, dần dần xây dựng kỷ nguyên thánh đức.

II. Nguyên nhân do đức háo sanh của Thượng Đế trước khổ nạn của chúng sanh.

1.- Tình hình bi đát trên thế giới

Những thập niên đầu TK 20 (trùng hợp với thời kỳ khai Đại Đạo trong Tam kỳ Phổ độ) khoa học bắt đầu phát triển, tiện nghi đời sống vật chất ngày càng được nâng cao, đồng thời chủ nghĩa đế quốc và kinh tế tư bản cũng nảy sinh; các nước lớn đua nhau đi chiếm thuộc địa, lớp người giàu có làm chủ hầu hết các nguồn lợi quốc gia, đa số thường dân đều bị đày đọa, nghèo đói. Thế giới chiến tranh thứ nhất nổ ra, tiếp theo là thế chiến thứ hai, các nước thuộc địa nổi dậy chống đế quốc, mâu thuẫn quyền lợi chủ-thợ phát sinh...Nhiều nơi trên thế giới công nhân và nông dân đứng lên đấu tranh chống sự bóc lột của các chủ nhà máy, các chủ điền . . ., loạn lạc, bạo lực đẫm máu xảy ra khắp nơi trên thế giới. Tại Việt Nam, nạn đói năm Ất Dậu 1945 làm chết khoảng 2 triệu người là một hậu quả thảm khốc do ảnh hưởng của các cuộc chiến tranh thế giới, chiến tranh cục bộ, chủ nghĩa quân phiệt và guồng máy cai trị vô nhân đạo của đế quốc.

2.- Đại nguyện của Đức Cao Đài

Trước tình trạng thoái hóa cực độ của con người vào thời Hạ nguơn, cán cân đời sống xã hội chênh lệch về phía hưởng thụ vật chất, bất chấp các giá trị nhân phẩm, nhân đạo bị chà đạp, thế gian trở nên một trường sát kiếp đầy dẫy hận thù, nghiệp quả trả vay không bao giờ dứt, Đức Chí Tôn động lòng từ bi, quyết lập đại nguyện khai Đại Đạo cứu độ vạn linh:

*“CAO Thượng bốn nguyện Đạo chí thành,
ĐÀI tiền chức rước đám lương sanh,
GIÁO minh chơn lý truyền tâm pháp,
CHỦ ý vào lòng rón luyện phan.*

Thầy mừng các con. Thầy miễn lễ các con.

Phú:

"Đời cùng cuối, Phật, Tiên giáng hạ, đem Đạo màu phổ hóa khắp Đông Tây.

Cuối hạ nguơn máy Tạo vẫn xây, nạn tiêu diệt, sự họa tai không tránh khỏi.

Cơ dĩ định tang thương biến cải, ôi! là đời sao quá đại chẳng thức lý tâm nguyên.

Phong tục đành loạn lạc giữa nghiêng, bỏ mất mối giềng của Đạo Trời là luân thường cương kỷ.

Sao mà đời không chịu gia tâm suy nghĩ, để đặng tâm thiên cơ cầu diệu lý mà luyện kỹ, hầu quày trở lại chỗ nguyên thủy cựu ngôi.

Để làm chi cứ mang lấy nạn khổ mãi luân hồi, Thầy dòm thấy luồng chua xót đứng ngồi không yên dạ.

Nên hội Tam Giáo công đồng, Thầy lập tờ đoan thế, đem Đạo

màu phổ hóa độ tất cả đám quần sanh.

Nếu các con chẳng chịu tu hành, không bỏ dũ làm lành, Đạo không thành Thầy nguyện không trở về ngôi vị cũ. . .” (Đại Thừa Chơn Giáo, Đại nguyện của Đức Cao Đài)

Các đấng Phật Tiên đều nhận định đã đến lúc thiên cơ mở cuộc tận độ vì nhân loại đang tuột dốc vào địa ngục trần gian:

“Ngày nay, cuối đường Hạ nguơn mặt kiếp, nhân sinh đã theo thời gian luân chuyển vào luật đào thải và bảo tồn. Hiện tình nhân loại ngày nay đã tiến hóa rất nhiều trên phương diện lý trí, những khối óc tinh xảo, hầu hết đặt ước vọng vào công cuộc tâm thiên quật địa khuyh đảo sơn hà. Vì vậy mà Đức Thượng Đế không giao chánh pháp cho tay phàm nắm giữ. Tam Kỳ Phổ Độ, Thượng Đế chính mình giáng trần chọn lựa nguyên nhân thánh thiện trao gởi quyền pháp để phổ độ toàn linh xiển dương chánh pháp cho Đại Đạo lập thành, thế giới mới hòa bình, càn khôn mới an tịnh. Một hành vi rất giản dị mà lý huyền nhiệm khôn lường. Nếu chẳng phải chánh tâm tu kỹ thì khó tìm ra chánh lý để chứng quả Thiên tôn.” (Đức Di Lạc Thiên Tôn, Tuất, 2.01.C.Tuất (7.2.70) tr.2)

III. Nguyên nhân khai Đạo tại đất nước Việt Nam

1.- Tình hình xã hội Việt Nam vào thời khai Đạo

Vào hậu bán TK 19, Việt Nam bị Pháp xâm lược. Năm Tự Đức 15, triều đình Huế ký hòa ước Nhâm Tuất (1862), nhượng cho Pháp 3 tỉnh Miền Đông; đến năm 1874, lại ký hòa ước Giáp

Tuất, nhượng thêm 3 tỉnh Miền Tây. Sáu tỉnh Nam Kỳ từ đó trở thành thuộc địa thực dân. Trung Kỳ và Bắc Kỳ là đất bảo hộ của Pháp.

Xứ Nam Kỳ là miền đất mới khai phá, dân tứ xứ từ miền Bắc, miền Trung, người Hoa, người Miên đến lập nghiệp khá đông, cộng với người bản xứ tạo thành những cộng đồng dân cư hòa hợp về phong tục tập quán, về tín ngưỡng dân gian và tín ngưỡng đạo giáo. . . Đặc biệt, ở mặt văn hóa, bắt đầu tiếp cận văn hóa phương Tây, chữ quốc ngữ được phổ biến rộng rãi, hệ thống giáo dục mới đào tạo ra một hàng ngũ trí thức mới . . .

Tuy nhiên, chế độ cai trị hà khắc của thực dân, cộng với nạn cường hào ác bá làm cho nhân dân chịu nhiều áp bức, trở nên nghèo đói lầm than. Lòng yêu nước, tính hào hiệp của dân Nam Kỳ đã thúc đẩy nhiều cuộc khởi nghĩa nổi lên. Trường kỳ kháng chiến chống Pháp, toàn dân phải hy sinh nhiều xương máu. Đồng thời, sống giữa cuộc đời đen tối, con người cũng tìm về chỗ dựa tâm linh . . . Người Việt vốn dĩ có truyền thống tín ngưỡng Tam giáo, trong hoàn cảnh này, nhiều thành phần xã hội mạnh dạn học đạo, tu hành tại các chùa thuộc năm Chi đạo họ Minh:

Chùa Minh Thiện ở Thủ Dầu Một cầu thần tiên cho thuốc trị bệnh; chùa Vĩnh Nguyên chi đạo Minh Đường (Cần Giuộc) và nhiều chùa Minh Sư có nhiều bậc chân tu với khá đông đệ tử ; chùa Tam Tông Miếu (Sài gòn) tu pháp môn Minh Lý; chùa Minh Tân ở Bến Vân Đồn (Sài gòn) có cơ bút dạy đạo. Đó là các Chi đạo họ Minh đều thờ Ngọc Hoàng Thượng Đế và Tam Giáo Đạo Tổ, tất cả trở nên cơ duyên để Đức Thượng Đế Cao Đài thân nhận hàng tông đồ của Ngài sau này.

2.-Dân tộc được chọn.

Trong bối cảnh lịch sử và bản tính của con người và xã hội địa phương như thế, đất Nam kỳ có được cơ duyên để Thượng Đế khai sinh nền Tân tôn giáo. Nhưng sự đặt định này của Thiêng Liêng có nguyên nhân sâu xa mang ý nghĩa “dân tộc được chọn”:

Ngay thuở sơ khai nền Đạo, Đức Chí Tôn từng phán:

“Ngọc Hoàng Thượng Đế Viết Cao Đài Giáo Đạo Nam Phương,

*“Từ đây nòi giống chẳng chia ba,
Thầy hiệp các con lại một nhà.
Nam, Bắc cùng rời ra ngoại quốc,
Chủ quyền chơn đạo một mình ta.”* (Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Tòa Thánh Tây Ninh, q.1, đàn 19-9-Bính Dần (1926)

Ngày 13-12-1926, Thầy khẳng định:

“Vốn Thầy lập nền chánh giáo cho dân Nam Việt chẳng phải là việc nhỏ đâu.”

Những đặc điểm của dân tộc được chọn, thánh ngôn cũng đã nêu rõ, gồm đức tin, đạo đức, ngưỡng mộ Thượng Đế và các Đấng trọn lành, tình thương và lòng hiếu hòa:

“Các con là dân tộc Việt cũng như các dân tộc khác sanh trưởng tại quả địa cầu này. Tình thương Tạo Hóa cũng ban

đồng cho các con cũng như các con khác. Nhưng dân tộc các con đã đau khổ quá nhiều, non sông tổ quốc các con đã bị dày xéo lâu đời, nhưng các con được trỗi hơn chúng về đức tin, về lòng đạo đức, ngưỡng mộ Thượng Đế và các Đấng trợn lành. Tình thương các con không thiếu, lòng hiếu hòa các con có thừa, do đó dân tộc các con mới hạnh ngộ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.” (Đức Chí Tôn, Thiên Lý Đàn, 30.10.M.Thân (19.12.68) tr.2)

3.-Tur tưởng Tam giáo đồng nguyên và tín ngưỡng thờ Trời là nền móng tâm linh để Đức Chí Tôn khai minh Đại Đạo tại Việt Nam

Từ thời Bắc thuộc, Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo đã lần lượt du nhập vào nước ta theo chân các bậc chân tu Trung Quốc, Ấn Độ, các quan lại cai trị . . . Các đền, chùa, miếu thờ Phật, thờ Thần Thánh, thờ các bậc Thánh hiền được xây dựng nhiều nơi. Trong dân gian, ngoài phong tục thờ cúng tổ tiên, nếp sống theo tam cương ngũ thường được đề cao, các giai thoại về luật nhân quả, chuyện thần tiên cứu giúp người lành được truyền tụng từ đời này sang đời khác đã tạo thành nền luân lý bền chặt trong đời sống gia đình, xã hội dân ta. Đặc biệt tín ngưỡng thờ Trời, thờ Thánh mẫu là niềm tin vào sự hộ trì ban phước của Thiên liêng đối với sự sống còn của nông dân. Các lễ hội được mùa, cầu mưa, tế thần tạ ơn cầu phước, thể hiện đức tin có mối liên hệ giữa người và cõi vô hình thiêng liêng.

Tín ngưỡng thờ Trời của các triều vua ở nước ta thể hiện bằng lễ tế Nam giao tức tế Trời rất trọng thể, cầu cho quốc thái dân an.

Đức Vạn Hạnh Thiền Sư, từng giải bày truyền thống Tam giáo

đồng nguyên như sau:

“Này chư hiền đệ hiền muội ! Như chư hiền đã biết: Tư tưởng Tam Giáo đồng nguyên đã khai sinh từ những triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần. Trước thời kỳ này, các tôn giáo như Phật Giáo, Đạo Giáo và Nho Giáo đều biệt lập với nhau về thể đứng trong xã hội lúc bấy giờ, nhưng bản chất con người Giao Chỉ vốn là hiếu hòa nên sự thể hiện tinh thần đồng nguyên ba nhà đạo giáo ấy qua các Đấng Tiên Vương cho mở những trường thi Tam Giáo (Hai kỳ thi về Tam giáo: lần thứ nhất mở năm 1195, triều Lý Cao Tông; lần thứ hai mở năm 1247 triều Trần Thái Tông. (“Con đường Tam giáo Việt Nam” của Lê Anh Dũng)

và cho những giáo lãnh, những bậc tu hành mỗi phái này được tham dự vào công cuộc đại sự quốc gia. [. . .]

“Chính tư tưởng đồng nguyên Tam Giáo ấy được thể hiện đầy đủ nơi chốn dân gian qua đời sống nhàn tản tiên dao xa lánh lợi danh để tu tâm dưỡng tánh, hay có chăng làm những việc lành để khỏi bị luân hồi kiếp nạn về sau, hay dốc chí đem tài đức của mình ra để tề gia trị quốc.” (Trúc Lâm Thiên Điện, 30-6 Tân Hợi (18-10-71)

4.- Sự xác nhận của Thiêng Liêng về đặc ân “dân tộc được chọn” của dân tộc Việt Nam.

Đức Thánh Nữ Trung Vương, trong một lần giảng cơ đã nói:
“Này các em!

*Hảo Nam Bang! Hảo Nam Bang!
Tiểu quốc tảo khai hội Niết Bàn.”*

Nhờ đây nên dầu cách biệt bao nghìn năm vẫn có dịp hội ngộ

với nhau trên huyền vi pháp nhiệm của Đức Thượng Đế. Dầu cách biệt bao nghìn năm, tâm sự Chị và các em hẳn không khác nhau là mấy.” (Thánh Thất Bình Hòa, Rằm.8.C.Tuất (14.9.70) tr.2)

Chư Tiên Khai Đại Đạo đã khẳng định:

“Nhu vậy, ngày nay trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ không riêng một quốc gia xã hội chủng tộc nào, vẫn được những hồng ân đại xá của Đức Chí Tôn chan rưới. Điều quan trọng hơn hết là mảnh đất bé con này lại là mảnh đất hạnh phúc, dân tộc thiểu số này lại là dân tộc được chọn. Như vậy, những dòng lịch sử, những di tích ắt phải được toàn dân toàn Đạo chú ý đến. Có phải vậy không chư hiền đệ.” (Vĩnh Nguyên Tự, Ngọ, 22.3.T.Hội (17.4.71) tr.2

Các di tích lịch sử Đạo như ngôi Vĩnh Nguyên Tự là một dấu ấn đặc biệt chứng minh cho thiên ý chọn đất nước này làm thánh địa khai Đại Đạo TKPD, nên chính Đức Chí Tôn, trong một lần giáng điển tại đây đã lưu ý chư Hướng đạo rằng:

“Các con yêu mến ! giờ này Thầy đến trần gian cùng các con để thăm viếng Vĩnh Nguyên Tự là một di tích trong những di tích Tiên Khai Đại Đạo hiện đang bị tiêu sơ sụp đổ về mặt hình thể vật chất. (VNT-1970).

"Các con ơi ! các con hãy bình tâm lắng nghe Thầy phán dạy. Trước kia, tại nơi này, Thầy vận chuyển cho Trung, Lịch, Cư, Tắc đến nơi này để

luận bàn hoạch định cùng nhận lãnh thi hành một sứ mạng mà Thầy đã phó giao. Đó là sứ mạng khai minh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, lập thành trụ tướng cùng những kinh điển quyền pháp đạo luật để hoàng dương chánh pháp phổ độ nhơn sanh.

[. . .]

Hỡi các con ! đừng đưa nào mãi lo riêng tư cho chùa thất mình, cho chi phái mình, đã đành quên một điều căn bản đó là tu bổ tái thiết trước nhưt những di tích lịch sử khai đạo. Trên danh nghĩa, những di tích đó chưa từng nhuộm màu sắc chi phái và cũng chưa từng bị lem ó bởi danh từ chia rẽ phái chi. Các con muốn tạo điều kiện cho cơ quy nguyên thống nhưt Đạo mà quên đến yếu tố ấy là một điều rất thiếu sót vậy.

Trong tương lai, rồi đây các thánh thất thánh đường sẽ được tuân tự tu bổ lại để kiện toàn thánh thể Chí Tôn, và cũng là việc tạo điều kiện làm sáng danh Đạo.” (Vĩnh Nguyên Tự, Ngọ thời mừng 3 tháng Chạp Canh Tuất (30.12.70)

Đức Chí Tôn đã hơn một lần tiết lộ thiên cơ khai Đạo tại Việt Nam:

“Các con ôi! Thầy là Chúa Tể Càn Khôn, sanh ra muôn loài vạn vật, bao nhiêu cuộc tuần hoàn, dinh hư tiêu trưởng, đó là sự mầu nhiệm của Thầy đã định sẵn. Vì vậy, mà đến buổi Hạ Ngươn, Thầy đến xứ Việt Nam này để khai Đạo, kêu gọi các bậc nguyên nhân hãy sớm lập công bồi đức, hướng dẫn toàn thể sanh linh sớm tỉnh tu để về cõi trường tồn chánh giác, hoặc hưởng đời Thượng ngươn thánh đức.” (Nam Thành Thánh Thất, 1.1.Ất.Tị(2.2.65) tr.2

Đức Vô Cực Từ Tôn dạy thêm:

“Hỡi các con! vạn vật trong thế gian đều là do nơi đức háo sanh Tạo Hóa. Mẹ là Mẹ chung tất cả, không phải riêng một nơi nào, một giống dân nào hay một nước nào, nhưng luật định thiên nhiên, tam nguơn vận chuyển đến thời kỳ phải dùng tiểu quốc để khai hội Niết Bàn, nên mượn Việt Nam ban truyền chánh Đạo.”
(Chon Lý Đàn, Rằm.6.Ất.Ty (13.7.65) tr.1)

Đức Như Ý Đạo Toàn Chon Nhon từng minh thị ý nghĩa Chí Tôn khai Đạo tại Việt Nam như sau:

*“Đức Thượng Đế mở cơ tận độ,
Đất Việt Nam sớm trở hoa lành;
Giữa hội thế giới chiến tranh,
Đạo mâu gieo rải ơn lành bố ban.
Độ nguyên nhân vào hàng thánh thiện,
Đất người đời tu tiến lập công;
Gây nên xã hội đại đồng,
Từ bi bác ái trong vòng khuôn Thiên.
Dầu thế sự đảo điên nguy khốn,
Dầu nhon tâm ly loạn tán phân;
Trời Nam mở rộng đường trần,
Gót Tiên dậm thẳng độ lằn chúng sanh.”* (Văn Phòng Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tuất thời, 20.3.Canh Tuất (25.4.70)

IV- Thượng Đế khai Đạo tại Việt Nam để thiết lập quyền pháp thực hiện sứ mạng Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

1.- Quyền pháp Đạo

Quyền pháp là điếm “Đạo”, là quyền năng của Thượng Đế đặt để vào một cơ cấu nhưt định để tác động cơ cấu ấy chuyển hóa

hoàn thành sứ mạng được ban trao.

Đức Lý Giáo Tông đã dạy rõ quyền pháp của thực thể Cao Đài:

“Đại Từ Phụ dựng Cao Đài nơi vùng Đông Nam Á này để làm quyền pháp. Chính sứ mạng quyền pháp này thúc đẩy mọi sở vật thực tại tôn giáo kết thành thực thể “Đạo Cứu Thế” trong Tam Kỳ Phổ Độ, cũng như có ngòi gà trong quả trứng vậy.

[. . .] Không phải Thượng Đế cấy lúa trên tảng đá hay trao quyển binh thư cho người mù chữ. Ngoài ân ban, Đức Thượng Đế còn nhận thấy dân tộc này có thể thực hành sứ mạng “Hảo Nam Bang, Hảo Nam Bang, Tiểu quốc tảo khai hội Niết Bàn” [. . .]

“Sứ mạng của dân tộc này to tát như thế, quyền pháp quan trọng như thế, không phải làm không được. Chư đệ muội hãy chờ đợi, việc sẽ đến và đang đến. Từ ngàn xưa, trên lịch sử đã từng được nghe và thấy rõ. Việt Nam một dân tộc mà tất cả thế giới đều nhìn vào, không phải nhìn vào vì nó có sự đe dọa tàn phá cả thế giới, mà nhìn vào chính nó là một động năng cứu rỗi xây dựng mới trên toàn thể nhân sinh.”

“Chư hiền đệ muội nên nhớ rằng : Nếu một quyền pháp, một phương thuốc trị dứt căn bệnh của dân tộc, giải thoát sự hủy diệt của dân tộc này thì sẽ giải phương thuốc thoát được sự hủy diệt cả thế giới. “Bảo sanh nhân nghĩa đại đồng” Lý thuyết là một lẽ mà quyền pháp có hay không để thực thi là một điều khác.

“Muốn đại đồng cùng thiên hạ, hãy đại đồng với xã hội tại dân tộc của chư hiền trước đã.”

Cuối cùng Đức Lý Giáo Tông nói rõ:

“Quyền pháp Đạo không là điều cai trị. Quyền pháp đạo chính là sự thương yêu giải thoát cai trị để tiến hóa.” (Nam Thành Thánh Thất, 01-01-Kỷ Dậu, 1969)

2. –Sứ mạng Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

Sứ mạng ĐĐTKPD về mặt thiên cơ, theo luật Tiến hóa “Chu nhi phục thi”, là sứ mạng Qui nguyên. Sứ mạng qui nguyên sẽ tác động toàn diện và toàn thể, từ mỗi con người, mỗi tôn giáo, mỗi dân tộc, và cả nhân loại. Có thể nói, Tam Kỳ Phổ Độ là “Cơ Qui nguyên hiệp nhất”

Đối với cá thể, qui nguyên là qui tâm

Đối với tôn giáo, qui nguyên là trở về nguồn gốc Đại Đạo

Đối với các dân tộc và nhân loại, qui nguyên là phục hồi nhân bản

Thế nên, khi Thượng Đế khai Đạo đã nêu lên Tôn chỉ “ Tam giáo qui nguyên, ngũ chi phục nhất” và mục đích “Thế đạo đại đồng, thiên đạo giải thoát.” Cả hai tiêu ngữ đều thuộc về sứ mạng qui nguyên. Tôn chỉ nhằm đưa vạn giáo qui về Đại Đạo là chỗ “Đắc nhất” của mỗi tôn giáo. Mục đích nhằm phá vỡ những ngăn cách giữa người và người trong cuộc sống thế gian bằng sự đặc nhất nơi “nhân bản”; và giải thoát tâm linh bằng cách xóa bỏ sự ngăn cách giữa con người với Thượng Đế, tức “hiệp một cùng Thầy” hay Tiểu linh quang qui nguyên về Đại linh quang.

Do đó, nói “Sứ mạng ĐĐTKPD” là “Sứ mạng qui nguyên” tức căn cứ theo nguyên lý “Nhất bản tán vạn thù, vạn thù qui nhất

bồn” trong trời đất.

Đối với mục tiêu “cứu độ chúng sanh”, thì Sứ mạng ĐĐTKPD là sứ mạng “tận độ Kỳ Ba”, là cơ cứu độ cuối cùng trong thời Hạ ngươn này, giáo hóa con người đi vào con đường đạo đức (con đường tiến hóa), từ bỏ con đường sa đọa (con đường thoái hóa), như thánh ngôn của Chí Tôn ngay từ sơ khai Đại Đạo:

“Ngọc Hoàng Thượng Đế Viêt Cao Đài Giáo Đạo Nam Phương”,

Hỉ chư môn đệ, chư ái nữ, chư nhu, chư tín nữ.

“Chư nhu nghe: Ta vì lòng đại từ đại bi, vẫn lấy đức háo sanh mà dựng nên mối Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Tôn chỉ để vớt những kẻ hữu phần vào nơi địa vị cao thượng, để tránh số mạng luân hồi và nâng những kẻ tánh đức bước vào cõi nhân, cao hơn phẩm hèn khó nơi thế gian này.” (Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, q.1, TT. Ninh, Lundi 6 De1cembre 1926 (2-11-Bính Dần))

KẾT LUẬN

Như đã trình bày khái quát trên đây, đề tài “Nguyên nhân Đức Thượng Đế khai Đạo tại đất nước Việt Nam” được phân tích làm hai phần:

_ Nguyên nhân Đức Thượng Đế khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

Nguyên nhân Đức Thượng Đế khai Đạo tại đất nước Việt Nam Nguyên nhân thứ nhất thuộc về thiên cơ, do qui luật tuần hoàn giáp mỗi, trải qua Thượng ngươn, Trung ngươn, đến Hạ ngươn tức Ngươn “tái tạo dinh hoàn” (lập lại cõi thế gian) để vạn loại chúng sanh qui nguyên phản bản. Cuộc nhân sinh được cải tạo thành đời thánh đức trở lại Thương ngươn. Đời sống tâm linh

quay về Chơn tâm, Thiên tánh.

Nguyên nhân thứ hai do dân tộc Việt Nam là dân tộc được chọn, vì dân tộc này có truyền thống đạo đức lâu đời, có tinh thần dung hòa tổng hợp giáo lý Tam giáo, có đức tin nơi Thượng Đế, có bản chất hiếu hòa, là những duyên lành để Chí Tôn đặt nền móng Đại Đạo, ban truyền Chánh pháp để hoàng khai đại cuộc Cứu Độ Kỳ Ba cho toàn thể thế giới nhân loại.

Vậy, với tình cảm thiêng liêng, yêu mến, quý trọng sâu sắc Thánh địa Nam Bang là đất nước được Chí Tôn chọn lựa khai mở Đạo Trời, ban trao sứ mạng Quyền pháp Cao Đài cho dân tộc ta, chúng ta hãy đón nhận và gắn bó với cơ duyên hi hữu này, sống đạo hành đạo trên tổ quốc này cho đến ngày công viên quả mãn, như tâm tư của Đức Như Ý Đạo Thoàn Chơn Nhơn trao gởi cho chúng ta năm nào:

“Đã ở nơi đây, đã sống nơi đây, nhất là đã sanh trưởng nơi đây và ngày nào đó sẽ gởi tâm xương tàn nơi đây vào lòng đất mẹ, tôn giáo này cũng phát nguyên nơi đất nước này là đất nước của dân tộc Việt, mỗi người có bổn phận xây dựng nó. Tuy đa diện mỗi người mỗi cách, nhưng con số cứu cánh là an vui hạnh phúc, đạo đức, tiến bộ cho tất cả mọi người trên mảnh đất này. Mỗi người mỗi vai tuồng, mỗi tổ chức mỗi giai đoạn cần thiết của nó, nhưng chung qui phải là lấy đạo đức để san định tất cả làm nòng cốt cho công cuộc xây dựng đời thượng nguơn thánh đức.

Lúc này và tiếp diễn là cơ sàng sẩy chọn lọc không luận trong đạo hay ngoài đời. Ai sáng suốt hãy lãnh hội ! Ai có tai hãy lóng nghe ! Ai thương thân mình hãy khép mình trong đường lối chánh chơn ! Ai thương gia đình mình hãy kêu gọi khuyến khích, giáo dục nhau cùng tu cùng tiến. Ai thương dân tộc đất

nước mình hãy gây dựng tình thương yêu từ bản thân đến tập thể, thiết lập một "Thế Nhơn Hòa" để chinh an thiên hạ. Đó là con đường phải đi và sẽ đến." (Vĩnh Nguyên Tự, 16-1 Bính Thìn (15-2-76)

Thiện Chí (Bài tham luận tại Vĩnh Nguyên Tự)
(Lễ kỷ niệm Tái thiết VNT, 15-3-Canh Dần; 28-4-2010)

CHƯƠNG THỨ HAI

THƯỢNG ĐẾ HIỆN HỮU

Thiện Chí

Mở đầu

Kính thưa quý Đạo trưởng, quý HTĐM, quý đạo tâm thân mến, Hôm nay toàn đạo đều cử hành trọng thể đại lễ Khánh đản Đức Thượng Đế Chí Tôn mà chúng ta thường nhắc nhở nhau một cách thân thương là Lễ Vía Thầy.

Ngày mừng 9 tháng Giêng cũng là ngày đầu xuân, Đức Chí Tôn và các đấng Thiêng Liêng thường lâm phàm bằng thiên điển để chúc mừng, dạy bảo khích lệ hàng con tin Thượng Đế trên đường thế thiên hoàng giáo.

Trước khi giới thuyết đề tài “Thượng Đế hiện hữu” nhân lễ Vía trọng đại này, chúng ta hãy lắng lòng chiêm nghiệm huấn dụ của Ngài như sau:

“NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ Kim Viêt CAO ĐÀI GIÁO ĐẠO NAM PHƯƠNG, Thầy các con ! Thầy rất vui nhìn thấy các con đến chào Thầy trước giờ Xuân sang để cùng nhau hưởng hồng ân Thầy dành sẵn cho các con cũng như Thầy hằng ngự nơi chánh tâm mỗi trẻ.

Thi

*”Thầy dành cho trẻ một mùa xuân,
Đi lại trần gian xóa khổ trần.*

*Như lý Đạo mâu đang cứu cánh,
Cho đời thuần túy nét thanh tân.*

”Các con! Hiện tình thế sự ngày nay đã diễn biến biết bao nhiêu tấn tuồng nhân quả. Đó không phải do sự chấp định của Thầy, mà do luật định của Đạo.

”Đạo là con đường duy nhất của vạn linh sanh chúng, từ Thầy ban phát đến thế gian và từ thế gian các con trở lại cùng Thầy. Thầy là Hư Vô chi khí, thì Đạo cũng đồng nghĩa đó thôi. Nên chi, trong thời kỳ Hạ Nguơn, chính mình Thầy dùng khí Hư Vô trực tiếp hữu hình đến thế gian để dẫn dắt thâu hồi những điểm linh-quang Thầy đã cho đến trần gian trở về khối Đại-Linh-Quang.

”Hỡi các con! Thầy là Cha cả vạn linh sanh chúng. Thầy chỉ đem lý thiên-nhiên Tạo Hóa để ban đồng, không riêng vị. Thầy đến trong giờ này để đem lại cho các con một mùa xuân sáng chói giữa cảnh tối tăm ; đem lại một hương xuân ngào ngạt cho các con trong khi hãi hùng oi bức. Dem tinh thần xuân đến cho các con tươi tỉnh, phá tan hết những gì ám ảnh đè nén linh hồn con . . . và các con thừa hành sứ mạng của Thầy. Mang tất cả lời Thầy dạy với tình thương-yêu nơn loại, với đức háo sanh để đem đi. Các con đi để thực-hành, thực-hành lý-thuyết Cao-Đài Đại-Đạo trong bốn mươi hai năm đã biến chuyển rất nhiều giai đoạn.”

Thưa quý vị, chí với những lời ban ơn ưu ái đầy tình thương trên đây của Đức Chí Tôn, đối với con cái của Ngài cũng quá đủ để xác tín sự hiện hữu của Ngài. Tuy nhiên, với đề tài đã nêu lên, chúng ta cũng thử khảo xác con đường xác tín ấy qua các đạo giáo, nhất là qua giáo lý Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Sự xác tín Thượng Đế của các đạo giáo

1.Theo Cơ Đốc giáo:

-Thánh Athanasius: “ Thượng Đế vượt trên mọi bản thể và mọi tư tưởng của con người”. Thánh Basilius: “ Tôi biết Ngài có, nhưng yếu tính Ngài tôi cho là một điều trí khôn không thể hiểu được”.

_Thánh Tôma (Thomas Aquinas) chứng minh Thiên Chúa hiện hữu qua năm cách thức (five ways) [trong phân đoạn 3 (article 3)] .

Thiên Chúa được thấy như

“Động cơ đệ nhất”

; “Nguyên nhân đệ nhất”

; “Hữu thể tất yếu”

; “Giá trị đệ nhất”

; và “Nhà thiết kế vũ trụ”

. Giới Ki Tô hữu vẫn đang dùng để nói về Thiên Chúa như “Đáng sáng tạo vạn vật” hay “Đáng toàn thiện, toàn mỹ”. . .

(Học Viên Triết 2: Đaminh Đỗ Hùng Dinh S.J)

(<http://dongten.net/noidung/14776>)

_Teilhard de Chardin (1881-1955)

Thiên Chúa phán: „ Ta là An-pha và Ô-mê-ga, là Đáng hiện có, đã có và đang đến, là Đáng toàn năng.“ (Kh 1,8).Alpha và Omega - Khởi đầu và tận cùng!

Alpha là mẫu tự đầu tiên trong văn mẫu tự chữ cái của ngôn ngữ

Hy Lạp. Còn Omega là vắn mẫu tự sau cùng trong đó. Chúa Giêsu Kitô được diễn tả là Alpha và Omega, có ý muốn nói lên niềm tin: Ngài là khởi thủy đầu tiên và cũng là sau cùng trong công trình tạo dựng của Thiên Chúa.

2. Theo BÀ LA MÔN GIÁO

Bà La Môn giáo, về phương diện Đại Đạo, được xây dựng trên Nhất Thể Brahman, tức là trên thuyết: Thiên Địa Vạn Vật Đồng Nhất Thể,

Nhất Thể Tán Vạn Thù; Vạn thù Qui Nhất Thể.

Brahman, Nhất Nguyên Thuần Túy, Căn Nguyên Vũ Trụ là Thực Thể Duy Nhất, Bất Khả Phân, tràn ngập vũ trụ.

Brahman duy nhất nhưng có nhiều danh hiệu.

Brahman là Thượng Đế

3. Theo NHO GIÁO

Nho giáo chủ trương thuyết sinh hoá (émanation et transformation), nghĩa là vạn hữu đã từ Nhất thể phân thân mà thành, vì hết chu kỳ biến dịch, lại trở về nguyên bản. (Thiên Địa tuần hoàn chung nhi phục thủy. -Nguyên Thủy phản chung). Ta còn gọi đó là Thuyết: Thiên Địa Vạn Vật Nhất Thể.

Nghiên cứu sách Trung Dung, Học giả Nguyễn Văn Thọ viết : “Đức Khổng vì đã tìm ra được Trời, được Đạo tàng ẩn trong tâm khảm mình, nên đã sống một cuộc đời đạo hạnh chân thực, nghĩa là sống phối kết với Trời. Trung Dung gọi thế là **Phối Thiên** (Trung Dung, ch. XXVI)

4. Theo PHẬT GIÁO

Theo các Đại sư Phật giáo, khi đã biết rõ căn bản cao siêu của mình, khi đã nhận thức được Pháp Thân trường tồn trong mình;

khi đã biết rõ bộ mặt thật của vọng tâm, biết rõ thân phận phù phiếm của vọng tâm, các bậc Chân Tu mới ra công “diệt ngã”. “Diệt Ngã” là “diệt Tiểu Ngã”, cho Chân Như Đại Ngã hiện ra. “Diệt Ngã” đây cốt là để:

-Hoà hợp với Bản Thể tuyệt đối.

-Nhất trí với thực tại.

-Đồng thể với Di Đà.

-Khế hợp với Chân Như tuyệt đối.

CHÂN NHƯ CHÍNH LÀ THƯỢNG ĐẾ VÔ NGÃ

II. Thượng Đế hiện hữu theo Cao Đài giáo

Qua những nội dung đối chiếu giáo thuyết các tôn giáo trên, người tín hữu Cao Đài có thể tự khẳng định THƯỢNG ĐẾ HIỆN HỮU bằng những lập luận có tính hệ thống nhất quán từ hình nhi thượng đến hình nhi hạ và ngược lại.

1. Trước hết, về Bản thể luận, Cao Đài nêu lên thực tại Hư Vô Chi Khí là Bản thể nguyên thủy: “Khí-Hư-Vô sanh có một Thầy[. . .]Nếu không có Thầy thì không có chi trong Càn-Khôn Thế-Giới này; mà nếu không có Hư Vô chi khí thì không có Thầy.”

Ta có thể đối chiếu Bản thể Hư vô này với CHÂN NHƯ BẢN THỂ của Phật giáo:

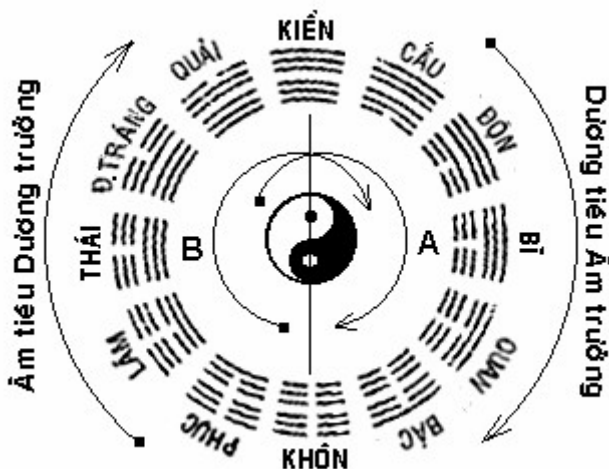
2. Về cơ nguyên sanh hóa vũ trụ

Ngày nay, Kinh điển Cao Đài thường dùng hệ thống Vô Cực – Thái Cực – Lưỡng Nghi- Tứ tượng -Bát quái để diễn tả nguồn gốc vũ trụ vạn vật.

Thực tại Thái Cực đã được hữu ngã hóa bằng những tính năng: “Chúa tể Càn khôn vũ trụ”, “toàn tri toàn năng, thiên biến vạn hóa . . . nắm trọn quyền hành . . . hóa sanh muôn loài vạn vật”-

(NV)

Trong quyển Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, và Đại Thừa Chơn Giáo, nhiều lần Ôn Trên đã khẳng định Thái Cực là nguồn gốc vạn vật với những “danh hiệu” :



[Hình trên : Vòng dịch 12 Quẻ biểu diễn 2 giai đoạn sinh hoá và tiến hoá của vạn vật theo Dịch Lý.]

- _ THÁI CỰC ĐẠI LINH QUANG,
- _ THÁI CỰC CHÚA CHA,
- _ THÁI CỰC THÁNH HOÀNG
- _ NGÔI THÁI CỰC

[Chu Liêm Khê (1017 - 1073) là vị Tổng Nho có công làm sống động lại quan niệm Thái Cực của Dịch Kinh. Liêm Khê tin rằng: trong vũ trụ có một **Lý** rất huyền diệu, uyên thâm, bất trắc, biến hóa vô phương, tuy vô hình, vô trạng, vô xú, vô thanh, nhưng chính là căn bản của vạn vật: Đó là Thái Cực [2] Thái Cực hay Lý là khu nữ, là trục cốt vạn vật, Vạn Hữu. Chu Liêm Khê gọi: **Thái Cực là Vô Cực** ; ngụ ý rằng Thái Cực vô hình thể, là một hoạt lực, một huyền năng vượt tầm tri giác của ngũ quan [3]

Trong Đại Thừa Chơn Giáo, Thầy đã xác minh Thầy là Thái Cực :

“ Thái Cực lâm trần buổi Hạ Ngươn.
Giơ tay độ chúng lại đường chơn.
Con nào thấu đáo cơ mâu nhiệm,
Thấy vậy không lo lại biếng lờn”

Các danh hiệu trên, đều ám chỉ NGUỒN GỐC vũ trụ vạn vật chính là Thực tại Tuyệt đối, vừa hữu ngã, vừa vô ngã. mà nhiều tôn giáo độc thần gọi là THƯƠNG ĐẾ.

*“Một Đức Huyền Thiên hóa vạn loài,
Thâu tàng, sanh trưởng, luật vẫn xoay;
Phật tiên thần thánh đều do bởi,
Diệu hiệp thiên cơ ở cõi này”*

Như thế, ngay ở điểm khởi đầu của cơ nguyên hóa sanh vũ trụ, ta đã thấy hình thành một bộ máy Âm Dương – Thái Cực. Chính bộ máy này là Lý nhất nguyên bất dịch từ cuộc vận hành vũ trụ, hóa sanh muôn loài đến sự thúc đẩy vạn vật tiến hóa.

Đại Thừa Chơn Giáo đã viết : “Vũ trụ từ đây mới bắt đầu có ngôi Thái Cực trọn lành trọn tốt, toàn tri toàn năng, biến thiên vạn hóa, vô tận vô cùng, nắm trọn cả quyền hành thống chưởng cả Càn Khôn vũ trụ và lấy cơ thể Âm Dương mà phân thanh biện trước, làm máy động tịnh để gồm tụ cái khí Hư Vô đặng hóa sanh muôn loài vạn vật

Đó là cơ nguyên sanh hóa theo Dịch lý,

3. Thượng Đế hiện hữu theo Quy luật Tiến hóa:

“ . . .Thầy đã dạy rất nhiều và rất rõ ràng cho các con từ mấy mươi năm qua, Đạo là con đường duy nhất của vạn linh sanh chúng, từ Thầy ban phát đến thế gian, và từ thế gian các con trở

lại cùng Thầy. Thầy là Hư Vô Chi Khí thì Đạo cũng đồng nghĩa đó thôi”

“Một sứ mạng Thầy dành hai ngỏ,
Một ra đi, một trở lại Thầy;
Dù cho Nam Bắc Đông Tây,
Cổ kim nhơn vật do Thầy định phân.”

”... Sự hành đạo trên trường đạo và trên quãng đường tiến hóa cũng thế. Từ cõi Thượng Thiên, chơn linh được xuống đến cõi hồng trần, trên quãng đường dài bao nhiêu lớp, nhưng cứ tuần tự phản bản hoàn nguyên trên quãng đường ấy rồi một thời gian dài cũng sẽ đến. (Vạn Hạnh Thiền Sư, Minh Lý Thánh Hội, Tuất thời 25 tháng 9 Canh Tuất (4-10-70)

4. Thiên nhân là chứng lý sự hiện hữu của Thượng Đế như Bí pháp

– **Sự kiện sử đạo huyền nhiệm của THIÊN NHÂN hiện ra** cho người tông đồ đầu tiên là chứng lý thực tiễn và siêu màu về sự HIỆN HỮU của Thượng Đế.

– **Thiên Nhân đã trở thành biểu tượng tôn kính thờ phượng Đức Thượng Đế Cao Đài trong toàn đạo**, mà sự xác tín sự hiện hữu của Ngài không đơn giản ở nơi bức tượng Con mắt uy nghi mà ở nơi Chơn thần của người tín hữu cảm ứng với Thần của Thượng Đế mỗi khi chiêm ngắm cúng kính, cầu nguyện. Nên Thầy từng phán rằng “Thầy đến đặng huờn nguyên Chơn Thần cho các con đặng đắc Đạo. Con hiểu "Thần cư tại Nhân"

5. Sự ban trao “ Đại thừa Tâm pháp” cũng là một chứng lý hùng hồn sự hiện hữu của Đức Chí Tôn Thượng Đế .

Đến cuối năm 1936 (01.10 Bính Tý), khi ban Kinh Đại Thừa Chơn Giáo, là quyển kinh đầu tiên của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

về Đạo pháp, Đức Chí Tôn đã nêu Thánh ý như sau : " Ngày nay Đạo đã trải qua "thời kỳ phổ thông" mà bước đến "thời kỳ giáo hóa" nên chi Thầy mới giáng một pho " Đại Thừa Tâm pháp" để cho các con tâm lối băng về, noi theo giáo lý của Thầy đây, chắc là thoát khỏi bến mê bể khổ " (ĐTCG, Trước tiết tàng thơ, chương 24, tr.116) “

6. Chứng lý sau cùng là sự ban trao sứ mang đại thừa cho hàng thiên ân ĐĐTKPĐ:

HUẤN TỪ

1. Đại Từ Phụ Ngọc Hư sắc tứ,
Ban Thiên ân nam nữ điện tiền,
Phụng hành lý Đạo cơ Thiên,
Song tu tánh mạng pháp quyền xương minh.
2. Đạo vô vi chấp tình cầu tánh,
Thế vô thường vạn hạnh dung thông,
Nhơn nhơn tự hữu chủ ông
Hòa quang hỗn tục chí công vạn hành, [. . .]

Kinh điển Cao Đài xác tín Thượng Đế hiện hữu rất quyết đoán

_ Kinh “Tiếng trống Giác mê” có viết:
“**Thầy là bậc hoàn toàn, vĩnh viễn, trường cửu trong cõi hư vô tuyệt đối.** Nay vì lòng bác ái của Thầy muốn cho các con tiến hóa về nẻo tinh thần đạo đức, nên chi Thầy dụng cái

phương pháp phi thường ngoài sự hiểu biết của phàm nhân mà dạy các con.”

Thầy tức là nguyên lý của vô vi Đại Đạo, chủ quyền tạo hóa của cả Càn khôn vũ trụ và sinh sản các thiên lý để gieo truyền cho nhân vật từ giống thấp hèn đến loài cao trọng, ấy là nguồn cội vô thi vô chung đó các con.” . Đây là sự đồng hoá Thượng đế với Đạo. Như thế, Thầy là Đại Đạo, thì Đại Đạo ở đâu và làm sao mở được cánh cửa Đại Đạo để gặp được Thầy? Thánh giáo đã trả lời:

Đại Đạo là cánh cửa Càn Khôn rộng mở cho văn minh khoa học loài người đạt đến điểm cao vút, để nhìn thấy cơ vi mầu nhiệm của Tạo Hóa, mà thành tín trước đức háo sanh mầu nhiệm và đức từ bi sáng tạo vô ngần của Thượng Đế. Như vậy Với giải đáp vừa nêu, cho thấy niềm tin Thượng Đế hiện hữu sẽ vượt lên trên tất cả tôn giáo, mọi lãnh vực của nền văn minh thế giới, lý tưởng loài người, tất cả những thành quả tiến bộ trong đời sống con người sẽ gặp nhau **NOI THƯỢNG ĐẾ HIỆN HỮU**. Nơi đó chính là **ĐẠI ĐẠO**, vì “Đại Đạo là con đường chân lý mà loài người phải vươn tới.” *“Những hiện cảnh ngày nay đang phổ diễn trong đời là một sự cảnh tỉnh nhân loại trở về cùng Thượng Đế, tức là tiểu linh quang về hiệp thành khối Đại-Linh-Quang là Thầy.”*

TẠM KẾT:

Thượng Đế là Đại Bản Thể của vũ trụ vạn vật, là nguồn gốc nguyên thủy

Quyền năng tuyệt đối của Ngài (Omnipotence), và sự biến hoá vượt thời gian-không gian (Omnipresence) là chứng lý của sự hiện hữu của Ngài .

Ngài vừa là Bản thể VÔ NGÃ , vừa là Chủ thể HỮU NGÃ : “ Ngoài trời Thượng Đế bao la / Trong lòng vạn tượng cũng là Chí Tôn “

Ngài là KHỎI NGUYÊN cũng là CỨU CẢNH: “ Đạo là con đường duy nhất của vạn linh sanh chúng, từ Thầy đến các con. Từ các con trở lại Thầy” (Alpha và Omega / theo Teilhard de Chardin)

Ngài là Cha của sự THƯƠNG YÊU

“Thầy thường nói với các con rằng Thầy là Cha của sự thương yêu. Do bởi thương yêu, Thầy mới tạo thành thế giới và sanh dưỡng các con. Vậy thì các con sản xuất nơi sự thương yêu, các con tức là cơ thể của sự thương yêu.

“Ấy vậy, sự thương yêu là giếng bảo sanh của Càn Khôn Thế Giới. Bởi thương yêu mà vạn loại hòa bình. Càn Khôn an tịnh, mới không thù nghịch nhau, không thù nghịch nhau, mới không tàn hại nhau, không tàn hại nhau mới giữ bền cơ sanh hóa.”

Ngài là Bản thể Đại Linh Quang phóng phát Tiểu linh Quang cho vạn vật, nên Thượng Đế và chúng sanh hiệp nhất được trong cơ vận hành vũ trụ: **Đó là Nguyên lý Thiên nhân hiệp nhất của Giáo lý Đại Đạo.**”

* * *

“Các con khá biết rằng THẦY là một Đấng toàn tri toàn năng, thống chủ quyền hành, hồng oai hồng thiện, chẳng phải không đủ quyền lực thiêng liêng mà thưởng phạt các con, nhưng vì lòng từ bi, THẦY quá yêu thương các con, phải lẫn lóc cùng các con mà độ rỗi các con thoát khỏi chốn mê đồ” (Theo Đại-Thừa Chơn Giáo, trang 63, bản in 1956)

* * *

Trước khi kết thúc một số chứng lý về sự hiện hữu của Thượng Đế, chúng ta đã xác tín thì phải xác quyết rằng, Thượng đế đã và đang đến để mở ra cho nhân loại con đường trở về cùng Ngài là cùng đích tiến hoá của vũ trụ vạn vật.:

– “ Các con đã sanh trong Đại Đạo, hãy noi theo Đại Đạo để trở về nơi Thượng thiên Vô Cực ”

– Đồi là trường tiến hóa của vạn linh. Các con vào để tiến hóa, nhưng tiến hóa về đâu hồi các con ? Tạo Hóa không hữu tình cũng không vô tình mà sanh các con, sanh vạn vật. Nhưng vạn vật và các con lại sanh ra trong tình Tạo Hóa. Tạo Hóa có những gì đã ban tất cả cho con, từ quyền năng pháp độ cho đến máy nhiệm tâm kỳ, các con đều có cả. Các con là một Tạo Hóa trong Tạo Hóa. Thế nên các con có thể tiến từ cõi vô thường lên đến cõi hằng thường vô sanh bất diệt ”

**“Ngoài trời Thượng Đế bao la,
Trong lòng vạn tượng cũng là Chí Tôn.” .**

Cơ Quan PTGL ngày Mùng 9 tháng Giêng Giáp Thìn
(18-2- 2024)

CHƯƠNG THỨ BA

GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

Sau khi khảo sát ba phạm trù, vũ trụ, nhân sinh và đạo pháp, chúng ta thấy các tôn giáo đã giới thuyết một giáo lý thuần nhất nhằm minh thị rằng con người có thể tiến hóa đến chỗ cao minh chí đại bởi vì con người đồng tính với Bản thể cực minh cực đại ấy do nơi nguyên lý “Thiên địa vạn vật nhất thể” và cuộc tiến hóa ấy vốn là qui luật tự nhiên của vũ trụ mà người minh triết một khi lãnh hội được có thể tự ứng dụng để tự giải thoát, trở nên hoàn thiện, quay về đồng nhất với Bản nguyên của mình. Bởi vì “nhất bản tán vạn thù, vạn thù qui nhất bản”.

Một giáo lý thuần nhất phù hợp với mọi thực tại từ lớn vô cùng đến nhỏ vô cùng, từ gốc đến ngọn, từ bản thể đến hiện tượng, từ tĩnh đến động, từ bao dung đến sanh hóa, từ vũ trụ nhân sanh đến đạo pháp như thế, có thể gọi là “ giáo lý thuần nhất của Đại Đạo”. Vậy giáo lý thuần nhất của Đại Đạo đã có từ ngàn xưa, mà Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đại cuộc của cả thế giới nhằm đem giáo lý ấy cứu độ cho nhân loại của thời đại này. Trong đại cuộc ấy Cao Đài Giáo lãnh lấy sứ mạng kêu gọi phục hưng Đại Đạo, và muốn phục hưng Đại Đạo phải nhất quán được chân truyền của mọi tôn giáo. Chân truyền đó đã được Đức Chí Tôn khai minh lại từ hơn 50 năm nay mà chúng ta có thể hệ thống hóa bằng nguyên lý nhất nguyên của vũ trụ, nguyên lý đặc nhất của con người và nguyên lý Đại thừa của Đạo Pháp.

I. NGUYÊN LÝ NHẤT NGUYÊN CỦA VŨ TRỤ :

Nguyên lý nhất nguyên của vũ trụ bao gồm : “Cơ chế biến sanh vũ trụ và qui luật tiến hóa tâm linh của vạn vật”.

A. CƠ CHẾ BIẾN SANH VŨ TRỤ.

- Cơ chế biến sanh vũ trụ được thực hiện trong không gian Vô Cực và bằng động năng Thái Cực mà Thái Cực là một khối Đại Linh Quang kết thành do sự ngưng tụ Lý và Khí trong vô cực. Trong Kinh “Đại Thừa Chơn Giáo”, Đức Cao Đài dạy rằng :

“ Trước khi chưa định ngôi Thái Cực thì trong khoảng không gian (ấy) còn đang mịt mịt mờ mờ với khí Hồng Mông.....

“ Không gian ấy là Vô Cực. Trong Vô Cực ấy lại có một cái Lý thiên nhiên tuyệt diệu tuyệt huyền, rồi lại có thêm một nguyên khí tự nhiên nữa. Lý với Khí ấy tức là âm với Dương trong buổi Hồng Nguyên thời đại. Lý Khí ấy lần lần ngưng kết nhau mà đông tụ lâu đời nhiều kiếp mới thành ra một khối Đại Linh Quang rất đủ đầy các sự tốt đẹp.

....Ay chính là ngôi Chúa tể Càn Khôn vũ trụ biến hóa ra vậy” Đại Thừa Chơn Giáo, Trước tiết tàng thơ, tr.175)

Như thế, ngay ở điểm khởi đầu của cơ nguyên hóa sanh vũ trụ, ta đã thấy hình thành một bộ máy Âm Dương – Thái Cực. Chính bộ máy này là Lý nhất nguyên bắt dịch từ cuộc vận hành vũ trụ, hóa sanh muôn loài đến sự thúc đẩy vạn vật tiến hóa.

Đại Thừa Chơn Giáo viết tiếp : “Vũ trụ từ đây mới bắt đầu có ngôi Thái Cực trọn lành trọn tốt, toàn tri toàn năng, biến thiên vạn hóa, vô tận vô cùng, nắm trọn cả quyền hành thống chưởng cả Càn Khôn vũ trụ và lấy cơ thể Âm Dương mà phân thanh biện trực, làm máy động tịnh để gồm tụ cái khí Hư Vô đặng hóa sanh muôn loài vạn vật “ Đại Thừa Chơn Giáo, tr.176)

Câu “ lấy cơ thể Âm Dương...làm máy động tịnh” giúp ta có khái niệm về cơ chế biến sanh vũ trụ bao gồm Thái Cực là chức năng điều hòa : Động tịnh là vận động, khí âm khí dương là thể chất. Nhưng nhìn tổng quát hệ thống ấy cho ta một quan niệm rất quan trọng là quan niệm phóng phát (émanation). Phóng phát có nghĩa là tạo vật được hình thành bằng chính Bản Thể của Tạo Hóa mà tác năng không phải là một Hóa Công tách biệt nhưng là Thái Cực tiềm tàng bằng bạc. Thuyết “phóng phát” được minh chứng bằng khái niệm Đại Linh Quang – Tiểu linh quang của Cao Đài Giáo : Đức Chí Tôn nói: “ Điem Linh Quang là gì ? – Là một cái yển sáng mà thôi. Thái Cực là một “khối Đại Linh Quang” chia ra, ban cho mỗi người một “điem tiểu linh quang” (Đại Thừa Chơn Giáo, tr.19) “Chia ra, ban cho “tức là phóng phát để sinh thành theo nguyên lý nhất thể.

Nhưng cơ chế sinh thành diễn ra theo một qui trình rõ rệt, có đi có về theo một vòng tròn để cho cuộc sanh hóa của vũ trụ không ngừng nghỉ mà vạn vật vẫn lần lượt đạt thành cứu cánh “ Đại Linh Quang”

Đại Thừa Chơn Giáo tr.10 viết :”Khí Âm Dương bắt đầu sinh hóa ra muôn loài vạn vật, muôn loài vạn vật cứ hóa sanh mãi mãi đời nọ sang đời kia, không bao giờ ngừng nghỉ. Đó là một sanh hai, hai sinh ba, ba sinh vạn vật, nhưng vạn vật cũng phải quay đầu về Một là vì “Nhất bốn tán vạn thù, vạn thù qui nhứt bốn”.

....” Cơ siêu phàm nhập Thánh là lẽ tự nhiên pháp nhiệm nó luôn vận hành châu lưu trong Càn Khôn thế giới mà dưỡng dục muôn loài, bảo tồn vạn vật”

Vậy nguyên tắc thứ hai của Cơ chế biến sanh vũ trụ là “châu lưu” theo vòng tròn tức là có chu kỳ, có phản nguyên, mà phản nguyên đây là “siêu phàm nhập Thánh” tức là tiến hóa mà

tiến hóa “quay đầu về Một” nghĩa là khởi sanh từ Thái Cực mà thành toàn trong Đại Linh Quang. Thái Cực chỉ động năng, Đại Linh Quang chỉ Bản Thể nhưng cả hai vốn là Một, là nguyên thủy mà cũng là kết chung.

Tóm lại cơ chế biến sanh vũ trụ vận hành theo qui luật phóng phát và châu lưu tạo thành nguyên lý nhất nguyên của vũ trụ vậy.

B. QUI LUẬT TIẾN HÓA TÂM LINH :

Nguyên lý nhất nguyên nói trên còn được thể hiện qua luật Tiến hóa tâm linh trong vũ trụ. Cơ chế biến sanh vũ trụ được khởi đầu bằng Thái Cực thì cuộc tiến hóa tâm linh khởi đầu từ Chơn Thần. Đức Chí Tôn gọi sự biến sanh vũ trụ là “Khai Thiên Địa” và cuộc tiến hóa tâm linh là “Sanh Tiên Phật”. Ngài nói :

“ Khai Thiên Địa vốn Thầy, sanh Tiên Phật cũng Thầy, Thầy đã nói một Chơn Thần Thầy mà biến Càn Khôn thế giới và cả nhân loại.

“...Thầy khai Bát Quái mà tác thành càn Khôn thế giới nên mới gọi là Pháp; Pháp có mới sanh ra càn khôn vạn vật rồi mới có người, nên gọi là Tăng. Thầy là Phật, chủ cả Pháp và Tăng, lập thành cái Đạo mà phục hồi các con hiệp một cùng Thầy”.

Vậy trong vũ trụ tâm linh có cuộc tiến hóa là phát triển Chơn Thần mà Thượng Đế đã phóng phát từ các vật hạ đẳng đến con người rồi đến Thần Thánh Tiên Phật và sau cùng là hiệp nhất với Thượng Đế. Tức là :”Có Thầy mới có các con, có các con rồi mới có chư Thần, Thánh, Tiên, Phật. Các con là chư Phật, chư Phật là các con... Thầy là chư Phật, chư Phật là

Thầy...Các con là Thầy, Thầy là các con”². Qua đó ta thấy được nguyên lý nhất nguyên trong cuộc tiến hóa tâm linh mà ứng dụng của nó là Đạo phục hồi Chơn Thần, phát triển Chơn Thần đã thọ bảm từ nơi Thượng Đế để sau cùng đồng nhất hiệp nhất làm một với Thượng Đế. Do đó có thể nói đặc trưng của “Tam Kỳ Phổ Độ” là nhân mạnh điều kiện “hoàn nguyên Chơn Thần” để giải thoát và tiến hóa. Đức Chí Tôn đã xác minh rằng :”Thần là khiếm khuyết của cơ mâu nhiệm từ ngày Đạo bị bẻ. Lập “Tam Kỳ Phổ Độ” này duy Thầy cho “Thần” hiệp “Tinh Khí” đặng hiệp đủ “Tam bửu” là cơ mâu nhiệm siêu phàm nhập Thánh... Thầy đến đặng hoàn nguyên Chơn Thần cho các con đắc Đạo” (Thánh ngôn Hiệp Tuyển, Tây Ninh, 1973, Q.1,tr.12)

Cho nên : “Bậc chơn tu tử như hột giống tốt, hễ gieo xuống thì cây lên, cây lên thì trở bông, trở bông rồi sanh trái mà biến biến sanh sanh càng tăng số. Vì vậy mà các con phải bỏ xác trần, mà bông trái thiêng liêng các con sanh hóa chơn thần, chơn thần lại biến hằng muôn thêm số tăng lên hoái. Ấy là Đạo” (Thánh ngôn hiệp tuyển, sđd, tr.31)

Tóm lại nguyên lý nhất nguyên của vũ trụ là lý Đạo thống nhất tất cả mọi vận động biến sanh, dưỡng dục – Tiến hóa trong một qui luật duy nhất và dưới tác năng của một chủ lực Tuyệt đối là Thượng Đế. Đức Chí Tôn đã nêu rõ nguyên lý ấy như sau :

“Trong vũ trụ càn khôn, lấy cái Lý Thái Cực làm chủ tể của muôn triệu ức sanh linh và chương quản vật chất hữu hình. Trong Trời đất có cái lý nhất định thanh quang là Thái Cực làm trung tâm điểm cho vũ trụ Càn Khôn, muôn loài vạn vật. Cái lý Độc nhất toàn tri toàn năng biến hóa vô cùng tận, dưỡng dục cả sanh linh, bảo tồn vạn loại. Lý độc nhất bao quát thần thông

² Xem Đại Thừa Chơn Giáo, Lý Thiên nhiên của Trời, Lý Tự nhiên của người, tr.123

quây chuyển bánh xe vô hình mà làm nấc thang tiến hóa chung cho tinh thần, vật chất, mở mang cái trí tuệ cho mọi người noi theo thiên lý vận hành mà tăng tiến mãi lên cho đến kỳ cùng mục đích là nơi nhất định...” (Đại Thừa Chơn Giáo, Trước tiết tàng thơ, tr. 242)

Phân tách ta thấy :

- Lý Thái Cực chủ tể là : Cao Đài Tiên Ong

- Quay chuyển bánh xe vô hình mà làm nấc thang tiến hóa chung cho tinh thần, vật chất là Đại Bồ Tát.

- Mở mang cái trí huệ cho mọi người là : Ma Ha Tát.

“Cao Đài Tiên Ong Đại Bồ Tát Ma Ha Tát” tức là Đức Thượng Đế thể hiện nguyên lý nhất nguyên cứu độ toàn thể nhân loại trong thời kỳ này lập thành “Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ” vậy.

II. NGUYÊN LÝ ĐẮC NHẤT.

Trong khi đi tìm một giáo lý thuần nhất về vũ trụ và con người qua các tôn giáo chúng ta đã được thuyết minh về phạm trù đại vũ trụ và phạm trù tiểu vũ trụ. Cái trước là một thực tại nhất thể bao dung cả vật chất lẫn tâm linh trong đó mọi biến hóa sanh thành của vạn vật đều được qui định bất biến bởi một bản thể duy nhất đồng nhất, một động lực duy nhất tuyệt đối và một qui trình nhất định. Cái sau là thực tại đồng nhất với cái trước đang vận động trong một qui phạm giới hạn nhưng đặc điểm của nó là vẫn góp phần vào cái trước một cách tự nhiên vừa có khả năng phát triển đến cũng cực một khi đạt đến ý thức tự chủ của một tiểu vũ trụ.

Cái ý thức tự chủ đó là sự “nhất quán” được đạo lý trong vũ trụ vạn vật. Cao Đài gọi là Đắc Nhất. Đắc Nhất là đứng ở vị trí của chính Trung và chấp hành được Quyền Pháp.

1. Có Đắc Nhất, mọi hành động của con người mới mang được tầm kích vũ trụ, mới thể hiện được tính chất nhất thể với Trời đất. Đức Chí Tôn từng phán :

Càn Khôn trẻ muốn chung cư thất,
Thiên Địa con toan động tác thành;
Ngưỡng cửa viên dung là chữ Nhất,
Không tìm sao thấy ở hình danh.
(Thánh giáo sưu tập 1971, tr.206)

Ngài dạy tiếp :

“ Các con ơi ! Sự Đắc Nhất đối với người tu theo Đại Đạo của Thầy là một then chốt quan trọng ở mục tiêu, vì mục tiêu là điểm rớt ráo. Nếu các con không nhìn nhận và nắm được lẽ Một ấy, cứ quanh quẩn bên ngoài không bao giờ đến chỗ. Nếu không được Một chẳng những con quanh quẩn bên ngoài vòng đạo lý, mà phải chịu trong sự vô minh....(Thánh giáo sưu tập, 70-71, tr.206)

3. Muốn ở trong vòng Đạo lý hay Đắc Nhất, con người phải đứng ở vị trí chính trung. Theo Đại Thừa Chơn Giáo :”Trong trời đất có cái “lý nhất định” thanh quang là Thái Cực, làm “Trung tâm điểm “cho vũ trụ càn khôn muôn loài vạn vật “ còn đối với Nhơn loại, cái “tâm lòng” lại là trung tâm của con người nó làm chủ cho Nhơn thân rất mầu nhiệm thông linh làm cho người được an vui trên con đường tiến hóa “ Đại Thừa Chơn Giáo, tr.26,37)

Vậy “chấp trung” là vận dụng cái Lý Thái Cực tại tâm mình để tiến hóa, nhưng nó lại có ý nghĩa “ Đắc Nhất” vì con người đã thoát ra lối sống theo “lẽ tự nhiên tầm thường” mà sống hòa hợp với “lý thiên nhiên” của Trời đất. Nghĩa là cái

Trung của người đã qui chiều vào cái Trung của Trời. Đó là Đắc Nhất Trung trực tấn Cao Đài : “Thiên Nhơn chánh vị hòa hài, Vạn đồ cổ vãng kim lai thủ thành”³ . Đức Chí Tôn đã khai minh cho chúng ta rằng sự hòa hợp đó là thuận tòng thiên lý, là noi theo Đại Đạo. Ngài dạy :

“Các con hay nói chung là nhân loại, những hạt giống linh căn được chọn gieo vào vũ trụ, được ban phát quyền Tạo Hóa để lập thành cuộc đời ngự trị cõi thế gian mà các con gọi là Đời, nguyên nhân là Lý, là Đại Đạo, là Thầy, là Cha chung của vạn loại. Các con đã sanh trong Đại Đạo hãy noi theo Đại Đạo mà thành về cõi Thượng Thiên Vô Cực (Thánh giáo suu tập 68,tr.7)

Vậy lẽ Trung nhất là nắm được thiên ý ra đi mà hội ý được cơ nguyên trở về, nhất quán được hai chiều mà lập thành Trung Đạo. Đó là nói về đường lối, còn tính chất Đắc Nhất trong sự thực hành là Hòa và vô chấp, vô phân biệt. Trung Hòa là thông suốt rằng vạn sự vạn vật chỉ có một lý và dùng một lý để điều hành vạn sự vạn vật. Trung Hòa là ung thuận với hết thảy mọi điều mà không vướng mắc vào điều nào luôn luôn chuyên nhất theo một đường lối đạo lý không bao giờ thiên lệch. Đức Chí Tôn dạy rằng :

Thầy chỉ sơ con đường “Trung Đạo”
Đạo Trung Hòa thánh giáo phát sinh;
Trung là nguồn cội nhơn sanh,
Không chôn, không đảo, chung quanh qui về.
(Đại Thừa Chơn Giáo, tr.52)

³ Huấn từ Đức Chí Tôn, Cơ Quan, 29.2.Mậu Ngọ (6/3/1978)

Chung quanh đều quay về khi nào tâm ta tuyệt đối không còn câu chấp, không còn phân biệt, nghĩa là ta và vạn sự vạn vật, thiên thượng thiên hạ cùng thống nhất nơi điểm “duy tinh duy nhất”. Đó là :

“ Quân bình tâm vật kỷ cương,
Thân hình cu diệu tứ phương cộng đồng”.⁴

Nên Đức Chí Tôn đã nhấn mạnh rằng :”Đắc Nhất không có nghĩa là con chỉ tôn thờ một tôn giáo, một lý tưởng cao đẹp nào. Đắc Nhất không có nghĩa là con chỉ giữ một nhiệm vụ nào làm cho đến ngày cởi bỏ xác phàm, đều ngược lại, như lời của Đức Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ :

“ Đại Đạo vận hành trong lẽ một,
Một mà tất cả phải làm sao ?

Làm sao từ huệ được viên dung,
Duy ngã độc tôn biết chỗ dùng
Thiên thượng bao trùm ơn đức cả,
Nhơn gian nhuần gội nghĩa tình chung.

Chi ly vì bởi lòng phân biệt,
Hòa hợp nhờ chung ý não phùng;
Biết Đạo, biết mình tua biết phận,
Đại Thừa giục vó đến đường Trung (Trung Đạo)
(Đàn số 2/Kỷ Mùi, 11.2.79)

1. Nhưng sự ứng dụng đặc biệt của nguyên lý nhất nguyên và nguyên lý đắc nhất trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là

⁴ Huấn từ Đức Chí Tôn đã dẫn.

sự ban trao và chấp hành “Quyền pháp”. Quyền pháp là cái gạch nối liền giữa Thượng Đế – Người Sứ Mạng và nhân loại.

Quyền pháp nói chung “là cơ và lý là phương định đưa Tuyệt đối vào sở vật thực tại tương đối, chuyên vô thường giả tam vào siêu nhiên bất diệt”. Như thế quyền pháp là một thần lực có tác năng hai chiều nhưng chỉ nhằm có một cứu cánh, chiều thứ nhất là chiều phóng phát, chiều thứ hai là chiều hoàn nguyên mà hệ quả thống nhất là hiện tượng thăng hoa về bản thể.

- Trong sở vật thực tại vũ trụ “điểm quyền pháp được chứa đựng là ngôi Thái Cực, là Thầy, là Đạo chuyên cơ sanh hóa vạn vật vũ trụ là động năng thúc đẩy tạo thành Thánh Đức sau Hội Long Hoa”.

- Trong sở vật thực tại của con người “điểm quyền pháp là linh hồn. Nhờ đó mà sanh ra, trưởng thành và có thể tiến hóa đến mức đối phạm thành Thánh, thay tục hóa Tiên được”.

- Trong sở vật thực tại của các tôn giáo “Quyền pháp này thúc đẩy các tôn giáo kết thành thực thể “Đạo cứu thế” trong Tam Kỳ Phổ Độ.”

Nếu chúng ta nhất quán ba thực tại nói trên thành một hệ thống của cơ Phổ độ ngày nay thì ta có một phạm trù Đại Đạo, trong điểm quyền pháp nơi con người đã trở nên một sứ mạng. Đức Giáo Tông đã xác minh sứ mạng ấy bằng câu : “ Con người nắm được quyền pháp mới chuyển đưa vật loại vào thiên lý và chuyển Thiên Lý vào vật loại”.

Thế nên Đức Giáo Tông đã thúc đẩy rằng “ Muốn được vậy chư đệ muội (người sứ mạng) phải làm sao, làm thế nào để phát huy quyền pháp được đặt để. Từ xưa các tôn giáo được tạo lên để giải quyết tâm linh, nhưng Tam Kỳ Phổ Độ Thầy phải

trao cho chư hiền, cho dân tộc này một quyền pháp Đạo để lập thành quyền pháp Đạo thực thể thuần chánh để cứu thế”.⁵

Thật vậy, thực hành quyền pháp là thể hiện thực chất của một thực tại chịu tác động của nguyên lý nhất nguyên vũ trụ và đặc nhất với Thiên Cơ. Nói đến quyền pháp nơi con người là nói đến một thực tại sinh động đang tiếp nhận một động năng là “Pháp” đồng thời phát ra một tác năng là “quyền”, chứ không phải chỉ là một thực tại ở trạng thái bản thể linh quang. Quyền pháp ở đây đã có tính cách chủ thể của một tiểu vũ trụ.

Đức Vạn Hạnh Thiền Sư đã giải rõ thêm về quyền pháp của con người sứ mạng như sau : “ Quyền là hình thức thể hiện cái pháp trước đối tượng, Pháp là thể hiện trước bản thân. Quyền pháp tương đồng tác động con người và vạn thể, tha nhân và bản ngã. Có quyền không có pháp không đưa con người đi về đâu : trái lại sẵn sàng xô ngã con người vào lạc lầm u tối. Có pháp ắt sẽ có quyền. Quyền pháp là khả năng giáo hóa ứng tiếp với chủ thể Đại vũ trụ.”⁶

Tóm lại “ Ban trao Quyền pháp” và “thi hành quyền pháp” là một đặc trưng của Tam Kỳ Phổ Độ thể hiện giáo lý thuần nhất của Đại Đạo một cách thực tiễn trên căn bản “Thiên Địa vạn vật nhất thể” và “ Thiên nhơn hiệp nhất”

Đó là “ Thử sứ mạng đương sanh hoàng giáo
Thi Đại Thừa Thiên Đạo tiên tu
Kỳ khai nhất bản vạn thù
Vạn thù qui nhất công phu siêu phàm”

⁵ Xem Cao Đài Giáo Lý số 82/1973 Quý Sửu, tr.40

⁶ Xem Đạo Học Chí Nam – Minh Lý Thánh Hội

III. NGUYÊN LÝ ĐẠI THỪA CỦA ĐẠO PHÁP ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ.

Hội ý qui luật “Châu nhi phục thi” của cơ chế sinh thành trong vũ trụ qui luật “huờn nguyên chơn thân” của cuộc tiến hóa tâm linh cùng với phương định “chuyển vô thường giả tạm vào siêu nhiên bất diệt” của Quyền pháp “chúng ta có nguyên lý Đại Thừa trong Đạo pháp Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Nguyên lý Đại Thừa được Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ thực hiện qua tôn chỉ “Tam giáo qui nguyên, ngũ chi phục nhất” trên phương diện cương lĩnh của giáo thuyết và qua sứ mạng phụng hành Thiên Đạo cho công cuộc giải thoát phổ độ nhân sinh.

A, TAM GIÁO QUI NGUYÊN NGŨ CHI PHỤC NHẤT.

1. “Tam giáo qui nguyên, Ngũ chi phục nhất” là tôn chỉ của Đại Đạo nói lên tính chất đặc biệt “kỳ ba” của Đại Đạo. Đó là đặc tính “qui nguyên và phục nhất” sau khi lịch sử nhân loại trải qua Thượng nguơn và Trung nguơn và lịch sử tôn giáo trải qua Nhất kỳ và Nhị kỳ Phổ độ.

Khi mới Khai Đạo, Đức Chí Tôn đã điễm qua cuộc tiến hóa tâm linh của nhân loại như sau :

“ Các con khá biết, Đạo có ba nguơn. Ba nguơn ấy là cái số cuối cùng của Trời Đất. Trước hết mở đầu là Thượng Nguơn. Thượng nguơn đây chính là nguơn Tạo Hóa là nguơn đã gây dựng cả Càn Khôn vũ trụ. Vậy khi mới tạo thiên lập địa, nhơn loại sanh ra thì tánh chất con người rất đổi hồn hồn ngạc ngạc, còn dương thuần phác thiện lương nên chỉ cứ Thuận tòng Thiên lý mà hòa hiệp dưới trên, tương thân, tương ái. Thời kỳ ấy người người đều hấp thụ khí Tiên Thiên nên hằng cộng hưởng thanh nhàn khoái lạc và vui say mùi đạo tháng ngày. Bởi đó Đòi

Thượng Cổ mới có danh là Đồi Thượng Đức, mà Thượng Ngươn ấy cũng kêu là ngươn Thánh Đức nữa.

“Kế đó bước qua Trung ngươn thì nhân tâm bất nhất, tập quán theo thói đời thâm nhiễm những nét xấu mới làm cho xa mất điểm thiện lương, bèn cậy ở sức mình mà áp bức lẫn nhau, chém giết lẫn nhau, tương sát tương tàn, mạnh còn yếu mất thì mới sanh ra biết bao trường huyết chiến không còn kẻ đồng loại đồng chủng, đã lợt tình đồng nghĩa đồng bào. Bởi đó đời Trung cổ mới có danh là đời Thượng lực, mà Trung ngươn ấy cũng kêu là ngươn Tranh đấu nữa.

“Tiếp đến Hạ ngươn, sự tranh đấu ngày càng ráo riết, dữ tợn, góm ghê thì nhân loại lại chê sức mạnh mà dùng não cân nên mới bày ra chức quỷ mưu tà, kế sâu bẫy độc, thiệt là khốc liệt phi thường. Đó cũng là lẽ tự nhiên, càng tranh đấu lắm mới càng tiến hóa. Ngặt càng tranh đấu lắm lại càng ác liệt lắm nên tranh đấu ắt phải đến thời kỳ tiêu diệt. Bởi đó, thời hiện tại là thời mạt kiếp, còn hạ ngươn này là ngươn điêu tàn.

“Nhưng hễ loạn thì tới trị, vong tất phục hưng, nên tiêu diệt tất cả sẽ bước đến ngươn Bảo tồn là ngươn Đạo Đức phục hưng để sắp lập lại như đời Thượng Cổ, thế nên cũng gọi là ngươn Tái Tạo.”⁷

Vậy xét theo diễn biến tâm lý xã hội của loài người thì nhân loại hiện đang trải qua Ngươn Điêu Tàn, và theo qui luật tuần hoàn thì trong Ngươn Điêu Tàn đã khởi mầm Ngươn Tái Tạo, đời mạt kiếp là yếu tố thúc đẩy cuộc phục hưng Đạo Đức. Do đó phải có những chuyển biến phù hợp với qui luật nói trên tác động vào tinh thần phân ly hiểm ác để trở nên hiệp nhất đại đồng.

⁷ Tiếp tr.63, Đại Thừa Chơn Giáo, Chiếu Minh Tam Thanh xuất bản, tr.394

Trong lúc ấy song song với lịch sử nhân loại, tôn giáo, phản ánh nhu cầu tâm linh con người, sau khi trải qua Nhất Kỳ và Nhị Kỳ Phổ Độ tương ứng với Thượng nguyên và Trung nguyên, đến thời đại hiện nay, bước qua Tam Kỳ Phổ Độ cũng phải diễn biến đúng theo qui luật nói trên.

Nhất Kỳ Phổ Độ phù hợp với bản chất hồn nhiên của con người Thượng Cổ. Loài người thuở ấy sống hòa mình với thiên nhiên, cảm thấy ở đâu cũng có sinh lực nhiệm màu của Trời đất và ước ao hòa hợp được bản thân mình vào toàn khối sinh lực ấy và đạt được hạnh phúc lớn lao vĩnh cửu nên Thượng Đế mặc khải cho kinh Vệ Đà, ca tụng bản thể Brahman của vũ trụ, lập thành nguồn gốc Ấn Giáo. Họ cũng cảm thấy có một thần quyền tối cao, tạo hóa vũ trụ ngự trị muôn loài cho nên được mặc khải qua các vị tiên tri có một đấng Chúa Trời mà loài người phải chiêm ngưỡng tôn thờ, lập thành Do Thái Giáo. Ở Trung Hoa, Phục Hy, Văn Vương cũng được mặc khải nguyên lý hóa sinh của Trời Đất để dạy cho con người lễ Âm Dương Dịch hóa hầu biết sống hòa hợp với lễ Trời.

Vậy Nhất Kỳ Phổ Độ là thời kỳ bổ hóa cho con người còn bản chất gàn gỏi với Đạo Trời.

Đến Nhị Kỳ Phổ Độ ứng bới nguyên Tranh Đấu thời Trung cổ nên có các vị Giáo Chủ lập Đạo để cải hóa nhân tâm, định an xã hội. Nhị Kỳ Phổ Độ nhắm ở chỗ cải thiện con người làm đích, nên Phật giáo ra đời chỉ rõ cái khổ hải do tham sân si, Lão giáo ra đời dạy sống vô vi thanh tịnh để bảo tồn tánh mạng; Khổng giáo ra đời để đem Nhân Đạo dạy tu thân tế thế. Kỳ Tô Giáo ra đời để dạy Đức Bác Ai hy sinh.

Tuy nhiên dù muốn dù không con người cũng phải bước qua thời kỳ Hạ nguyên với những điểm đặc biệt sau đây :

Con người ngày càng phát triển văn minh vật chất, ngày càng đấu tranh dữ dội bằng những phương tiện tối tân, lòng

tham càng nảy nở, càng xa rời đạo đức; một mặt kiến thức nhân loại mở mang, óc tư duy phát triển, nảy sinh trăm ngàn chủ thuyết tác động vào tư tưởng con người khiến cho nhân tâm chia rẽ, hoang mang không biết đâu là chân lý. Mặt khác, thế giới trở nên liên quan chặt chẽ, con người ngày càng hiểu biết giao tiếp nhau nhiều hơn. Một biến chuyển gì ở một nơi đều có liên hệ đến khắp nơi trên thế giới.

Tôn giáo cũng biến đổi theo nhân tâm, hầu hết đều phô trương hình tướng, cố tạo thanh thế với đời mà không giữ gìn thực chất trong đạo, mặt khác do sự giao lưu phát triển, tôn giáo dần dần mất tích, địa phương cục bộ, khiến cho nhân loại nảy sinh một nhu cầu tâm linh cần nhất quán hết thảy tinh hoa các tôn giáo truyền đạt lại từ Nhị Kỳ Phổ Độ qua các Giáo chủ bốn phương, mới tránh khỏi sự chia rẽ thù nghịch giữa các tín đồ các tôn giáo.

Giữa lúc ấy, ngay đầu thế kỷ 20, Đức Thượng Đế rọi ánh thần quang xuống cõi phàm dấy lên tôn chỉ “qui nguyên phục nhất” là một lập phương đối trị chính xác với trạng huống phân ly toàn diện của nhân loại ngày 24.4.1926 Đức NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ VIẾT CAO ĐÀI TIÊN ÔNG ĐẠI BỒ TÁT MA HA TÁT GIÁO ĐẠO NAM PHƯƠNG phán quyết qua cơ bút :

Vốn từ trước Thầy lập ra Ngũ Chi Đại Đạo là :

Nhơn Đạo

Thần Đạo

Thánh Đạo

Tiên Đạo

Phật Đạo

“Tùy theo phong hóa của nhân loại mà gầy chính giáo, là vì khi trước Càn khôn đặc khán, khôn vô đặc duyệt, thì hơn loại duy có hành đạo nơi tư phương mình mà thôi. Còn nay thì

nhơn loại đã hiệp đồng, Càn khôn dĩ tận thức, thì lại bị phần nhiều Đạo ấy mà nhơn loại nghịch lẫn nhau, nên THẦY nhất định qui nguyên phục nhất” (Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Q.I,1973,tr.18)

Cơ cấu của cuộc qui nguyên được thành lập ba nên tôn giáo lớn Nho – Thích – Lão, nghĩa là lấy trọng tâm thuần nhất của ba nên tôn giáo đó là Đại Đạo để hệ thống tất cả các tôn giáo lại thành ĐẠI ĐẠO TAM KỶ có tác dụng cứu thế lớn lao. Cho nên “Tam Giáo qui nguyên” là biểu hiện một công cuộc hồi sinh Chánh Pháp của Đức Chí Tôn mà trong thời kỳ Hạ nguon con người đã làm cho mai một chẳng những trong tam giáo mà cả trong vạn giáo. Qui nguyên được Tam Giáo thì Chánh giáo sáng tỏ bởi vì Chánh giáo thị hiện ra ở chỗ Đắc Nhất của Tam Giáo : do đó vạn giáo sẽ đều thấy sáng tỏ Chánh pháp trong mỗi tôn giáo và trở nên một hệ thống Đạo pháp thống nhất.

Thế nên sau tiêu đề Tam Giáo qui nguyên là “Ngũ chi Phục nhất” nghĩa là Nhơn Đạo, Thần Đạo, Thánh Đạo, Tiên Đạo, Phật Đạo sẽ là năm trình độ chuyên hóa liên hợp nhất trí trên cứu cánh giải thoát con người một cách toàn diện và dần dần đạt đến nấc thang tiến hóa tuyệt đích. Mà muốn lập thành hệ thống nhất trí đó, mỗi tôn giáo nhất quán được một Chánh pháp duy nhất của một Đấng Giáo Chủ Duy Nhất Tối Cao là Đức Cao Đài Thượng Đế, để hành đạo dưới hình thức tôn giáo mình theo mặt khác của Chánh pháp ấy mà mình thọ hưởng được qua những thời kỳ và những địa điểm khác nhau.

Vậy “Tam giáo qui nguyên, ngũ chi phục nhất” là tôn chỉ mà cũng là “Đạo pháp” của Đức Chí Tôn lập ra giữa thời kỳ Hạ

Nguồn để thực hiện một công trình kết thúc cuộc hoảng hóa của Ngài xuyên qua ba thời kỳ như Ngài đã phán.

“Thầy là Phật chủ cả Pháp và Tăng, lập thành cái Đạo mà phục hồi các con hiệp một cùng Thầy” (Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, 73, tr.52)

“Tam Giáo Qui Nguyên” không phải chỉ là trùng hưng NHO THÍCH LÃO trong tinh thần đề cao ba nền tôn giáo lớn, hay là làm một sự chấp nối các giáo lý. Cái chân giá trị của tôn chỉ là qui nguyên, là thể hiện chân lý duy nhất tức là Đại Đạo, hay nói một cách rõ ràng hơn là nhận chân được Thượng Đế và trở về với Thượng Đế. Bởi vì Thượng Đế chính là Đại Đạo.

Đức Chí Tôn đã nói từ trước: “Ngày nay Thầy đến đây đem ba nền tôn giáo hiệp nhất lại tạo thành một tôn giáo lớn lao để đời đời kiếp kiếp cho nhơn sanh nương vào đó mà lánh con khổ nạn thảm sầu. (Đại Thừa Chơn Giáo, Trước tiết tàng thơ, 1956, tr.91)

Và Ngài lại nhắc lại gần đây rằng: “Từ thuở khai Thiên tịch Địa sắp bày trần thế đến ngày nay, các con chỉ hiểu Đạo khai trong những thời kỳ hỗn loạn để cứu thế, hay Đạo khai trong cơ biến dịch đất trời. Đến ngày nay, Thầy đã dạy rất nhiều và rất rõ ràng cho các con từ mấy mươi năm qua, Đạo là con đường duy nhất của vạn linh sinh chúng, từ THẦY ban phát đến thế gian, và từ thế gian các con trở lại cùng THẦY. THẦY là Hư vô chi khí, thì Đạo cũng đồng nghĩa đó thôi. Nên chi, trong thời kỳ Hạ Nguồn, chính mình Thầy dùng khí Hư Vô trực tiếp hữu hình đến thế gian để dẫn dắt thâu hồi những điểm linh quang

Thầy đã cho đến trần gian trở về khối Đại Linh Quang” (Ngọc Minh Đài, 8.2.67)

Tóm lại “Đạo pháp” của Tam Kỳ Phổ Độ trên phương diện cương lĩnh lý thuyết dùng tôn chỉ “Tam Giáo Qui Nguyên Ngũ Chi Phục Nhất” để dung hòa thống nhất tinh thần toàn thể nhân loại và để đặt vào mọi cấu thể tôn giáo một nhân tố phát động hay một điểm Đạo làm thành một hệ thống động năng cứu thế chọn chánh và hữu hiệu.

Nhận định về sự phục hưng nền tảng Tam Giáo Đồng Nguyên. Đức Vạn Hạnh Thiền Sư có nói :”Tục ngữ có câu : có bột mới gột nên hồ. Những tư tưởng dung hòa Tam Giáo từ xưa đã là những nền tảng của bột để mang đến thời kỳ này Đức Chí Tôn mới thị hiện để làm hồ, có đầy đủ một hệ thống giáo lý căn bản không sót, từ xưa, chẳng những từ cổ tới kim mà còn từ Đông sang Tây nữa.

“ Điểm phong phú dồi dào sinh lực tinh thần ở thời kỳ Hạ Nguơn này là như thế, Tam giáo, Tứ giáo và cả Vạn giáo nữa để gộp thành một tôn giáo mệnh danh là Cao Đài Giáo hay Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ” (Thánh giáo sưu tập 70-71, tr.293)

Và Đức Giáo Tông Đại Đạo Thái Bạch Kim Tinh cũng đã niêu rõ tác năng, hiệu quả của ngọn đuốc “Qui nguyên Phục nhất” xuất phát từ mảnh đất được chọn này, làm quyền pháp bất biến của Tam Kỳ Phổ Độ. Vận hành toàn thể các động năng cứu thế trên thế giới.

“ĐạiTù Phụ dựng Cao Đài nơi vùng Đông Nam Á này để làm Quyền Pháp. Chính sứ mạng Quyền Pháp này thúc đẩy mọi sở vật thực tại tôn giáo kết thành thực thể Đạo Cứu Thế trong Tam Kỳ Phổ Độ cũng như cái ngòi gà trong quả trứng vậy.

Quyền pháp Đạo Thực Thể Cứu Thế phải có trách nhiệm trên toàn thể nhân loại. Không phải chỉ giải quyết vấn đề tâm linh, chính là giải quyết toàn diện cá thể con người, chư hiền đệ muội nên nhớ rằng nếu một quyền pháp, một phương thức trị dứt căn bệnh của dân tộc, giải thoát sự hủy diệt của dân tộc này thì sẽ giải thoát được sự hủy diệt cả thế giới “(Cao Đài Giáo Lý)

Một hệ thống giáo lý thuần nhất bất biến nhất quán từ cổ đến kim dung hòa từ Đông sang Tây, hàm ẩn một sức vận chuyển thiên cơ thể Đạo. Như trên thị hiện cái nguyên lý Đại Thừa của Đạo Pháp Tam Kỳ Phổ Độ vậy.

B. PHỤNG HÀNH THIÊN ĐẠO

Trên kia là nguyên lý Đại Thừa trên phương diện lý thuyết, Hành đạo để thực hiện nguyên lý ấy gọi là thi hành sứ mạng Đại Thừa hay Thiên Đạo Đại Thừa.

Trước cơ Đạo Hạ Nguơn, Nguyên lý Đại Thừa nhắm ở chỗ đạt lý Qui nguyên Tam Giáo để làm quyền pháp tỏa rộng trên màn lưới của tất cả các cấu tử phục vụ Tam Kỳ Phổ Độ.

Nơi mỗi người sứ mạng Nguyên lý Đại thừa nhắm ở chỗ làm sáng tỏ Điểm Đạo tự hữu mình trước để trở nên một nguyên nhân giải thoát đương nhiên lãnh lấy sứ mạng hiện tiền giữa

chúng sanh đau khổ để biến cuộc đời thành thế gian Thánh Đức bằng cách chuyển hóa nội tâm mọi cá thể loài người để cùng giác ngộ, tự chủ cuộc sống theo Đạo lý.

- Thiên Đạo Đại Thừa ở lúc phát tâm của người giác ngộ là Vong kỷ vị tha.

- Thiên Đạo Đại Thừa trên bước đường hành đạo là Tu Tánh Luyện Mạng.

- Thiên Đạo Đại Thừa ở mức viên mãn là hoàn thành sứ mạng độ đời.

Đức Vô Cực Từ Tôn có dạy : “ Thiên Đạo Đại Thừa phải vong kỷ vị tha“ Kỷ mà các con còn vong thì còn gì mà bám víu. Còn kỷ là các con còn Chấp. Còn chấp là còn tranh, thị phi thanh trược. Nếu như vậy thì sứ mạng khó hoàn thành đó các con. Muốn độ đời là phải hòa vào muôn ngàn sai biệt để giác ngộ người đời, giúp người tìm đến tâm linh đã tự có sẵn trong mỗi các con đó. Có như vậy thì sứ mạng các con mới hoàn thành”.⁸

Đức Giáo Tông Đại Đạo Thái Bạch Kim Tinh cũng dạy : “Con người có tánh mạng. Tánh là Thiên Tánh, Mạng là Thiên Mạng, hai tú khí âm dương tạo thành là bản thể của Thiên Địa vạn vật. Nếu biết tu tánh đừng để tánh bị muội mê bởi tham dục che lấp vì danh lợi tình tiền. Những thứ vật vô thường đã gây cho con người biết bao thảm họa triền miên từ kiếp này sang kiếp khác. Biết tu tánh thời không tham thì vẫn có ăn mà mặc,

⁸ Đản 14.8.Đinh Tỵ (26.9.77) tại Cơ Quan

không lặn thân vào chỗ đau khổ mà vẫn có địa vị con người. Do đó, tu tách là ánh linh sáng chói trong muôn ngàn nẻo Thánh. Còn biết luyện mạng là Thiên mạng hằng tại, không thiên, không lệch, không ô nhiễm tham dục, trên thuận cùng Trời, dưới an vui bốn cõi, hòa mình khắp chốn, lòng dân là lòng ta, lòng ta là lòng Trời.... Sống thì Thánh, thác thì Thiêng. Oi nội Thánh ngoại Vương, sống hằng sống trong cõi Thiên Đàng cực lạc thì còn gì mà mơ ước nữa. Phật Tiên cũng chỉ thế thôi.”⁹

Nhưng tu Tách luyện mạng không có nghĩa là “độc thiên kỳ thân” Bước đường giải thoát chỉ viên mãn trong sự cứu độ viên mãn chúng sanh bởi vì Thiên Đạo là đường lối Đại Thừa. Cho nên Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn có nói :

“ Người hành giả quyết tâm học chánh pháp Đại Thừa là có sứ mạng cao cả để thực hành Thiên Đạo trong xã hội.....vì vậy, các hàng giáo chủ xưa kia muốn đánh thức giấc ngủ triền miên say đắm của dân tộc, của nhân loại phải tự mình thể nghiệm trước để tìm thấu hiểu nguồn cội hạnh phúc vĩnh cửu cho nhơn loại. Khi nhận thức được chơn lý tuyệt đối mới lập thành tôn giáo trong một quốc gia để khai phóng con đường hồi sanh giác ngộ. Từ một tôn giáo đến một quốc gia đến xã hội nhơn loại, cái chủ đích ấy không giáo chủ nào không thực hiện. Thế thì người tu hành học đạo mong được giải thoát là phải mang vào sứ mạng Đại Thừa.¹⁰

Tóm lại, ứng dụng nguyên lý Đại Thừa vào người hành giả là một cuộc thực hành Thiên Đạo giải thoát. Mà Thiên Đạo

⁹ Đản Giao Thừa 30 rạng mùng 1 Đinh Tỵ tại Cơ Quan (17.2.77)

¹⁰ Đản 10.6 Bính Thìn (6.7.76) tại Vĩnh Nguyên Tự

giải thoát có nghĩa là sống bằng Thiên mạng thể nhập vào cuộc sống của Nhơn loại để chuyển đưa Nhơn loại theo Thiên lý mà tiến hóa đến sự viên thành Bản Thể đồng nhất hiệp nhất hằng tại.

Chỗ rốt ráo của Đạo Pháp Thiên Đạo Đại Thừa là cái vô phân biệt, vô sai biệt của tâm. Chỗ viên thành cái tánh mạng hành giả là chỗ hiệp nhất trong Bản thể đồng nhất duy nhất. Bởi vậy Đức Chí Tôn lập Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, nói một cách đơn giản là để kêu gọi Nhơn loại như sau :

“ Hỡi các con ! Hãy cố tìm sự sáng suốt của Thầy ban cho mỗi trẻ từ Bạch Ngọc Kinh đến đây để suy đoán kiếp sanh tồn của con, và con nắm vững sự sáng suốt ấy để châu Thầy hằng bữa đang ngự trị trong lòng con...Thầy phải đem hình thức Thánh Thể sắp bày nơi trần gian cũng như Thầy đã vạch rõ máy hành tàn vận chuyển sự sanh tồn của con ra trước mắt, để con tìm thấy sanh môn tử lộ, tìm thấy Thầy là các con, các con là Thầy “ (Thánh giáo sưu tập 66-67, tr.90)

Do đó, từ trước đến sau Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ hình thành và vận chuyển theo ba nguyên lý : nguyên lý nhất nguyên của vũ trụ, nguyên lý đặc nhất của con người, nguyên lý Đại Thừa của Đạo pháp tức là một thể nghiệm đương nhiên của nguyên lý Thiên Địa vạn vật Nhất thể và “ Nhất bản tán vạn thù, vạn thù qui nhất bản” trong thời kỳ Hạ nguơn này vậy.■

CHƯƠNG THỨ TƯ

ĐẠO PHỤNG SỰ ĐỜI

Thiện Chí tổng hợp

“Đạo phụng sự đời” hay “Đạo cứu Đời” là vấn đề sanh tử của các tôn giáo. Tôn giáo có giải thích được vai trò phụng sự đời và thể hiện được sự phụng sự ấy, tôn giáo mới tồn tại. Nếu không, tôn giáo chỉ còn là những nghi thức phiền phức mà luật đào thải sẽ loại khỏi nếp sống nhân sinh.

Để giải quyết vấn đề sanh tử này, chúng ta phải quán định xem Đạo là đâu, Đời là đâu, tác động của Đạo vào Đời như thế nào, nhằm chủ đích gì, và tôn giáo ta đang nghiên cứu chủ trương hành đạo ra sao để đạt được chủ đích ấy.

I. ĐẠO LÀ ĐÂU, ĐỜI LÀ ĐÂU

A. Đạo mà phụng sự được đời ấy là **đạo pháp**. Đó là phần hiện thực của đạo mông lung huyền nhiệm. “*Đạo là khả năng tâm linh “Thiên phú” cho bất cứ cá nhân nào trong xã hội. Pháp là tùy hoàn cảnh, tùy cá nhân mà con người ấy phổ diễn tổ chức và phô bày trước ánh sáng một vấn đề gì trong tập thể nhân sinh*” (Đức Vạn Hạnh Thiền Sư – Đạo học chỉ nam)

Vậy hành đạo hay sử dụng **Đạo pháp** là vận dụng khả năng tâm linh để tác động vào tâm linh tha nhân và phục vụ cho nhân sinh.

Đạo pháp nơi đây có một vai trò vô cùng rộng lớn trong vũ trụ và thâm nhập trong mọi vật thể tế vi. Vì đạo pháp là một phạm trù đứng giữa nhân sinh và đạo pháp có những mối tương quan tương hiệp chặt chẽ linh động để biến hóa và tiến hóa

trong qui luật của vũ trụ liên kết bát đoạn từ vô đến hữu và từ quá khứ, hiện tại đến tương lai.

Tóm lại, Đạo pháp là **cái dụng** của Đạo điều hòa vũ trụ và nhân sinh.

B. Đòi là nhân sinh (Nhân sinh là Đòi)

Đòi là sinh hoạt chung của con người bao gồm hai địa hạt tinh thần và vật chất.

Con người vốn là sinh vật minh linh, tiến hóa đứng đầu vạn vật có quyền uy làm chủ muôn loài. Sự sống của con người tương quan mật thiết với vận hành của vũ trụ. Con người có ý thức về điểm linh quang tự hữu của mình thì đương nhiên có một địa vị rất lớn giữa vũ trụ. Thế nhưng nhân sinh vô cùng phức tạp. Sinh hoạt của nó đã phóng ra biết bao tư tưởng tạo thành những màng lưới tri thức khiến cho các cá thể vướng mắc vào, truyền nối bao đời làm cho quên mất bản thể diệu dụng của mình. Con người biết theo cái biết sẵn có và buồn vui theo cái buồn vui thường tình. Thế là **không còn tự chủ được tinh thần**.

Rồi còn đời sống vật chất: Sự ăn, mặc, sự sống thường nhật khiến con người phải chen lấn, đấu tranh. Đâu tấy, mặt tối, con người chỉ còn thấy cái hiện hữu. Sự phật lòng đưa đến oán hận, sự giành giựt đưa đến chiến tranh. Con người mãi xoay quanh vật chất trước mắt, cuộc sống bị đóng khung trong hiện tại của thời gian và cắt rời ra ngoài nhịp nhàng của vũ trụ không gian. Thế là **con người làm nô lệ cho vật chất** và sống ích kỷ riêng tây.

II. ĐẠO PHỤNG SỰ ĐỜI

A. Ý thức làm chủ

Vậy Đạo phụng sự Đời như thế nào và nhằm chủ đích gì?

- Người học Đạo nói “Đạo phụng sự Đời” chớ đâu nghĩ rằng sẽ ban cho đời một giáo thuyết cao siêu hay bố thí thật nhiều tiền của.

- Người Đời nghe như thế cũng đừng chờ Đạo xây dựng lâu dài hay kinh tài tế chúng.

- Không, “Đạo phụng sự Đời” không phải là dạy ta làm việc cung cấp văn hóa hay vật chất cho nhân sinh. Bởi chính con người giữa nhân sinh vốn có khả năng tự tạo, tự tiến rồi. Trời sinh ra con người với mình trần và hai bàn tay không nhưng con người đã lớn lên và no ấm. Nếu Đạo tự phụ là đem đến áo cơm cho Đời thì quả là rẽ rung thế nhân. Vậy thì còn đâu là “Thiên thượng, thiên hạ, duy ngã độc tôn”.

Thế nên “Đạo phụng sự Đời phải nhằm cứu cánh thức tỉnh vai trò làm chủ của con người, tức là giải thoát con người ra khỏi những ràng buộc tinh thần và vật chất cố hữu, tự tại tiến hóa, tự giác hành động trong ý thức liên hệ tâm thể.

Do đó, tác dụng của Đạo pháp là đem con người trở lại địa vị làm chủ, làm chủ bản thân và làm chủ vạn hữu biến sinh.

1. Làm chủ bản thân

Đã gọi là bản thân tức thị là cái Ta. Thế mà xưa nay, oái oăm thay, có mấy ai làm chủ được mình. Bởi vì trong Ta cái điểm Tiểu Linh Quang được vây bọc nhiều cấu thể từ nhục thể đến thất tình, lục dục, lục căn, lục thức, lục trần, tam thi, cửu cố. Bao nhiêu thứ ấy tác động từng giây từng phút vào chủ thể là Tiểu Linh Quang. Nếu Tiểu Linh Quang không giữ được địa vị làm chủ thì bản thân sẽ tư tưởng và hành động theo sự sai khiến

của các thể ấy. Mà tư tưởng là từ trong nông cạn của lục thức dựa trên biển ảo giai đoạn của lục trần. Mà hành động là hành động thấp hèn nhằm thỏa mãn thất tình, lục dục. Do đó, cuộc sống là cuộc sống thu hẹp cho cá thể, chia

cách với tha nhân và đoản kỳ theo hiện tượng trước mắt. Con người sống cho cá thể nhưng đã đánh mất bản thể. Chính bản thể mới là cái vinh diệu cao quý nhất của con người. Cái bản thể ấy là điểm sáng trong bầu trời rạng rỡ của vũ trụ. Con người thọ nhận được nó vì con người sở hữu đầy đủ bản chất của vũ trụ. Do đó, gọi là con người, là đã sở định cái nhiệm vụ đương nhiên thúc đẩy sự tiến hóa của vạn loài và dưỡng dục quần sinh. Cho nên sống với bản thể là sống trong địa vị cao quý của mình vừa tiến hóa, vừa góp phần vào cuộc tiến hóa chung. Khi ấy, con người trở lại làm chủ tất cả các cấu thể của bản thân là cái guồng máy của tiểu vũ trụ để phục vụ cho **sứ mạng vi nhơn**. Thế nên Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ có dạy:

*“Những cấu tử trong bản thể con người, nếu biết sử dụng nó, nó sẽ giúp ích rất nhiều cho người học đạo, hành đạo và đắc đạo. **Chủ nhơn ông** phải điều khiển, **nắm qui luật**, hướng dẫn chúng như người cầm lái con thuyền để đưa đến mục phiêu đã định. Nếu người cầm lái thuyền không vững, gặp sóng to gió lớn, thuyền sẽ xiêu dạt vào nơi vô định, có lúc sẽ bị đắm thuyền.”* “Cao Đài Giáo Lý, Quý Sứ, 1973, tr.14, Đoàn Tây Thành Thánh Thất 15-4-1970)

Và Đức Vạn Hạnh Thiên Sư cũng từng dạy:

“Cái chinh phục chiến thắng vĩ đại nhất, là cái chinh phục chiến thắng bản thể của con người. Đừng ham hồ nhìn những gì to tát ngoài kia. Thực sự những cái ấy đều chứa trong con người, mà chính con người chẳng hay chẳng biết. Tự chủ

được bản thể là tự chủ được thiên hạ. Chinh phục được con người hiện hữu .

*“ Đòi là thế cộng trừ cũng thế,
Trở day rồi, dâu bể cũng rồi”*

Con người càng vùng vẫy càng sa lầy, cho đến cuối cuộc đời nhìn lại thấy toàn là một chuỗi trở xoay đở thụ động. Con người cảm thấy mỗi một, chán nản và cũng không tìm thấy chút gì ý nghĩa trong cuộc sống.

Vậy thì Đạo pháp làm sao giải thoát con người khỏi sa lầy và tìm thấy ý nghĩa của kiếp vi nhơn.

Đạo pháp dạy rằng:

*“ Dầu thế lộ gặp ghình trở ngại,
Đã làm người lòng phải dặn lòng;
Cõi đời vạn hữu sắc không,
Chẳng chi tồn tại mà mong giữ gìn.*

*

*Có cái có trong tình Tạo Hóa
Không là **không** đạo cả lưu hành
Biết đường sanh diệt, diệt sanh,
Hườn nguyên bản bốn nhọc nhàn chi con”*
(Vô Cực Từ Tôn, Đản Cơ Quan, 19-1-1977)

Đó là Đạo pháp ban cho con người cái minh triết: “*Mọi giả cảnh hữu hình hữu hoại, để nhận chân một thực thể trường tồn*” hầu nắm lấy nó ứng biến với hình danh sắc tướng. Lúc ấy con người sẽ mượn cuộc đời làm lò tôi luyện chơn tánh để trở nên ngọn kiếm thần vệt ngút vô minh xử thế cho sạch nợ nần quá khứ, sống vô ngại cho hạnh phúc hiện tiền, xây móng nền cho tương lai tiến hóa. Ấy là “*tá giả luyện chơn*”, không mê theo cái giả mà làm chủ nó, là chinh phục được vũ trụ trường tồn. Đừng lo, cái không đáng lo, đừng nghĩ cái không đáng

ngĩ. Hãy bước thẳng và nhìn vào Thiên Tâm bản thể” (Đạo Học Chỉ Nam, Minh Lý THánh Hội. tiết II, mục 3, tr.24)

Như thế, chúng ta thấy rằng Đạo pháp thức tỉnh con người trở lại làm chủ bản thân chính là giải thoát con người khỏi vô minh để bản thể linh quang soi sáng. Con người sẽ trở nên **tự do và sáng tạo**. Con người lúc ấy mới sống hạnh phúc và tiến hóa, đồng thời góp phần vào hạnh phúc và tiến hóa của nhân loại.

2.Làm chủ vạn hữu

Con người đứng giữa thế gian là đứng giữa cuộc sinh diệt, biến hóa không ngừng. Bao nhiêu biến đổi vô tình là những lượn sóng thần lay động mãi chiếc thuyền nhân thế. Đó là luật tuần hoàn tự nhiên của trời đất, dù muốn dù không ai đã làm người đều thọ lãnh. Nay là nay còn mai mất, này là gian khổ mưu sinh, này là nhân tâm đen bạc. Ấy là thiên ma bách chiết khiến con người cười khóc ngổ ngàng. Cố nắm giữ, lại luân hồi mất mát, cố tranh đua thì phiền não chất chồng. Bởi quán xét nó, sử dụng nó cho cứu cánh. Do đó, Đức Chí Tôn đã phán: *“Vấn biết thế gian là bể khổ sông mê, nhưng chính thế gian lại là một chốn học đường của muôn loài vạn vật. Nhờ học đường ấy mà muôn loài vạn vật mới mở mang trí hóa, sáng suốt tinh thần, để tiến bộ trên nấc thang cao thượng”* (Đại Thừa Chơn Giáo, mục Tham thiền nhập định – tr.40). Ấy là con người biết làm chủ vạn hữu, vạn tượng. Tức là:

*“Tâm linh bất động không mê muội,
Tánh hải huyền trầm đặc sở sanh
Mộng huyền vô thường nào tí gọn,
Lòng tay nắm trọn: sắc, thanh, danh”*

(Vạn Hạnh Thiền Sư, Đạo Học Chỉ Nam, tiết III)

“*Lòng tay nắm trọn: sắc, thanh, danh*” thì hành giả là Chủ nhơn ông “**độc lập nhi hành**”. Ngoại cảnh đã trở nên vô ngại với người thọ **đạo pháp**, hành giả hòa mình vào thế giới hiện hữu, **ứng biến Thế Đạo** bằng công cụ hình danh. Thế là tâm vật bình giải quyết cuộc nhân sinh. Hành giả ung dung, vào ra thế tục xây dựng đời Thánh đức.

B. Hệ luận về vai trò của Đạo pháp

Từ những ý thức về vai trò của Đạo pháp đối với Đời hay nhân sinh như trên chúng ta có thể rút ra những hệ luận chủ yếu sau đây:

1. Con người và vũ trụ

- Con người với vũ trụ vốn đồng một bản thể.
- Con người ý thức được tự thể của mình thì có được cái vinh diệu của vũ trụ đồng thời tự chủ góp phần vào cơ tiến hóa chung hay là sứ mạng vi nhơn.

- Vận động được linh quang bản thể thực hiện được cái mốc nối con người vào vũ trụ là đem đạo pháp vào mọi nhận thức và hành động của con người. Do đó, nếu nhận thức của con người về vũ trụ là khoa học thì mọi nghiên cứu và phát sinh sáng tạo của khoa học phải nằm trong quy luật của vũ trụ hay nằm trong Đạo pháp.

“*Khoa học mà đi ngoài Đạo pháp sẽ đưa đến một tàn hại to tát cho tâm linh và đời sống nhân sinh*” (Đức Vạn Hạnh Thiền Sư – Đạo Học Chỉ Nam)

Do đó, Đạo phụng sự Đời là dùng Đạo pháp bảo tồn sự tiến hóa của nhân loại. Sự tiến hóa mặc nhiên đã có, Đạo pháp chẳng cần làm việc của thế nhân. Nhưng thế nhân tiến đến chỗ sống hay chỗ chết là do nơi còn giữ lấy đạo pháp hay không.

2. Con người và nhân sinh

- Con người ở giữa nhân sinh là ở giữa trường tiến hóa nhân sinh, là cuộc trui rèn để bước lên nấc thang cao hơn ở tương lai, đồng thời là môi trường phụng sự.

- Ý thức như thế thì con người làm chủ cuộc đời, phá vỡ mọi ảo giác, vượt ra ngoài ngã chấp, đem bản thể hòa hợp sinh động vào nhân sinh.

- Như thế, trước hết đạo pháp giải thoát cá thể con người ra khỏi con người nhỏ hẹp của nó nhưng lại đặt con người vào môi trường sống của nó. Vì Đạo pháp chỉ còn nguyên là Đạo pháp khi nào nó vẫn duy trì được **sự sống toàn vẹn**. Nghĩa là không phải nó chỉ biết đến tâm thức mà còn phải hoàn mỹ mọi hoạt động của đời sống xã hội. Có thể Đạo pháp mới là chân lý luôn luôn thỏa ứng được mọi sinh hoạt chân chính của con người.

- Khuynh hướng tự nhiên của con người đối với nhân sinh **là chính trị**. *“Chính trị mà đi ngược lại Đạo pháp thì sẽ đưa đến sự bảo thủ ích kỷ và phân tranh. Tất cả mọi mưu lược, mọi sáng kiến phải nhằm mục đích ổn định sinh hoạt xã hội, phải dung hòa các giai tầng quốc gia dân tộc”* (Vạn Hạnh Thiền Sư)

- Vậy Đạo phụng sự Đời là giúp đời ổn định sinh hoạt con người trong trật tự. Trật tự vốn là biểu hiện của Đạo. Đại Đạo đem mọi đối tượng vào trật tự là hành pháp. Đời loạn hay trị là do có **Đạo pháp hay không**.

3. Con người và Đạo pháp

- Đạo pháp là phương thuốc thần đối với nhân sinh. Nhưng không phải con người chỉ biết có Đạo pháp thuần túy và phớt bỏ khoa học, chính trị mà đạt đích. Phải hiểu Đạo pháp vốn tự nó đã bao gồm các lãnh vực trên. Đạo pháp là khoa học và chính trị

tuyệt đối. Cho nên khoa học và chính trị chân chính tự nó là Đạo pháp đem đến tiến bộ và hạnh phúc cho nhân sinh.

Luyện mạng: là đem yếu lý Kiền Khôn của Trời đất mà vận hành nhân thân tiêu vũ trụ để giữ gìn và phát huy được thần khí là chơn mạng trường tồn, là năng lực dung thông vạn thể và phối kết với Hóa Công.

Đó là sống trong quy luật của vũ trụ và theo qui luật của vũ trụ mà định an thiên hạ. Ấy là:

*Vũ trụ bao la cái sắc không
Tạo nên vạn vật lẽ tương đồng;
Ba nghìn thế giới qui tam bửu,
Chín cõi ta bà hiệp nhất tông
Yếu lý Kiền Khôn cơ biến dịch
Nhiệm màu Tạo Hóa thể dung thông
Kẻ Trời, vạch đất chi cho nhọc,
Cái, cái, người người vốn ở trong.*

(Đạo học chỉ nam, Minh Lý Đạo, sđd)

III. CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẠO CAO ĐÀI VỀ “ĐẠO PHỤNG SỰ ĐỜI”

Trên kia chúng tôi đã trình bày rằng: Đạo phụng sự Đời tức là Đạo pháp thức tỉnh **vai trò làm chủ** của con người. Làm chủ tức là đã tự do – Tự do tức là đã được giải thoát. Theo Đạo Cao Đài, đường lối giải thoát của người tu là Thiên Đạo. Thực hành Thiên Đạo trong xã hội là sứ mạng Đại Thừa. Vậy Đạo Cao Đài phụng sự đời là thi hành là **Sứ mạng Đại thừa**.

Sứ mạng Đại thừa là gì? – Là tự độ và độ tha. Tự độ là “*Tự mình thể nghiệm trước để tìm thấu hiểu nguồn cội hạnh phúc*

*vĩnh cửu cho nhân loại”. Độ tha là: “ Khi nhận thức được chân lý tuyệt đối mới lập thành tôn giáo (trong một quốc gia) để khai phóng con đường **hồi sanh giác ngộ**”.*

1. Tự mình thể nghiệm trước là thực hành Thiên Đạo cho bản thân. Đó là **song tu Tánh Mạng**.

- **Tu Tánh** là tự “giải thoát hết mọi ràng buộc, phá hết mọi sự chấp ngã, chấp nhờn, chấp pháp, chấp đạo, tất cả đều “không”. Nhờ thế con người sẽ an nhàn tự tại, sống trên nệm gấm chăn êm mà xem như ngồi giữa cỏ bờ uống nước suối trong. Ở vào nghịch cảnh mà bình tâm sáng suốt giải quyết mọi sự êm đẹp như rỗng mây cá nước. Ấy là tự do tiêu sái và sáng tạo tuyệt vời là hạnh phúc giữa trần ai và an nhàn tiến hóa.

- Giác ngộ Đạo pháp ấy là đem Đạo vào Đời, đem Tâm vào Vật, Thể dụng kết liên vận chuyển hình danh sắc tướng vào pháp luân mà cứu rỗi chúng sanh. Đó là Tâm Vật bình hành, người sứ mạng Đại thừa mượn thể ấy mà hòa mình vào xã hội nhân loại, sẽ thực hiện một cuộc sống ung dung, tự do, tự tại.

2. Nhờ kết quả của song tu tánh mạng mà hành giả thực hành Thiên Đạo trong xã hội, tức là khai phóng con đường hồi sanh giác ngộ cho nhân sinh. Kết quả ấy chính là **Đạo pháp của người ngộ nhập huyền môn**.

Đạo pháp ấy “*Vất bỏ hết những thấy, nghe, hiểu, biết theo thể sự thường tình thì minh linh phát hiện, soi sáng tất cả chướng ngại trong pháp giới chúng sanh để phá tan màn đêm lục thức cho chúng sanh hồi đầu bĩ ngạn (thị ngạn)*”.

3. Còn đối với toàn thể tôn giáo Cao Đài, nếu tôn giáo này thực hành Thiên Đạo Đại Thừa, hay là Đạo phụng sự Đời, thì

tôn giáo này cũng phải ý thức như lời dạy của Đức Giáo Tông Vô Vi Thái Bạch Kim Tinh:

*“Đại Từ Phụ dựng Cao Đài nơi vùng Đông Nam Á này để làm quyền pháp. Chính sứ mạng quyền pháp này thúc đẩy mọi sở vật thực tại tôn giáo kết thành **thực thể Đạo Cứu Thế**” trong Tam Kỳ Phổ Độ, cũng như cái ngòi gà trong quả trứng vậy.... Ngòi gà trong quả trứng không là tròng trắng hay tròng đỏ. Quyền pháp mà Thầy đã ban không là Tôn giáo này hay Tôn giáo khác... Quyền pháp Đạo thực thể cứu thế phải có trách nhiệm trên toàn thể nhân loại. Không phải chỉ giải quyết vấn đề tâm linh, chính là giải quyết toàn diện cá thể con người .. Muốn được vậy, chư đệ muội phải làm sao, làm thế nào để phát huy quyền pháp được đặt để”.*

Như thế, người Đạo Cao Đài trong khi phụng hành Thiên Đạo trong xã hội, vẫn luôn luôn nhớ rằng vừa phụng sự Đờ, vừa phát huy quyền pháp để thực hiện cái thực thể “Đạo cứu thế” bất phân tôn giáo trong Tam Kỳ Phổ Độ, tức là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, thì mới có sức “Bảo sanh nhân nghĩa đại đồng”, giải quyết toàn diện cá thể con người và cứu rỗi toàn thể nhân loại (Do đó Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ không riêng chỉ là Đạo Cao Đài).

4. Đạo phụng sự Đờ trong khuôn khổ Quyền pháp như thế mới thực hiện được cái thể pháp mà chúng tôi tạm gọi là **“Thể pháp Đại Thừa”**.

Đã nhận thức sứ mạng Đại Thừa để phụng sự Đờ, người tín hữu Cao Đài lại phải nhận thức rằng Sứ mạng Đại thừa là thực hành Quyền Pháp và nằm trong Quyền Pháp của Đức Chí Tôn.

1. Đức Vạn Hạnh Thiên Sư giải nghĩa Quyền Pháp như sau:
“Quyền là hình thức thể hiện cái PHÁP trước đối tượng, Pháp là thể hiện trước bản thân. Quyền pháp tương đồng, tác động

con người và vạn thể, tha nhân và bản ngã. Có quyền không pháp, không đưa con người đi về đâu; trái lại, sẵn sàng xô ngã con người vào lạc lâm u tối. Có Pháp ắt sẽ có quyền. Quyền pháp là khả năng giác hóa”.

Như thế, mang Đạo vào Đời là thực hành Quyền pháp. Có thực hành quyền pháp là Đạo pháp mới không “bị rơi vào giả tưởng, rơi vào hư không; hoặc quân quanh trong bốn bức tường của tôn giáo, trong tín ngưỡng từ xưa tới nay”. (Vạn Hạnh Thiền Sư, Đạo Học Chỉ Nam). Và quyền pháp là tác động đồng loạt của Đạo pháp phát xuất từ Trung tâm vũ trụ thúc đẩy dây chuyền và chuyên tiếp từ cá thể này đến cá thể khác cho đến khi bao trùm tất cả quần sinh.

Thế nên người hành sứ mạng Đại thừa phải biết rằng mình là kẻ làm cái gạch nối giữa nhân sinh và Thượng Đế. Vẫn biết mình là “Thiên hạ tối linh” nhưng nếu cứ “độc thiện kỳ thân” thì chớ mong thọ nhận **quyền pháp** và chẳng bao giờ hành tròn Thiên Đạo. Do đó, đã đành có **sứ mạng** nhưng sứ mạng chỉ là quyền phóng ra từ pháp. Không có pháp thì không còn sứ mạng.

Thế Pháp Đại Thừa là gì? Là cái mạng lưới Đạo pháp tạo ra từ Đức Chí Tôn, tác động lên mỗi cá thể nhân sinh. Một cá thể nhân sinh nào do đó giác ngộ, tiến hóa lên và tác động vào nhân sinh khác, cứ thế từ trong ra ngoài, từ trên xuống dưới, từ Thượng Đế Chí Tôn cho đến Phật Tiên Thánh Thần, các giáo chủ, các sứ giả các bậc hướng đạo liên kết thành cái thế pháp tận độ quần linh mà giữa thời Hạ ngươn này cái thế pháp ấy hiển lộ rõ ràng và được vận động mãnh liệt vô cùng. Ấy là vận dụng quyền pháp vậy.

Kết luận

Với tất cả những ý thức về Sứ mạng Đại thừa, và khuôn khổ quyền pháp nói trên, người tín hữu Cao Đài quán xét thế gian thì nhận định ngay rằng: Sống giữa nhân sinh chính là đang ở trong một trường thi công quả. Các nhiệm vụ làm người đương nhiên phải có, đường lối như thế nào thì nhắm Thiên Đạo mà đi, phương cách ra sao hãy dùng quyền pháp mà thực hiện. Đó là phương châm của bậc Thiên ân hướng đạo. Nếu đại chúng hóa ra thì ta có thể hiểu công quả theo Thiên Đạo là:

- *“Công quả xuất phát từ lòng **tự giác**, tự nguyện và thiết tha với nó, là nguồn sống của đời người, như cơm ăn nước uống, hơi thở, áo mặc, nhà ở và lương được trị bệnh”* (An Hòa Thánh Nữ).
- *“Một lời nói hữu ích sẽ cứu mạng người không cần đến **quyền lực của cải**, Một lời nói phải thời đúng lúc sẽ thay đổi một cuộc diện vĩ đại. Một cái nhìn sẽ gây được bao nhiêu thiện cảm, thành được đại sự”.* (Vạn Hạnh Thiên Sư)
- Còn công quả trong quyền pháp là: *“Công quả không phân biệt, không ngăn cách vì giá trị hình thức của nó, và phải trường lưu bất tận. Có như vậy, việc làm mới được đến nơi, đến chốn, tôn chỉ và mục đích mới được đạt thành, gia đình mới được yên vui, quốc gia mới được phồn thịnh, nhân loại mới được thái hòa, mà nhứt là bản thân mới được yên ổn, chớ không phải vì ngoại cảnh thúc giục mà làm nhứt thời hay trong một giai đoạn nào đó chưa thể gọi là công quả”* (An Hòa Thánh Nữ, TGST 68-69, tr.67)

Và công quả trong quyền pháp là *“Đạo giúp đời không tách rời đức bác ái, tình thương cho thật thương yêu thì không luận là đối với giai cấp nào hoặc tổ chức nào, cũng như cá nhân nào... Tình thương không riêng đối với kẻ thông minh, mà*

còn thương luôn với kẻ ghét mình, để tìm cơ hội cảm hóa họ trở lại đường thiện lương chân chính” (Vạn Hạnh Thiền Sư, TGST 68-69, tr.224-232).

Đó là công quả hay Đạo phụng sự Đời trong Thiên Đạo và trong Quyền Pháp. Thứ Đạo ấy, Quyền pháp ấy người tín hữu Cao Đài không phải tìm đâu ra mà hằng ngày vẫn gần gũi trong bài kinh nhứt tụng: “*Biển trần khổ voi voi trời nước....*”

Nam mô:

*Nhứt nguyện Đại Đạo hồng khai,
Vì đời nào ngại chông gai dữ lành.
Nhì nguyện phổ độ chúng sanh
Quyết đem hồng giáo Đạo lành giáo dân.
Tam nguyện tha tội bản thân,
Khoan dung phá chấp cõi trần vô minh.
Tứ nguyện thiên hạ thái bình,
Tịnh tâm chế động muôn nghìn trái oan.
Ngũ nguyện Thánh Thất bằng an
Hai ngày sóc vọng đặng đàn thuyết minh.
Trấn an tâm đạo nhân sinh
Vai trò un đức đức tin đạo đồng./.*

CHƯƠNG THỨ NĂM

XU HƯỚNG HÀNH ĐỘNG CỦA ĐẠO CAO ĐÀI TRONG BỐI CẢNH TOÀN CẦU HÓA, HỘI NHẬP QUỐC TẾ

XU HƯỚNG HÀNH ĐỘNG CỦA ĐẠO CAO ĐÀI TRONG BỐI CẢNH TOÀN CẦU HÓA, HỘI NHẬP QUỐC TẾ

Thiện Chí

[Tham luận tại Hội thảo về TÁC ĐỘNG CỦA ĐẠO CAO ĐÀI TRONG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA XÃ HỘI TẠI VIỆT NAM]

Trước khi bàn về “Xu hướng hành động của đạo Cao Đài trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế”, chúng ta hãy thử đề ra những lãnh vực có xu hướng toàn cầu hóa trên thế giới hiện nay.

1. Lãnh vực tôn giáo
2. Lãnh vực văn hóa và truyền thông
3. Lãnh vực môi trường
4. Lãnh vực hòa bình thế giới

* * *

I. Xu hướng hành động của đạo Cao Đài trong lãnh vực tôn giáo/đức tin

1. Về mặt tôn giáo, thế giới đang có xu hướng toàn cầu hóa để hóa giải mọi kỳ thị, tranh chấp hay bất hợp tác trong công cuộc xây dựng xã hội đạo đức và tình thương nhân loại.

Những động thái toàn cầu hóa tôn giáo trên thế giới đang được các tôn giáo và các cộng đồng ngoài tôn giáo hoan nghênh, đơn cử như:

_ Đại lễ Vesak Liên Hợp quốc

Lịch sử Vesak: Vesak - tên gọi tháng thứ 4 trong năm theo lịch cổ của Ấn Độ, người Ấn Độ có tín ngưỡng Phật giáo xem tháng Vesak là tháng linh thiêng bởi vào ngày trăng tròn của tháng này đã diễn ra 3 sự kiện trùng lặp gắn liền với thân thế và sự nghiệp của Đức Phật: Phật đản sinh (ngày sinh của Đức Phật), Phật thành đạo (Đức Phật tu hành đắc đạo) và Phật Niết bàn (ngày Đức Phật qua đời).

Trước sự phát triển và ảnh hưởng của tôn giáo trên thế giới, nhiều sáng kiến đưa ra để lựa chọn một tôn giáo điển hình phù hợp với xu hướng phát triển của nhân loại tiến bộ. Sau nhiều năm xem xét, vào ngày 15 tháng 12 năm 1999, Đại hội đồng Liên hợp quốc tại phiên họp thứ 54, mục 174 của chương trình nghị sự đã chính thức chấp nhận đề nghị của 34 quốc gia thành viên Liên hợp quốc, chọn Phật giáo vì giá trị đạo đức, văn hóa và tư tưởng hòa bình bất bạo động của Đức Phật. Với Nghị quyết: Đại lễ Vesak là một lễ hội văn hóa, tôn giáo quốc tế của Liên hợp quốc. Những hoạt động kỷ niệm sẽ được diễn ra hàng năm tại trụ sở Liên hợp quốc ở New York và các trung tâm của Liên hợp quốc trên toàn thế giới từ năm 2000 trở đi.

Năm 2001, Đại lễ Vesak được kỷ niệm lần đầu tiên tại trụ sở Liên hợp quốc ở New York (Mỹ). Kể từ đó đến nay Đại lễ Vesak đã được tổ chức nhiều năm liền ở trụ sở Liên hợp quốc và ở các nước có Phật giáo đang cai.

_ Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc đã thiết lập “TUẦN LỄ HÒA HỢP TÔN GIÁO TOÀN CẦU” vào tuần lễ đầu tháng Hai hàng năm, qua Nghị quyết GA 11013 ngày 20/10/2010.

_ Chủ trương liên tôn giáo của Công đồng Vatican II:1 Công đồng Vatican II hay Vaticanô II là công đồng đại kết (ecumenical council) của Giáo hội Công giáo Rôma, được Giáo hoàng Gioan XXIII triệu tập ngày 11 tháng 10 năm 1962 và

Giáo hoàng Phaolô VI kết thúc ngày 8 tháng 12 năm 1965. Công đồng Vatican II đề cập đến khía cạnh tích cực của nhiều tôn giáo, nhìn nhận có yếu tố chân lý và thánh thiện, trong đó: “Giáo hội Công giáo không hề phủ nhận những gì là chân thật và thánh thiện nơi các tôn giáo. Với lòng kính trọng chân thành, Giáo hội xét thấy những phương thức hành động, những lối sống, những huấn giới và giáo thuyết kia, tuy có nhiều điểm khác với chủ trương mà Giáo hội duy trì, nhưng vẫn thường có ánh sáng của Chân lý vốn hằng chiếu soi cho hết mọi người” (NA, 2)(8) . Giáo hội Công giáo luôn cổ vũ việc xây dựng một cuộc sống chung hài hòa trong xã hội, mời gọi tín đồ của mình hợp tác với tín đồ các tôn giáo khác trong việc thăng tiến các giá trị tinh thần, luân lý cũng như văn hóa xã hội

_ Ngoài ra từ cuối thế kỷ 19 đến thế kỷ 20-21 đã có nhiều hội nghị tôn giáo thế giới đã được tổ chức nhằm thống nhất tiếng nói chung về đoàn kết tôn giáo, nhất là về góp phần bảo vệ hòa bình trên hành tinh.

_ Tại Việt Nam, đầu TK 20, tôn giáo Cao Đài được chính thức thành lập, làm “Lễ Thánh Thất” trọng thể ra mắt nhân sanh trong nước và toàn thế giới vào năm 1926 với danh hiệu Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Tôn chỉ- Mục đích của nền đạo là “ Tam giáo quy nguyên, Ngũ chi phục nhất” và “Thế đạo đại đồng, Thiên đạo giải thoát”.

Từ hơn 90 năm qua, Tôn chỉ mục đích trên đã và đang soi dẫn cho đường lối hành đạo của tất cả các Hội Thánh, Tổ chức đạo Cao Đài. Từ nguyên tắc “quy nguyên phục nhất”, Cao Đài hướng về nguồn gốc chung của tôn giáo là Đại Đạo với ý nghĩa Đại Đạo không mang hình thức hay giáo điều tôn giáo mà là một Nguyên lý phổ quát duy nhất chính là cứu cánh duy nhất của mọi tôn giáo. Do đó, phương châm hành đạo của đạo Cao Đài giữa các tôn giáo là “vạn giáo nhất lý”, Cao Đài nhìn nhận

và tôn trọng các tôn giáo khác nhau đồng hành trên đường giác ngộ chúng sinh và xây dựng xã hội đạo đức.

Đó là hệ quả “nhất lý” giữa tôn giáo về mặt sinh hoạt tâm linh. Còn giữa con người và con người, giữa xã hội, giữa các dân tộc, đối với xu thế toàn cầu hóa trên phương diện bình đẳng và nhân quyền, đạo Cao Đài ứng dụng mục đích “Thế đạo đại đồng”.

Thật ra, không phải chờ đến bối cảnh “hội nhập quốc tế” ngày nay, mà ngay khi khai đạo, Cao Đài đã chủ trương “bình đẳng giới”, “nữ nam trách nhiệm đồng” trong sinh hoạt tôn giáo và công cử chức sắc. Giữa các dân tộc, giữa con người với con người, chủ thuyết Đại linh quang-Tiểu linh quang của Cao Đài dạy người tín hữu xem mọi người, mọi dân tộc là anh em một cha. Bài học “Sự thương yêu” được truyền tụng từ đó: “Thầy thường nói với các con rằng Thầy là Cha của sự thương yêu. Do bởi thương yêu, Thầy mới tạo thành thế giới và sanh dưỡng các con. Vậy thì các con sản xuất nơi sự thương yêu, các con tức là cơ thể của sự thương yêu.

Ấy vậy, sự thương yêu là giếng bảo sanh của Càn Khôn Thế Giới. Bởi thương yêu mà vạn loại hòa bình, Càn Khôn an tịnh, mới không thù nghịch nhau, không thù nghịch nhau, mới không tàn hại nhau, không tàn hại nhau mới giữ bền cơ sanh hóa. . .” (Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Tòa Thánh Tây Ninh) iii

Đó là những điểm căn bản dẫn xuất từ Nhân sinh quan, Vũ trụ quan Cao Đài để hành đạo trên đường hội nhập vào các hoạt động phụng sự nhân sinh của các tôn giáo toàn cầu.

II. Xu hướng hành đạo của đạo Cao Đài trong lãnh vực hội nhập quốc tế về văn hóa và truyền thông.

_ Văn hóa đạo đức: Tuy đạo Cao Đài hình thành và phát triển chưa đến 100 năm nhưng đang có sẵn một kho tàng văn hóa rất đặc sắc vừa phát huy văn hóa dân tộc, vừa truyền tải văn hóa

đạo đức của các tôn giáo lớn trên thế giới. Kinh Cao Đài viết:
“Thầy sắp cuộc dinh hoàn tái tạo,
Dụng huyền linh Đại Đạo vận hành;
Quyền Thầy hiệp cả vạn sanh,
Đông Tây, kim cổ lập thành tương lai.
Trước xây đắp Cao Đài thánh đức,
Dụng Nam Bang làm mức phóng khai,
Dân Nam sứ mạng Cao Đài,
Năm châu bốn bể hòa hài từ đây.”²

Đó là tinh thần toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế trên nền tảng
“quy nguyên Tam giáo, vạn giáo nhất lý.”, mà động tác cụ thể
là:

“ Tưới nước vun phân Nho Thích Lão,
Nâng cành sửa lá Pháp hòa Tăng”³
Do đó, công cuộc truyền bá giáo lý của đạo Cao Đài đang và sẽ
mở rộng ra toàn cầu:

“ Phổ là khắp ra ngoài thế giới,
Thông là nguồn suốt tới muôn phương;
Giáo là dạy nẻo chỉ đường,
Lý là lẽ thật chủ trương thái bình.”^{iv}

Cho nên, đem đạo vào đời, người hành đạo được hướng dẫn căn
kế : “Phổ thông giáo lý không phải hiểu đơn thuần làm cho mọi
người hiểu đạo là đủ, mà phải làm cho cơ đạo được thống nhất
tinh thần, thông suốt mọi dân tộc, mọi lý thuyết và mọi hoàn
cảnh.”^v

Với hàng vạn kinh điển truyền tải văn hóa đạo đức hàm súc văn
chương tuyệt tác, với những công trình nghiên cứu đặc sắc về
đạo Cao Đài của nhiều nhân sĩ trí thức, tín hữu Cao Đài trong
ngoài nước và học giả quốc tế, xu hướng hành đạo của Cao Đài
có đủ hành trang hội nhập công cuộc phát triển văn hóa toàn

cầu.

_ Giữa đà phát triển mạnh mẽ và rộng khắp của công nghệ thông tin và truyền thông, các Hội Thánh, các tổ chức thuộc tôn giáo Cao Đài không bỏ qua thời cơ phổ truyền sâu rộng khắp thế giới về mọi sinh hoạt tâm linh, về giáo lý Đại Đạo, đáp ứng đầy đủ nhu cầu tìm hiểu mọi phương diện của nền Đạo. Người ta có thể kể ra hàng vài chục trang web thuộc đạo Cao Đài trong ngoài nước, bao gồm cả các trang sinh ngữ Anh, Pháp, Đức; chưa kể các hình thức thông tin cá nhân khác.

III. Xu hướng hành đạo của đạo Cao Đài trong hoàn cảnh toàn cầu hóa về môi trường.

Giáo lý Cao Đài vận dụng nguyên lý “Thiên địa vạn vật nhất thể”, quan niệm muôn loài (kể cả loài người) đều có chung một Bản thể, trong đó sự sống và tiến hóa do các quy luật tự nhiên của vũ trụ điều hòa thể nào giữ cho môi trường sống luôn luôn đạt thể quân bình để mọi cá thể tồn tại và phát triển đúng theo chu trình tiến hóa tiếp diễn không ngừng.

Kinh Đạo Học Chi Nam viết:

Trong Trời đất cơ đốn có một,
Giữa Kiền Khôn trụ cốt không hai;
Hóa công diệu hữu sắp bày,
Huyền huyền nhứt khí chuyển xoay vận hành.
Từ thảo mộc, phi cầm, tẩu thú,
Từ sơn xuyên, phong vũ, hàn ôn;
Háo sinh đức cả vô cùng,
Linh quang một khối, trần hồng hóa phân.
Quyền tối trọng nguyên nhân vạn vật,
Mấy tối linh phẩm chất Thiên lương;
Bao la gấm vóc phi thường,
Ngũ hành phối hiệp, âm dương điều hòa.4

Nếu con người, vô tình hay hữu ý phá vỡ thế quân bình của sự sống thì lập tức môi trường sống trên hành tinh bị tổn thương, muôn loài phải chịu hoại diệt.

Do đó Liên Hiệp Quốc và các nước trên thế giới đã báo động tình trạng ô nhiễm môi trường từ rác thải, khí thải do các loại công nghệ và nhu cầu tiêu dùng của xã hội ngày càng tăng. Mọi thành phần quần chúng, kể cả tín đồ các tôn giáo đều được phổ biến nguy cơ tác hại sức khỏe của môi trường ô nhiễm, đồng thời có trách nhiệm bảo vệ môi trường xanh, sạch cho cộng đồng xã hội.

Gần đây, tại Việt Nam các tôn giáo trong đó có tôn giáo Cao Đài đều được mời dự các hội nghị về môi trường và tự nguyện cam kết chống ô nhiễm môi trường bằng cách giáo dục quần chúng trong địa hạt mình các kiến thức về mặt sản xuất và tiêu dùng sao cho an toàn sức khỏe.

Thật ra, trong bối cảnh toàn cầu hóa bảo vệ môi trường trên đây, đạo Cao Đài đã được trang bị căn bản giáo lý “linh quang một khối”, không đợi đến lúc được cảnh báo hay cam kết, người tín hữu vẫn có ý thức gìn giữ sự quân bình của môi trường hành tinh. Rừng xanh, hoa cỏ xinh tươi, đất đai phì nhiêu, muôn thú sinh sôi, không khí trong lành, đối với người đạo Cao Đài tất cả tổng hợp thành Mẹ thiên nhiên rất thân thương.

III. Xu hướng hành đạo của đạo Cao Đài trong bối cảnh xây dựng và bảo vệ hòa bình thế giới.

Thánh giáo Cao Đài có câu: “Tâm lòng của nhân loại là nơi chân lý cứu rỗi phát sinh tạo thế an bình cho xã hội.”vi Và Đức Chí Tôn từng phán rằng: “Các con đã sanh trong Đại Đạo, hãy noi theo Đại Đạo mà thành về cõi thượng thiên Vô Cực”vii Như thế, giáo lý Cao Đài đã chỉ rõ nguyên lý xây dựng hòa bình

nhân loại chẳng ở đâu xa mà ở ngay trong tâm đạo thuần chánh của con người:

“Trở lại long mình hồi thế nhân,
Quay về Thượng Đế tính đơn thuần;
Không gây tham vọng không oan trái,
Nước mạnh nhà yên bởi hợp quần.”viii

Trong những thập kỷ qua, các tôn giáo đã từng tham dự nhiều hội nghị về vai trò tôn giáo đối với hòa bình thế giới, đó là những cơ hội để đại diện đạo Cao Đài nêu lên nguyện vọng hòa bình và giải pháp bảo vệ hòa bình.

Thế giới hòa bình, Cao Đài gọi là đời Thánh đức. Muốn lập đời Thánh đức cần có con người Thánh đức. Đó là con người hoàn toàn thể hiện Nhân bản. Nhân bản là

bản vị của con người ngang hàng với trời đất. “Nhân bản có sáng chói con người mới thật sự là con người”. Chính con người ấy mới tạo được “Thế nhân hòa” đem lại hòa bình chôn thế gian. “Mục đích của chủ thuyết nhân hòa trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là làm thế nào lập một xã hội cải thiện mọi xã hội với ba tiêu chuẩn: nhân bản, an lạc, tiến bộ. Sự quân bình xã hội có được trong thế nhân hòa là phải đầy đủ ba yếu tố đó.”ix

Thiền nghĩ đó là xu hướng hành đạo của đạo Cao Đài trước vấn nạn xây dựng hòa bình thế giới.

IV. KẾT LUẬN

Trong bối cảnh toàn cầu hóa nhiều lãnh vực trên thế giới hiện nay, toàn đạo Cao Đài cần trang bị sẵn sàng những điều kiện để hành đạo hội nhập quốc tế theo tôn chỉ mục đích của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ:

1. Không mê ngủ trong đức tin, đừng ảo vọng trong lý tưởng.

Phải học hỏi rèn luyện không ngừng, vượt qua mọi thử thách mới có đủ bản lĩnh hội nhập.

2. Muốn đại đồng cùng thiên hạ phải đại đồng cùng dân tộc trước đã (Nói cách khác, muốn hội nhập cùng thế giới, phải hội nhập cùng dân tộc trước đã.)

3. Trong tinh thần “Vạn giáo nhất lý”, quan hệ tốt với tôn giáo bạn trong và ngoài nước. Nghiên cứu giáo lý các tôn giáo, các sinh hoạt tôn giáo trong nước và quốc tế. Tham gia các hội nghị tôn giáo trong nước và quốc tế liên quan đến đời sống xã hội văn minh tiên bộ và sinh hoạt tâm linh hướng thượng. .

4. Đối với quốc tế, vận động tín đồ tìm hiểu, tham gia các chương trình bảo vệ môi trường xanh trong nước và thế giới; các chương trình sức khỏe cộng đồng. Trao đổi văn hóa với các dân tộc trong và ngoài nước . . .

Tài liệu tham khảo:

_ Trang Web Ban Tôn Giáo Chính Phủ

http://btgcp.gov.vn/Plus.aspx/vi/News/38/0/240/0/4917/Tim_hieu_u_Dai_le_Vesak_Lien_Hop_quoc_o_Viet_Nam

_ Wikipedia :
https://vi.wikipedia.org/wiki/C%C3%B4ng_%C4%91%E1%BB%93ng_Vatican%C3%B4_II

_ Ngô Quốc Đông, Liên Tôn Giáo Công Đồn Vatican II, Tập chỉ nghiên cứu TG)

_ Thánh giáo sưu tập Cơ Quan Phủ Thông Giáo Lý

_ Kinh Đạo Học Chỉ Nam, Minh Lý Thánh Hội

_ Thánh giáo tại Minh Lý Thánh Hội

CHƯƠNG THỨ SÁU

CON NGƯỜI KỶ NGUYÊN MỚI

Và CÁC GIẢI PHÁP CỨU ĐỘ

Trong quá trình lịch sử nhân loại song song với lịch sử các tôn giáo, loài người đã đi dần đến sự tổng hợp những truyền thống đạo đức, những nền giáo lý lâu đời để áp dụng vào đời sống sao cho có nhân nghĩa, có hạnh phúc và tiến hóa.

Con người thấm nhuần đạo lý, thể hiện được những phẩm chất cao đẹp trong lối sống, lối làm việc trong niềm tin, niềm hy vọng hằng ngày và trọn đời đã hình thành một chân dung chung của con người thời đại mình.

Nay, nhân loại sẽ bước sang kỷ nguyên mới của thiên niên kỷ kế tiếp. Đây là một khúc quanh vô cùng quan trọng do những dự báo thay đổi lớn lao từ tinh thần đến vật chất trong đời sống loài người.

Từ đà phát triển, tiến bộ cực kỳ nhanh chóng trên mọi lãnh vực liên quan trực tiếp đến sự sống, cách sống, cách làm việc của con người trong những thập niên cuối thế kỷ này, thế giới có đủ cơ sở để chuẩn bị đón nhận những thể hệ con người mới trong kỷ nguyên mới.

Chân dung con người mới của kỷ nguyên mới chắc hẳn chưa phai mờ những nét đẹp di truyền bao thế hệ của tổ tiên, nhưng cũng sẽ bộc lộ một tâm hồn trẻ trung, đầy sức sống và nhạy cảm với thời đại.

I. NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CỦA KỶ NGUYÊN MỚI

A. Các ưu thế

1. Khoa học kỹ thuật cực kỳ tiên bộ. Đời sống vật chất ngày càng cao. Mọi tiện nghi, phương tiện gia tăng chất lượng bội phần.

2. Công nghiệp phát triển, lối sống công nghiệp chiếm ưu thế. Mọi ngành làm việc hiệu quả hơn, chính xác hơn, lợi nhuận tầm cỡ quốc gia, quốc tế phát triển mạnh.

3. Tri thức hiện đại được tôn vinh làm thông soái.

4. Thông tin bùng nổ, văn hóa hội nhập, giao lưu nhanh chóng.

5. Tương quan giữa các quốc gia dân tộc ngày càng sâu sắc, rộng rãi và mạnh mẽ.

6. Tư tưởng Đông Tây hòa nhập; khuynh hướng phục hồi các giá trị đạo đức cổ truyền và đời sống tâm linh.

B. Các vấn nạn

1. Các vấn đề quyền con người.

2. Các vấn đề đạo đức xã hội nhân loại:

- Stress.

- Bạo lực

- Trác táng

- Ma túy.

3. Khủng hoảng kinh tế; nghèo đói

4. Chiến tranh tôn giáo, chiến tranh sắc tộc.

5. Khủng hoảng ý thức hệ, khủng hoảng tín ngưỡng, tôn giáo và đời sống tâm linh.

C. Các mẫu người lệch lạc con đẻ của thời đại:

1. Người hiện đại hóa bề ngoài, thiếu sáng tạo, vô ý thức.

2. Người mất định hướng trong kiến thức do thông tin tràn ngập.

3. Người máy móc, rô bô sống, khô khan tình cảm, mất nhân tính.

4. Người bụi đời, lang thang vô gia đình.

5. Người bị ảm ức và dồn nén, hoảng loạn.

6. Người ảo tưởng,; người cực đoan; người có khuynh hướng bạo lực.

. Người mất phương hướng và máy mọc là loại người vong thân, vong bản.

. Người chỉ biết hưởng thụ, truy lạc, người chọn lối sống hiện sinh, là loại người tự diệt.

. Người lý tưởng cực đoan, sẽ trở nên ảo tưởng, bi quan, hành động bạo lực hay rối loạn tâm thần.

II. NHỮNG GIẢI PHÁP

Từ các vấn nạn và hệ quả nêu trên, kỷ nguyên mới phải có giải pháp cho các đối tượng:

A. Những biện pháp ngăn chặn

1. Phong trào phục hưng truyền thống dân tộc, về nguồn - quay lại nếp sống gia đình.

2. Xây dựng nền giáo dục toàn diện, vừa thực dụng vừa có bản chất nhân văn, khai phóng, sáng tạo.

3. Xây dựng ý thức hệ quân bình tinh thần vật chất, quân bình tâm linh và nhân sinh.

4. Mọi quan hệ của con người thời đại với cộng đồng xã hội và cộng đồng nhân loại

Ngày nay và hơn nữa trong kỷ nguyên mới, con người phải đứng vào cộng đồng, trở nên một thành tố trong tổng thể cộng đồng mới có thể phát triển được.

- Trong môi trường sản xuất, thị trường, kinh tế.

- Trong giao lưu văn hóa.

- Trong khoa học công nghệ.

- Trong ngôn ngữ

- Trong môi trường sống...

Rồi đây không còn ai, không còn quốc gia nào có thể vị kỷ riêng tây được nữa.

Vậy con người thời đại mới là người của các cộng đồng, người của muôn phương, hay “Đông Nhân” theo ý nghĩa của Quê Dịch “Thiên Hỏa Đông Nhân” vậy.

B. Những đóng góp của các tôn giáo

Các tôn giáo, vì mục tiêu cứu độ nhân sanh đương nhiên có trách nhiệm xây dựng lại con người chính danh, góp phần cùng các tổ chức nhà nước, các ngành chức năng quốc gia và quốc tế.

Trong những giải pháp nêu trên, điểm nào các tôn giáo cũng có khả năng tham gia. Nhưng trước hết các tôn giáo phải tự khẳng định sứ mạng phục hồi Nhân bản bằng các nguyên lý sau đây:

1. Tôn giáo chân chính phải soi sáng nhân vị, bảo vệ nhân quyền, chỉ cho nhân loại mục tiêu tiến hóa tối thượng là Thượng Đế, là Niết Bàn chứ không mê hoặc con người làm kẻ nô lệ cho bất cứ một thần quyền nào.

2. Đời sống tâm linh của con người kỷ nguyên mới như thế nào?

Hai chữ Tâm linh quá trừu tượng, quá bao quát, thuộc về nội tâm con người lẫn cả thế giới vô hình.

* Nhưng, nếu chúng ta đặt vấn đề thực tiễn hơn, thì sẽ thấy đời sống tâm linh có thể biểu hiện bằng nhiều mức độ một cách tự nhiên.

* Là Tình cảm thiêng liêng hướng về ông cha, tổ tiên, tổ quốc mà ai cũng có, bất luận là có tôn giáo hay không tôn giáo.

* Là quan năng minh triết: Quan năng này là kết quả của một quá trình rèn luyện có phương pháp và có cơ sở khoa học về sinh lý, tâm lý và đạo đức, được gọi là đạo học hay thiền học. Có hay không mang mặc các hình thức tôn giáo thì quá trình ấy

vẫn đem đến kết quả minh triết nếu ta vẫn chấp hành nghiêm túc các phương pháp.

* Tín ngưỡng và Đức tin: Con người kỷ nguyên mới, có lẽ sẽ không nên đặt vấn đề đúng sai đối với tín ngưỡng và đức tin... Điều quan trọng là phải nhớ rằng:

Những tôn giáo chân chính, những bậc Giáo Tổ và Thánh hiền xưa nay không hề dạy con người phủ nhận giá trị làm người và kiếp người. Các Ngài dạy giác ngộ cái Đạo tự thân để hành Đạo ấy, trở nên hoàn thiện.

Không có sự tiên hóa nào mà không có quá trình chuyển hóa gian khổ. Đó là qui luật của vũ trụ. Ngược lại người không có tín ngưỡng không phải là người tội lỗi,. Hơn nữa họ vẫn có thể làm nên những sự nghiệp vĩ vang theo một lý tưởng trong sáng và cao thượng. Lý tưởng ấy chính là Đức tin của họ.

IV. TỔNGHỢP CÁC GIẢI PHÁP TỪ CÁ THỂ ĐẾN CỘNG ĐỒNG

1. **Giải pháp nơi cá thể con người:** Giải pháp ưu việt nhất để cứu độ con người là con người làm thế nào phát huy tối đa tinh hoa bản thể chính mình. Đạo học đã chỉ ra rằng *tinh hoa thể chất* của con người là "Khí" và *tinh hoa tâm linh* con người là "Thần". Một khi con người hiện sinh với một mức độ Thần Khí nhất định, tự nhiên sẽ giao hòa với năng lực vũ trụ ở mức độ như định.

2. Giải pháp đối với cộng đồng xã hội và nhân loại

Văn minh thế giới và di sản văn hóa là những sản phẩm tinh yếu của nhân loại tích lũy được trên đường lịch sử. Chính những giá trị thăng tiến đó hội tụ với các giá trị tinh hoa cá thể, đón nhận các nguồn năng lực bàng bạc trong trời đất sẽ lập thành "Giải pháp cứu độ tổng hợp"

(Albert Einstein nói: “Hãy tìm hiểu thiên nhiên thật sâu, bạn sẽ hiểu mọi sự tốt hơn.” Look deep into nature, and then you will understand everything better.)

(Stephen Hawking: “ Vũ trụ sẽ không có ý nghĩa gì nhiều nếu đó không phải là ngôi nhà của những người bạn yêu”)

Gs Fritjof Capra (sinh 1939), tác giả quyển “The Tao of physics” (Đạo của vật lý) xuất bản năm 1982 viết: “Một buổi chiều hè nọ, ngồi trên bãi biển, nhìn những đợt sóng đến và cảm thấy nhịp điệu của hơi thở mình, bỗng nhiên tôi ý thức toàn bộ vùng quanh tôi đang tham gia vào trong một vũ điệu vĩ đại của vũ trụ [...] Tôi “thấy” năng lượng tràn như thác đổ từ không gian xuống, trong đó bao nhiêu được hình thành, bao nhiêu hạt bị hủy diệt, trong một sức mạnh nhịp nhàng; tôi “thấy” nguyên tử của các nguyên tố và của cả thân tôi tham gia vào trong vũ điệu năng lượng này của vũ trụ...”



Figure 1 sơ đồ tổng hợp các giải pháp

3. Giải pháp tôn giáo: Con người sứ mạng và thực thể đạo cứu thế đối với các tôn giáo

(Albert Einstein: “**Khoa học không có tôn giáo là què quặt, tôn giáo không khoa học là mù quáng**” Science without religion is lame, religion without science is blind.

Read more at:

[https://www.brainyquote.com/authors/albert_einstein\)](https://www.brainyquote.com/authors/albert_einstein)

Đối với Tôn giáo, hai nguồn năng lực chủ yếu góp phần vào giải pháp cứu độ thời đại là “Con người sứ mạng” và “Thực thể đạo cứu thế”

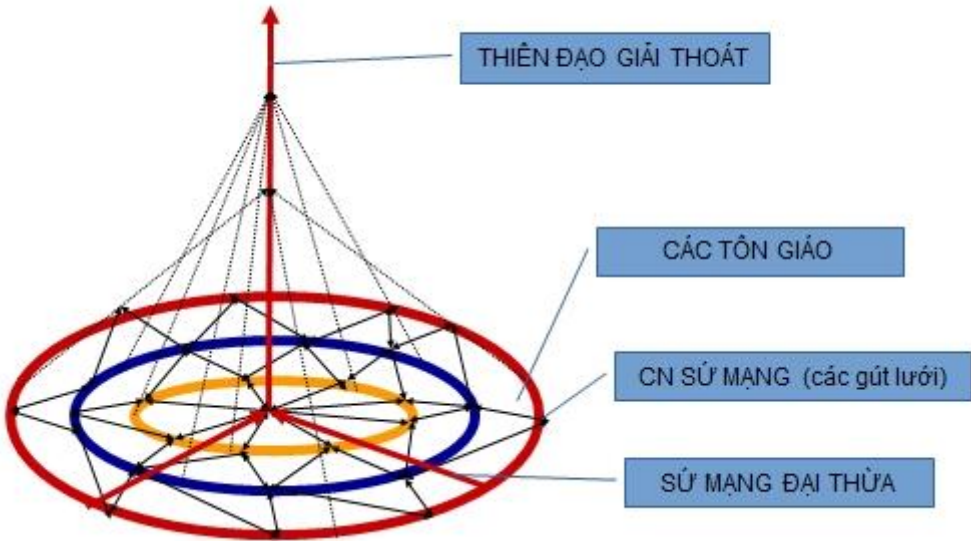
_ Con người sứ mạng là người có tâm nguyện thuần chơn vô ngã phụng sự cơ cứu độ mà Cao Đài giáo gọi là sứ mạng đại thừa tự độ-độ tha tức là thực hành”Thiên đạo giải thoát”

_ Thực thể đạo cứu thế là hệ thống liên kết tất cả các tôn giáo đồng nhắm đến mục tiêu phục hồi nhân bản hầu tiến hóa đến cứu cánh Bản nguyên hay Đại linh quang Thượng Đế.



4. Sự hội tụ của quyền pháp con người sứ mạng + Thực thể đạo cứu thế + Thiên đạo giải thoát sẽ lập thành thế “Thiên nhân

hiệp nhất” là Giải pháp rốt ráo đặc biệt của Tam Kỳ Phổ Độ



Các vòng tròn đồng tâm (Hình 3) chính là các tôn giáo đồng có mục tiêu duy nhất cứu độ thời hạ nguơn là phục hồi Nhân bản và Bản thể đại đồng. Mục tiêu đó chính là trung tâm điểm của các vòng tròn.

Các điểm đỏ trên mỗi vòng tròn là những người sứ mạng của mỗi tôn giáo. Đó là những động năng quyền pháp thúc đẩy công cuộc thánh đức hóa (hoàn thiện hóa) con người và xã hội theo mục tiêu nói trên.

Những hạt nhân sứ mạng này là những gút lưới của màn lưới Sứ mạng Đại thừa liên kết nhau và nối kết với trung tâm Đại đạo để phổ truyền tác động thiên nhân hiệp nhất.

Màng lưới này sẽ trở nên "thế pháp" cứu độ, rung chuyển không ngừng để chuyển hóa nhân tâm, đó chính là thực thể đạo cứu thế.

Nếu giản lược sơ đồ này thành hai trục, thì trục ngang chính là Sứ mạng Đại thừa và trục thẳng đứng là Thiên đạo giải thoát.

*"Thiên đạo trường lưu khắp vạn loài,
Chuyển cơ tiến hóa nhiệm màu thay!
Đại thừa sứ mạng hành Thiên đạo,
Nào quản hề đông nẻo dặm dài."*

(Đức Đông Lâm Tiên Trưởng, CQPTGL, 15-10 Đinh Tỵ.)

Kết luận

Đứng trước cuộc diện thế giới nhơn loại ngày nay với biết bao cảnh tượng chiến tranh, bạo lực mỗi ngày mỗi giờ có hằng trăm hằng ngàn người ngã gục; với bao thảm trạng đạo đức suy đồi, từng lớp kẻ đồ xô vào hố thẳm đục vọng, tự hủy diệt từng phút từng giây.

Lẽ ra khoa học văn minh hiện đại đủ sức đưa loài người vào đời sống thiên đàng tại trần gian, nhưng ngược lại đau khổ ngày càng chồng chất đó đây với nhịp độ tăng gia khủng khiếp!

Mọi giải pháp hầu như đều bất lực, loài người đang tử hỏ cho địa vị thiên hạ tối linh, không lẽ chỉ chấp tay chờ tận thế?

Nhưng không! con người chính là tạo hóa trong Tạo hóa:

*"Con biết con là ai đó chăng?
Con ôi, lý Đạo rắng tâm phăng,
Con là không phải thân phàm xác,
Con vốn Chơn Thần Thượng Đế ban."*

(Đức Chí Tôn, Thánh Huấn Hiệp Tuyển, Q. 1, tr. 207)

Vậy loài người không thể tìm ra giải pháp tự cứu nếu không biết tự phát huy năng lực trong bản thân con người. Đó là điểm tiên

thiên, là Chơn thần, là Đạo, là chìa khóa mở cửa Thiên đàng tại thế gian và mở cửa Bạch Ngọc Kinh (thượng giới).

Đức Chí Tôn khai Đại Đạo đã trao quyền cầm nang cho con cái Ngài rất thực tiễn, không phải là pháp môn huyền bí xa xôi mà đã có sẵn trong nội thân, nội tâm mỗi người, chỉ cần biết quay về hướng nội:

Quay về gốc bản thân

Quay về gốc của tinh thần: sự yên tĩnh.

Quay về gốc của đạo đức: Nhân đạo

Quay về gốc của cộng đồng dân tộc: truyền thống cổ truyền dân tộc.

Quay về gốc của nhân loại: Thượng Đế Tính

“Cái thánh thiện của con người không riêng cho ai mà ai cũng có, nên sự tương hệ tương quan như một mạng lưới vô hình đang trùm khắp, như nguồn nước từ trên chảy xuống rưới chan, như không khí một bầu hít thở dưỡng nuôi, lại cùng một mảnh hình hài không sai không khác. Đó là Đạo tự nhiên sinh, Đức tự nhiên súc. Con người có hiểu được lẽ sinh súc đó thì sẽ sống một đời sống bình thường tịnh lạc với trách nhiệm đương nhiên.”

Trách nhiệm đương nhiên ấy chính là sứ mạng vi nhân hay nghĩa vụ làm người vậy.

*“Sống lại lòng mình hồi thế nhân,
Quay về Thượng Đế tính đơn thuần;
Không gây tham vọng không oan trái,
Nước mạnh dân an bởi hợp quần”*

Với bao nhiêu ưu thế đó, giải pháp cứu độ kỳ ba đã lập thành một thể pháp mà trung tâm thần lực được nối kết từ cõi người đến cõi trời rồi tác động bao trùm thế gian như mạng lưới để chuyển thể từ suy đồi sang thánh đức./.(Rằm tháng 2 năm Mậu Tuất 30 /3/2018)

CHƯƠNG THỨ BẢY

CAO ĐÀI VÀ HƯỚNG PHÁT TRIỂN RA THẾ GIỚI

Thiện Chí

(Chủ trương của đạo Cao Đài trong việc mở rộng quan hệ Quốc tế và hỗ trợ tín đồ người Việt Nam ở nước ngoài trong sinh hoạt tôn giáo.)

Lời nói đầu.

Chủ đề Hội thảo nêu lên hai chủ điểm: 1. Chủ trương của đạo Cao Đài trong việc mở rộng quan hệ Quốc tế; 2. Hỗ trợ tín đồ người Việt Nam ở nước ngoài trong sinh hoạt tôn giáo. Do đó chúng tôi sẽ chia bài tham luận ra 2 phần chính gồm “Việc mở rộng” và Phần “Hỗ trợ tín đồ”.

A. Chủ trương của đạo Cao Đài.

1. Tôn chỉ mục đích đạo Cao Đài.
2. Khả năng phát triển ra nước ngoài.
3. Tham khảo các hoạt động phát triển đạo Cao Đài ở nước ngoài.

3.1. Khảo sát tổng quát các tổ chức Cao Đài đã hình thành ở nước ngoài từ trước và sau 1975.

3.2. Các khóa học về đạo Cao Đài ở nước ngoài.

3.3. Các hội nghị tôn giáo liên quan đến Đạo Cao Đài.

3.4. Về mối quan hệ giữa các Tôn giáo và giữa cộng đồng tín hữu của một tôn giáo.

B. Hỗ trợ tín đồ ở nước ngoài.

1. Định hướng liên giao hỗ trợ giữa Cao Đài trong nước và Cao Đài nước ngoài.
2. Hướng hỗ trợ.

C. Kết luận.

NỘI DUNG CHÍNH

A. Chủ trương của đạo Cao Đài

1. Tôn chỉ mục đích đạo Cao Đài.

“Tại Việt Nam, đầu TK 20, tôn giáo Cao Đài được chính thức thành lập, làm Lễ Thánh Thất” trọng thể ra mắt nhân sanh trong nước và toàn thế giới vào năm 1926 với danh hiệu Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Tôn chỉ- Mục đích của nền đạo là “ Tam giáo quy nguyên, Ngũ chi phục nhất” và “Thế đạo đại đồng, Thiên đạo giải thoát”.

Từ hơn 90 năm qua, Tôn chỉ Mục đích trên đã và đang soi dẫn cho đường lối hành đạo của tất cả các Hội Thánh, Tổ chức đạo Cao Đài. Từ nguyên tắc “quy nguyên phục nhất”, Cao Đài hướng về nguồn gốc chung của tôn giáo là Đại Đạo với ý nghĩa Đại Đạo không mang hình thức hay giáo điều tôn giáo mà là một Nguyên lý phổ quát duy nhất, chính là cứu cánh duy nhất của mọi tôn giáo. Do đó, phương châm hành đạo của đạo Cao Đài giữa các tôn giáo là “vạn giáo nhất lý”, Cao Đài nhìn nhận và tôn trọng các tôn giáo khác nhau, đồng hành trên đường giác ngộ chúng sinh và xây dựng xã hội đạo đức.

Đó là hệ quả “nhất lý” giữa tôn giáo về mặt sinh hoạt tâm linh. Còn giữa con người và con người, giữa xã hội, giữa các dân tộc, đối với xu thế toàn cầu hóa trên phương diện bình đẳng và nhân quyền, đạo Cao Đài ứng dụng mục đích “Thế đạo đại đồng”.

2. Khả năng phát triển ra nước ngoài

Do đó, công cuộc truyền bá giáo lý của đạo Cao Đài đang và sẽ mở rộng ra toàn cầu:

- Để đem đạo vào đời, người hành đạo được hướng dẫn căn kẽ :
“Phổ thông giáo lý không phải hiểu đơn thuần làm cho mọi người hiểu đạo là đủ, mà phải làm cho cơ đạo được thống nhất tinh thần, thông suốt mọi dân tộc, mọi lý thuyết và mọi hoàn cảnh.”

- Giữa đà phát triển mạnh mẽ và rộng khắp của công nghệ thông tin và truyền thông, với hàng vạn kinh điển truyền tải văn hóa đạo đức, hàm súc văn chương tuyệt tác, với những công trình nghiên cứu đặc sắc về đạo Cao Đài của nhiều nhân sĩ trí thức, tín hữu Cao Đài trong ngoài nước và học giả quốc tế, xu hướng hành đạo của Cao Đài có đủ hành trang hội nhập công cuộc phát triển văn hóa toàn cầu.

- Về văn hóa đạo đức, văn hóa dân tộc: Tuy đạo Cao Đài hình thành và phát triển chưa đến 100 năm nhưng đang có sẵn một kho tàng văn hóa rất đặc sắc vừa phát huy văn hóa dân tộc, vừa truyền tải văn hóa đạo đức của các tôn giáo lớn trên thế giới. Kinh Cao Đài viết:

“ . . .Trước xây đắp Cao Đài thánh đức,
Dụng Nam Bang làm mức phóng khai,
Dân Nam sứ mạng Cao Đài,
Năm châu bốn bể hòa hài từ đây.”

3. Tham khảo các hoạt động phát triển đạo Cao Đài ở nước ngoài

3.1. Khảo sát tổng quát các tổ chức Cao Đài đã hình thành ở nước ngoài từ trước và sau 1975.

*Cố 16 kết quả được tìm thấy ở Mỹ.

»California (8), Texas (5), Louisiana (1), Kansas (1), Washington (1),
*Âu châu : Pháp, Bỉ

3.2. Các khóa học về đạo Cao Đài ở nước ngoài.

Khóa học về Cao Đài tại nước ngoài (*Tin từ TP. Manhattan, Kansas, Hoa Kỳ ngày 14/11/2020 – Tường thuật của Thanh Thủy-CaodaiTV*)

Nhắc lại là vào tháng 6/2005, môn tôn giáo Cao Đài được giảng dạy tại Viện Đại Học Dhaka, Bangladesh, tiếp theo vào tháng 5/2017, môn tôn giáo Cao Đài được giảng dạy tại Viện Đại Học Vienna, Áo (Austria), sau cùng vào tháng 8 năm 2019, bộ môn Cao Đài học được giảng dạy tại Đại học Missouri (Hoa Kỳ) trong khuôn khổ khóa học về Các nền Tân Tôn giáo Đông Á (East Asian New Religious Movements). Năm nay, môn Tôn giáo Cao Đài lại được đưa vào một bộ môn thuộc chương trình giảng dạy chính quy tại Đại học Tiểu bang Kansas (Kansas State University), tiếp tục là một bước tiến nổi bật trong công cuộc truyền giáo Đạo Cao Đài ra ngoại quốc. Tuy còn khiêm tốn về thời lượng giảng dạy, nhưng có thể thấy hiện nay, triết lý và văn hóa Cao Đài dần được cộng đồng học thuật tại Hoa Kỳ và thế giới đón nhận và quan tâm nghiên cứu. Cộng với đó là sự cảm tình và nhiệt tâm của các Giáo sư Đại học đối với nền Đại Đạo lại càng hứa hẹn về một tương lai tươi sáng.

3.3. Các hội nghị tôn giáo liên quan đến Đạo Cao Đài.

Những đề tài thuyết trình nói đến Đạo Cao Đài gồm có:

- Common Ground and Sacred Exchange- An Overview of Theological Similarities and an Account of the Inter-Religious Activities among Caodaism, Oomoto, and Dao

Yuan . (Thuyết trình viên là Thạc Sĩ Jason Paul Greenberger (University of the West, Rosemead) và Canh Tran (Trưởng Ban Đại Diện Hội Thánh Cao Đài tại Hải Ngoại). Tạm dịch : *"Bối cảnh chung và giao hảo thiêng liêng. Khái quát về những điểm tương đồng về thần học và tường thuật những sinh hoạt tôn giáo giữa Cao Đài, Oomoto và Tao Yuan."*

-The Localization and Globalization of Vietnam-based New Religious Movements: Innovation and Transformation Within and beyond Asia (Tiến sĩ Ninh Thiên Hương, Đại học Bách Khoa , San Luis Obispo). Tạm dịch : *Địa phương hóa và Toàn cầu hóa của các Phong Trào Tân Tôn Giáo tại Việt Nam : Sáng kiến và Biến đổi trong nước và ngoài các nước Châu Á.*

Esoteric current in Cao Đài: Inner Transformation and Millenarian Aspect (Grzegorz Fraszczak, VDH Aberdeen, Ireland). Tạm dịch : *Dòng chảy tâm linh trong Đạo Cao Đài : Sự chuyển hóa nội tâm và viễn ảnh ngàn năm.*

-A Contrasting View of three Teachings in East Asian New Religions : Daesoonjinhoe , I- Kuan Dao and Caodaism.(Lee Gyungwon , Đại Học Daejin, Pocheon city). Tạm dịch : *Nét nhìn tương phản trong giáo lý của 3 nền tân Tôn Giáo Đông Á : Daesoonjinhoe, Nhứt Quán Đạo và Đạo Cao Đài.*

-The Best of Times, the Worst of Times, the End of Times: A Comparison of Eschatology in a Selection of Popular New Asian Religions (Jason Paul Greenberger - University of the West, Rosemead). Tạm dịch : *Thời huy hoàng, Thời tối tăm,*

Thời Mạt kiếp : So sánh về Thuyết Mạt Thế qua sự giải thích của một vài Tân Tôn Giáo Á Châu.

3.4. Về mối quan hệ giữa các Tôn giáo và giữa cộng đồng tín hữu của một tôn giáo.

a) Về mối quan hệ giữa các tôn giáo.

- Cựu Tổng thống Barack Obama: “ *Tự do Tôn giáo là điều cốt yếu để mọi dân tộc chung sống với nhau.*” Trong bài phát biểu quan trọng tại Đại học Cairo, Ai Cập, Cựu Tổng Thống Obama đã đưa ra tầm nhìn về “một sự khởi đầu mới” giữa nước Mỹ và người Hồi giáo trên khắp thế giới – một mối quan hệ dựa trên lợi ích chung và tôn trọng lẫn nhau. Vị cựu Tổng thống khẳng định, việc xây dựng một mối quan hệ chặt chẽ hơn đòi hỏi “**nỗ lực bền bỉ, cùng lắng nghe, học hỏi và tôn trọng lẫn nhau và tìm kiếm điểm tương đồng**”. Mối quan hệ mới này buộc chúng ta phải “thẳng thắn đối mặt với những bất đồng, căng thẳng” thay vì né tránh chúng và hợp tác cùng nhau giải quyết những vấn đề đó trên tư cách là những đối tác. (đọc thêm Phụ lục).

Đó cũng là cách thức ưu việt mà tôn giáo Cao Đài áp dụng trong mối quan hệ với các tôn giáo khác.

b)- Đối với cộng đồng tín hữu Cao Đài tại Mỹ:

Hiện nay, có thể phân loại thành: Các nhóm độc lập, Các Thánh thất theo Chi phái.

- Các nhóm độc lập: Có những chương trình sinh hoạt riêng như tự tổ chức học tập giáo lý định kỳ; nghiên cứu giáo lý bằng cách

thiết lập các trang web, các cuộc hội thảo tập thể hay qua truyền thông.

- Các Thánh thất theo Chi phái: Gồm cộng đồng tín hữu sinh hoạt theo các nghi lễ, lễ hội, giáo dục theo truyền thống và hành chánh đạo của Phái mình.

c)-Về sinh hoạt sống đạo của cộng đồng tín hữu Cao Đài ở nước ngoài: Qua tham khảo ý kiến với các tín hữu Cao Đài độc lập, định cư lâu năm ở nước ngoài, có thể ghi nhận các ý kiến như sau:

_ Đối với chính quyền tại nước ngoài như Mỹ Canada, Pháp Anh, Úc và các nước tiên tiến khác, thể chế tự do tôn giáo phù hợp với các sinh hoạt của tín hữu đạo Cao Đài .

_ Đối với việc tu công truyền , một số tín hữu tập hợp tu học hành đạo thành các tập thể độc lập theo đường lối công truyền, bằng các chương trình thuyết đạo, thảo luận giáo lý, truyền thông , không thành lập hệ thống giáo hội riêng. Nổi bật, được ghi nhận hoạt động của Tổ chức “ Cao Đài giáo hải ngoại”

_ Về tâm truyền nội tu, một số tín hữu hợp thành các đàn tu Chiếu minh nhỏ lẻ, kín đáo .

_ Một số chức sắc Cao Đài phần lớn thuộc phái Tây Ninh, hợp tác với một số cảm tình viên đạo CĐ người ngoài, tạo ra được tiếng nói chung về đạo Cao Đài và vận động vài đại học ở Mỹ và vài nước khác như Hàn Quốc, Bangladesh ,giảng dạy về đạo Cao Đài

_ Đối với việc liên giao với CĐ trong nước hay các Hội thánh, Thánh thất Tổ chức đạo trong nước, còn hình thức tùy tiện qua các phương tiện truyền thông, tổ chức hoạt động từ thiện, cứu trợ; lễ hội, nói chung thuận lợi, theo tinh thần tự nguyện, phi chính phủ và thường là độc lập, không chính thức lấy danh nghĩa. Hội thánh hay Chi phái . .

_ Chưa có dấu hiệu đáng kể về việc tín hữu CĐ bị phân biệt đối xử với các tôn giáo khác

B. Hỗ trợ tín đồ ở nước ngoài

1. Định hướng liên giao tương trợ giữa Cao Đài trong nước và Cao Đài nước ngoài.

a)- Thực tế các sinh hoạt tôn giáo của các cộng đồng tín hữu Cao Đài tại hải ngoại.

- Họp mặt nhóm tín hữu thường kỳ của từng nhóm độc lập như: Thảo luận qua điện thoại, cầu nguyện chung . . .

- Xuất bản kinh sách, tài liệu biên khảo . . .

- Thiết lập các Trang web.

- Tổ chức các lễ kỷ niệm của Đạo và của từng Phái.

- Tham gia các Hội nghị tôn giáo hay Hội nghị của đạo Cao Đài.

- Liên giao với các Tổ chức Cao Đài và các Hội Thánh trong nước.

b)- Nhận định :

b.1. Hoạt động hành đạo của cộng đồng Cao Đài Hải Ngoại (CĐHN) tuy đa dạng nhưng còn rời rạc do khoảng cách địa lý trong một Tiểu bang hoặc giữa các Tiểu bang.

b.2. Xây dựng được nhiều Thánh thất, những Tổ chức sinh hoạt đạo Cao Đài, nhưng giữa các đơn vị chưa liên kết được do vấn đề Chi phái.

b.3. Mọi liên lạc giữa các Thánh thất và Hội Thánh gốc trong nước chưa thông suốt.

b.4. Đời sống tín hữu CĐ nước ngoài còn nhiều khó khăn mọi mặt về kinh tế, giáo dục, chính trị, đặc biệt là cộng đồng mới nhập cư / định cư . . .

2. Hướng hỗ trợ

2.1. Các Hội Thánh Cao Đài trong nước được phép **phong phạm** cho các vị chức sắc trực thuộc ở nước ngoài để làm đại diện cho HT giải quyết các vấn đề liên quan trong Đạo theo chỉ đạo của HT. Vị này sẽ là đầu mối liên lạc giữa HT và các đơn vị Cao Đài trong ngoài nước.

2.2. Các khả năng tương trợ (hỗ trợ) của Cao Đài trong nước cho Cao Đài hải ngoại:

- Tạo điều kiện trao đổi các thông tin giữa 2 bên, tham dự các Hội nghị tôn giáo và Đạo Cao Đài trong ngoài nước.
- Thiết lập các Văn phòng đại diện của từng HT tại hải ngoại và ngược lại.
- Trao đổi kinh sách xuất bản trong nước và nước ngoài (nhất là của các HT và tổ chức Cao Đài.)
- Trao đổi những thông tin về chính sách tôn giáo giữa 2 bên. Tương trợ về nhân sự và các chương trình giáo dục đào tạo.
- Về pháp môn tu luyện (đạo pháp).

C. Kết luận :

Trong bối cảnh toàn cầu hóa nhiều lãnh vực trên thế giới hiện nay, toàn đạo Cao Đài cần trang bị sẵn sàng những điều kiện để hành đạo hội nhập quốc tế theo tôn chỉ mục đích của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ:

1. Không mê ngủ trong đức tin, đừng ảo vọng trong lý tưởng. Phải học hỏi rèn luyện không ngừng, vượt qua mọi thử thách mới có đủ bản lĩnh hội nhập quốc tế.
2. Luôn tuân thủ Mục đích “Thế đạo đại đồng”: Muốn **đại đồng** cùng thiên hạ phải đại đồng cùng dân tộc trước đã (Nói cách khác, muốn hội nhập cùng Cao Đài thế giới, phải hội nhập cùng Cao Đài trong trước đã.)
3. Trong tinh thần “Vạn giáo nhất lý”, quan hệ tốt với tôn giáo bạn trong và ngoài nước. Nghiên cứu giáo lý các tôn giáo, các sinh hoạt tôn giáo trong nước và quốc tế. Tham gia các hội nghị tôn giáo trong nước và quốc tế liên quan đến đời sống xã hội văn minh tiến bộ và sinh hoạt tôn giáo hướng thượng.
4. Đối với quốc tế, giữa các tôn giáo, giữa cộng đồng Cao Đài trong ngoài nước, lập trường đồng nhất là “ Tôn trọng Nhân bản”, “Bảo vệ nhân quyền”.
5. Vận động tín đồ tìm hiểu, tham gia các chương trình bảo vệ môi trường xanh trong nước và thế giới, các chương trình sức khỏe cộng đồng. Trao đổi văn hóa và sinh hoạt tâm linh hướng thượng với các dân tộc trong và ngoài nước . . .

SUMMARY

1. Do not fall asleep in faith, do not be delusional in ideals. Must learn and practice constantly, overcome all challenges to have enough (leadership) **astuteness** for international integration.
2. Always adhere to the goal of "The world's great (religion) **harmony**" : If (you) **we** want to be united with the world, (you) **we** must first **be united with our nation** (join the nation). In other words, if **we** (you) want to integrate with Cao Dai in the world, (you) **we** must integrate with **all the branches of Cao Đài in Vietnam**. (Cao Dai in the first place. already.)

3. In the spirit of (" The same Truth of Thousand Teachings")
“All religions have only one Truth”:
 - having a **good relationship with other religions at home and abroad** (good relations with your religion at home and abroad).
 -Studying religious doctrines.
-Following up domestic and international religious activities.
4. Internationally, between religions, between the Cao Dai community at home and abroad, the (unified stance) **consistent viewpoints are** "Respect (for) Humanity", "Protect human rights"
5. **Encouraging** (Mobilizing) believers to learn about and participate in green environmental programs as well as community health programs and spiritual activities.
 (Cultural exchange and spiritual activities upward) **Exchanging cultural and transcendentally spiritual activities** with ethnic groups at home and abroad. . .

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Khóa học về Cao Đài tại nước ngoài (*Tin từ TP. Manhattan, Kansas, Hoa Kỳ ngày 14/11/2020 – Tường thuật của Thanh Thủy-CaodaiTV*).

- *Báo cáo về tự do tôn giáo quốc tế năm 2009 Đại sứ quán và Tổng Lãnh Sự quán tại Việt Nam.*

[_https://vn.usembassy.gov/vi/bao-cao-ve-tu-do-ton-giao-quoc-te-nam-2009/](https://vn.usembassy.gov/vi/bao-cao-ve-tu-do-ton-giao-quoc-te-nam-2009/)

- *VỀ THỜI MẠT KIẾP* https://www.cesnur.org/2016/daejin_greenberger_text.pdf

BAN ĐẠI DIỆN HỘI THÁNH TẠI HẢI NGOẠI THAM DỰ HỘI NGHỊ CESNUR TẠI SEOUL, ĐẠI HÀN TỪ NGÀY 5 ĐẾN 10/7/2016 P 23/08/2016 , banbientap K Tin hội thánh, Tin tức đạo sự Cập nhật 2016-07-15 07:30:47

-Trang Web Ban Tôn Giáo Chính Phủ.

<http://btgcp.gov.vn/Plus.aspx/vi/News/38/0/240/0/4917/Tim>

hieu_Dai_le_Vesak_Lien_Hop_quoc_o_Viet_Nam.

-Wikipedia :

https://vi.wikipedia.org/wiki/C%C3%B4ng_%C4%91%E1%BB%93ng_Vatican%C3%B4_II.

- Ngô Quốc Đông, Liên Tôn Giáo Công Đồng Vatican II, Tạp chí nghiên cứu TG)

-Thánh giáo sưu tập Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo.

- Kinh Đạo Học Chỉ Nam, Minh Lý Thánh Hội.

-Thánh giáo tại Minh Lý Thánh Hội.

CHƯƠNG THỨ TÁM

Đề tài:

Con Người

Mở đầu:

Trước khi đặt bút viết bài đối chiếu này, chúng tôi nhớ lại một đoạn trích dẫn của Ban Lão Giáo về mối ưu tư của triết gia M. Heidegger trong tác phẩm “Kant et le problème de la Métaphysique” như sau:

“Không một thời đại nào chúng ta thu thập nhiều loại trí thức khác nhau như là thời đại chúng ta đang sống. Không có thời nào như thời này lại trình bày sự hiểu biết về con người rõ ràng hơn và dễ hiểu hơn. Không có thời nào lại truyền đạt sự hiểu biết mau chóng dễ dàng hơn. Nhưng cũng không một thời đại nào con người lại ít hiểu biết về con người hơn thời đại này. Không có thời kỳ nào con người lại xuất hiện đầy bí ẩn đến thế” (tr. 260)

Quả thật câu nói là một nhận định chân thành về sự mâu thuẫn lạ kỳ của thực trạng tri thức loài người. Con người của thời đại văn minh tột bậc này lại càng ngày càng trở nên mù tịt về chính mình. Chúng tôi nghĩ rằng mấu chốt của “vấn đề Con Người” ngày nay là ở chỗ giải quyết mâu thuẫn lớn lao ấy hay ít nhất phải giải thoát nguyên nhân của nó. Cho nên các tôn giáo trên thế giới nếu không đáp ứng được vấn nạn này sẽ không có giá trị nhân bản và không còn phù hợp với thời đại.

Từ quan điểm đó, khi đối chiếu giáo lý các tôn giáo về ‘Con Người’ chúng tôi thiên nghĩ chúng ta cần liên hệ tập trung vào cuộc hiện sinh của con người tại thế gian này hơn là bày tỏ con đường huyền nhiệm tương lai mà chúng ta đã ít nhiều học hỏi trong những đề tài trước. Vậy chúng ta sẽ lần lượt bàn qua các mục sau đây:

I. Nhận định về cuộc khủng hoảng tinh thần của nhân loại trong thời đại này

II. Tìm hiểu cơ cấu tâm thức con người

III. Đi tìm căn bệnh thời đại để đối trị

IV. Quan điểm hiện sinh của các tôn giáo

V. Tổng luận

I. CUỘC KHỦNG HOẢNG TINH THẦN CỦA CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Nhân loại ở thế kỷ 20, và nhất là ở cuối thế kỷ này là nhân loại của kỷ nguyên văn minh vật chất cao tốt. Loài người đã khám phá được các phương thức cấu tạo vật chất và các quy luật vận dụng vật chất phục vụ cho con người. Con người đã tự giải thoát khỏi sự khống chế của thiên nhiên, đứng bên cạnh hệ thống cơ giới của mình để thừa hưởng những gì mà cơ giới khai thác được từ thiên nhiên một cách sung mãn và hoàn mỹ. Như thế có nghĩa rằng con người đã giải quyết được sự mâu thuẫn vĩ đại giữa bản năng sinh tồn của mình đối với mãnh lực khủng khiếp của thiên nhiên và với cái thô lậu ù lì của vật chất nguyên sơ. Con người đã chiến thắng, nhưng mỉa mai thay con người chưa

khỏi bị đọa đày, đến nỗi ngày nay trên thế giới không ngớt những tiếng kêu cứu về cuộc khủng hoảng của chính cái thời đại văn minh tột bậc này. Thật là một điều phi lý nhưng xét kỹ hiện trạng nhân loại một cách toàn diện về tinh thần lẫn vật chất, chúng ta sẽ thấy đó là một cuộc khủng hoảng có nguyên nhân rõ rệt.

Trước tiên, đặc tính của kỷ nguyên này là “con người và máy móc”. Máy móc đã giải thoát con người khỏi các mâu thuẫn ngăn trở của thiên nhiên, nhưng chính máy móc quay lại mâu thuẫn với con người. Theo Đại Sư DT. Suzuki (trong Thiền và Phân Tâm Học, tr.2a):

– “Con người và máy móc hàm súc một mâu thuẫn, và bởi vì sự mâu thuẫn này Tây phương đang trải qua một cuộc căng thẳng tâm lý lớn, thể hiện trong nhiều chiều hướng khác nhau trong cuộc sống hiện đại của họ. Con người hàm ngụ cá tính, trách nhiệm cá nhân, trong khi máy móc là sản phẩm của trí năng, trừu tượng, phổ quát hóa, toàn thể hóa, sinh hoạt tập nhóm... Con người có thể nói về tự do, thế nhưng máy móc giới hạn hẳn đủ cách, vì cái nói không đi xa hơn chính nó chút nào. Người Tây phương ngay từ buổi đầu đã bị câu thúc, kèm hãm, ngăn cấm. Máy móc không có sáng tạo tính: nó chỉ tác động tới mức nào, hay được ngăn nào mà người ta muốn nó tác động. Nó không bao giờ hoạt động như là “Con Người”.

Theo nhận xét trên của Đại sư D. T. Suzuki thì cuộc khủng hoảng của thời đại chính là cái hậu quả của cơ giới hóa đời sống con người. Con người tự nhiên và tự do đang phải chịu đựng những cái khuôn mẫu, những lôi kéo của máy móc.

Thứ đến, xã hội loài người ngày nay với “tổ chức luân lý máy móc” của nó đã làm cho con người không còn tự do đích thực nữa. Đại sư Suzuki nói tiếp:

– “Tôi sống với xã hội, trong một nhóm, giới hạn tất cả những cử động, tinh thần cũng như vật chất của tôi. Ngay cả khi tôi có một mình tôi cũng chẳng hề tự do. Tôi có đủ thứ thôi thúc mà không phải là tôi luôn luôn kiểm soát được. Nhiều thôi thúc lôi cuốn tôi bất chấp cả tôi. Khi nào chúng ta còn sống trong cái thế giới hạn hẹp này, chúng ta không bao giờ có thể nói về tự do hay làm như chúng ta thích. Ngay cả cái thích này cũng là một cái gì không phải của ta.”

Những nỗi ray rức mà Đại sư Suzuki đứng trên địa vị con người thời đại nói chung để diễn tả một cách chua chát trên đây được nhà Tâm phân học Erich Fromm gọi là “bệnh thế kỷ”, là “phiền muộn”, “bực dọc”, “sự tê liệt hóa đời sống, sự máy móc hóa con người, sự ly cách khỏi chính mình, khỏi đồng loại và khỏi thiên nhiên”. Ông Erich Fromm cho đó là cuộc khủng hoảng tâm linh hiện thời. Theo ông:

– “Con người đã theo duy lý luận đến cái điểm mà duy lý luận đã biến thành phi lý luận tuyệt đối. Kể từ Descartes, người ta không ngớt chia chẻ tư tưởng khỏi tình cảm, chỉ tư tưởng được coi là hữu lý – Tình cảm, tự bản tính, vốn phi lý; cái con người, tôi đã bị chẻ ra thành một trí năng, cấu thành cái ngã của tôi, và nó phải kiểm soát tôi cũng như nó phải kiểm soát thiên nhiên, và sự sản xuất ngày càng nhiều đồ vật, trở nên những mục tiêu tối thượng của cuộc sống. Trong tiến trình này, con người sẽ tự biến mình thành một vật, đời sống đã bị lệ thuộc vào tài sản, “là” bị chi phối bởi “có”. Trong khi, những căn đề của

văn hóa Tây phương (tác giả lấy con người Tây phương làm tiêu biểu cho con người thời đại) cả Hy Lạp lẫn Do Thái, coi mục tiêu của cuộc đời là toàn thiện con người, con người hiện đại lo toàn thiện đồ vật, và cách để làm chúng.”

– “Người Tây phương vì ở trong một trạng thái bị ám ảnh bởi cái cố tật không sao có thể nghiêm được tình cảm cho nên hấn lo âu, chán nản, tuyệt vọng. Hấn vẫn hưởng ứng bằng miệng những mục tiêu hạnh phúc, chủ nghĩa cá nhân, sáng kiến – nhưng thực ra hấn không có mục đích. Cứ hỏi hấn “xem hấn sống vì cái gì, cái gì là mục tiêu của tất cả những nỗ lực của hấn – hấn là hấn lúng túng. Có người có thể nói họ sống vì gia đình, người khác, “để vui chơi”, lại có người để làm tiền, nhưng trên thực tế chả ai biết mình sống để làm gì; họ không có mục đích, ngoại trừ cái ao ước tránh sự bất an và cô độc.”

Như thế, theo nhận xét của triết gia cũng là nhà phân tâm này (Erich Fromm) con người thời đại vì mãi mê toàn thiện đồ vật mà đã tự bỏ quên chính mình, bỏ mất cái chất “người của mình đến đổi cuộc sống trở nên nhạt nhẽo, khô khan; muốn tươi mát lại cho mình mà cũng chẳng biết phải làm sao, bắt đầu chỗ nào. Để rồi quay lại viện dẫn Thượng Đế ở đâu môi chót lưỡi để che đậy một bãi tha ma ngổn ngang những tham vọng, những ý niềm tiền chế, những pho tượng vô hồn trong tâm thức mình. Do đó tình trạng của con người vẫn không thay đổi.

Ngược lại nếu con người quá tự phụ với trí năng của mình, dựa vào sự trau dồi cái óc biện biệt đến chỗ tinh vi, tự nhận có khả năng làm chủ mọi sự, phi bác Thượng Đế thì đồng thời cũng dựng lên một cái ngã nghiêm nhiên kiêu ngạo trước vũ trụ nghĩa là phi bác luôn cái Bản Thể đồng nhất dung thông vạn vật. Đó chính là ta tự cô lập với Ta. Con người lại rơi vào

“quy kỷ”, cô lập với mọi người, đưa tới thảm họa chia rẽ, thù nghịch, chiến tranh...

Nhận định về khủng hoảng của thời đại này như trên, với những than phiền của một D. T. Suzuki, một Erich Fromm rằng:

– “Tôi có đủ thứ thôi thúc mà không phải là tôi luôn luôn kiểm soát được. Nhiều thôi thúc lôi kéo tôi bất chấp cả tôi... Chúng ta không bao giờ có thể nói đến tự do hay làm như chúng ta thích. Ngay cả cái thích này cũng là một cái gì không phải của ta.” (D. T. Suzuki)

– “Cái con người, tôi, đã bị chẻ ra thành một trí năng, cấu thành cái ngã của tôi, và nó phải kiểm soát tôi cũng như nó phải kiểm soát thiên nhiên.” (Erich Fromm)

Chúng ta thấy căn đề của cuộc khủng hoảng nằm trong tâm thức con người. Trong đó chan chứa niềm bứt rứt khôn nguôi của một con người lạc lõng cô đơn trong tâm hồn và xa lạ với chốn tha phương, mà thi hào V. R. Tagore đã diễn tả một cách thống thiết như sau:

Lòng con không an

Con khao khát vô biên

Linh hồn con mỗi mết,

Nhưng khắc khoải mãi với mộng xa xăm.

Ôi tiếng sao của Trời cao, sao nó tha thiết thế.

Con quên, con mãi quên rằng con chưa có cánh để bay,

Rằng con vẫn bị cột chặt vào cõi nặng trọc.

Linh hồn con nóng như lửa đỏ

Con không ngủ được

Con quả là một khách lạ ở đất lạ quê người.
Một điệu âm nói lên ở lòng con một ước mong
Không sao thực hiện.
Điệu âm ấy quả là tiếng nói của Ngài
Mà con đã quen như tiếng của con.

...

Con không an, con xa lạ đối với chính con
Trong bình minh êm ả qua lớp sương mai lóng lánh,
Trên vòm trời xanh
Ngài hiện ra huy hoàng làm sao:
Ôi tiếng sáo của Ngài sao nó tha thiết thế?
Con quên, con mãi quên rằng con bị nhốt cô đơn
Trong lương tâm không lối thoát.

Cho nên muốn nhận định chính xác về con người với những trạng huống của nó để tìm cách giải tỏa cuộc khủng hoảng, chúng ta phải khởi đầu từ sự phân tích cơ cấu tâm thức của con người, nơi xảy ra những tổn thức trên kia.

II. CƠ CẤU TÂM THỨC CỦA CON NGƯỜI

Trước hết, qua Thông Thiên Học, theo bà Annie Besant¹¹, chúng ta hãy xây dựng một khái niệm tổng quát về tâm thức (la conscience).

¹¹ Étude sur la conscience, 1952 (3^e) édition p. 31

– Tâm thức là gì?

– “Tâm thức” và “sự sống” (*conscience et vie*) đồng nghĩa để chỉ cùng một sự kiện duy nhất tùy theo sự kiện ấy ở trong hay ở ngoài. Không hề có sự sống không tâm thức hay tâm thức không sự sống. Nếu ta tự quán sát khái niệm này, ta thấy rằng ta đã gọi là “sự sống” cái tâm thức quay vào trong và gọi là “tâm thức” cái “sự sống” hướng ra ngoài. Khi ta quan tâm đến nhất thể, ta gọi là “sống”; quan tâm đến vạn thù ta gọi là “tâm thức”. Mà vạn thù thuộc về vật chất.

– Khi tâm thức biến hiện tức là có sự phân biệt nhất thể thành hai mặt, mà nhất thể thật ra là nền tảng của toàn thể cái thực tại.

– Ý tưởng “tâm thức” nhấn mạnh sự hiện hữu của một sự vật mà tâm thức ấy “biết” được. Phải có tối thiểu hai cá thể, nếu không, không có tâm thức. Tính chất nhị nguyên này tiềm ẩn sâu trong ý thức một cách hết sức trừu tượng. Tâm thức sẽ không hiện ra nếu mất đi ý tưởng về các hạn cuộc (*limites*) vì tâm thức tùy thuộc vào các hạn cuộc ấy. Tâm thức chính là cái biết về các giới hạn, nó chỉ phát hiện ra khi có đối tượng (*conscience d'autrui*) nơi ngoại vật. Khi có đối tượng thì lập tức đã có Ngã thức (*Soi – conscience*).

Tâm thức là hiện hữu theo nghĩa rộng nhất của nó. Mọi sở vật thực tại phát sinh từ tâm thức. Do đó, tất cả những gì được nghĩ đến thì hiện hữu. Khi tâm thức phát hiện trong một thời gian xác định – hoặc dài hoặc ngắn – hay trong một không gian giới hạn, đó là tâm thức hạn cuộc cá biệt (*la conscience individuelle*).

Đó là cái thức ở một sự vật thực tại; thức của một số cảnh giới, một cảnh giới hay một phần cảnh giới nào đó đã trở nên một vũ trụ của chủ thể.

Khái niệm tổng quát về tâm thức trên đây gọi ra cho chúng ta một nhận định tiên khởi về phạm trù “sinh vật người”. Sinh vật người đang sống không có nghĩa là nó đang nhận thức. Đang sống và đang hiện hữu trong bản thể, trong nền tảng của tất cả các hiện hữu chứ không phải đang có một chủ thể nhận thức về các hiện hữu khác.

Cho nên cái con người mà chúng ta đang nhìn biết lẫn nhau đây là cái Ngã thức, nó chỉ là một hạn cuộc của Ta đối ứng và nhận biết các đối tượng cũng chỉ là những hạn cuộc khác. Đó chính là nỗi ưu tư đau đớn của Erich Fromm về “cái con người đã chẻ ra thành một trí năng” của mình.

Còn những gì luôn luôn “thôi thức” như Suzuki than phiền – con người này đến đó, nó mất chủ động, bị vượt qua và bị gán ép một cách phũ phàng?

– Cái Ngã đâu? Các nhận thức của Ngã đâu mà không kiểm soát được những “thôi thức” nào đó để cho nó hoành hành nghiêng ngả con người? Thế thì mọi người đang sống trong vô thức hay sao?

– Vâng, chúng ta muốn viện dẫn ý thức, cái “ý thức đã được cả triết học và tâm lý học quan niệm như sự sinh hoạt của Ngã toàn triệt, luôn luôn nhìn thấu suốt mình là mình và tự chủ những hành vi của mình bằng lý trí sáng suốt, không bị chi phối bởi một sức mạnh nào từ ngoại tại hay mơ hồ cả... Nhưng với

một quan niệm ý thức như thế tuy rằng tâm lý học suy lý và thực nghiệm Tây phương đã bước những bước khổng lồ, lại không khỏi vấp ngã trước những hố thẳm trầm trọng và chạm trán với những khó khăn nan giải, những huyền bí khó dò thám”¹²

Cho nên để giải thích và giải quyết nỗi niềm “bị thôi thúc” nói trên, Freud đã khai sinh khoa Phân tâm học vào cuối thế kỷ 19.

Phân tâm học đã khám phá rằng, con người không những chỉ sống với ý thức mà còn bị chi phối bởi những động lực mà chính họ không ý thức được. Những động lực này thuộc về vô thức. Vậy nội dung của vô thức bao hàm những gì?

– Tất cả những kinh nghiệm đã xảy ra trong cuộc sống về trước, tất cả những kỷ niệm, những vết tích của những biến cố xảy ra trước, những tình cảm cảm nghiệm được sau những biến cố ấy nhân cơ hội của những biến cố ấy, tất cả những ước muốn chưa được thỏa mãn.

– Tất cả những kinh nghiệm, những kỷ niệm, những vết tích, những cảm tình và những ước muốn ấy đều bị trục xuất ra ngoài vòng đời sống ý thức vì nhiều lý do khác nhau, hoặc là vì một khi đã hoàn tất nhiệm vụ của chúng trong đời sống của cá nhân, chúng không còn cần thiết hay ích lợi gì nữa; hoặc là vì không thích hợp với những ước lệ của đời sống xã hội.

¹² Lê Tôn Nghiêm, Những vấn đề triết học hiện đại, 1971

– “Những tình cảm và những ước vọng bị “ức chế” hay bị “dồn ép” chớ không bao giờ bị tiêu diệt”¹³. Nghĩa là chúng trở nên vô thức nhưng vẫn còn khả năng phát sinh những ý tưởng và những hành vi kích động một cách không được chủ động tâm lý kiểm soát.

Như thế, nếu chúng ta gọi chủ thể có ý thức hữu thức là Ngã thì bên cạnh Ngã phải còn cái gì Phi Ngã và Siêu Ngã. Theo Freud, ba hệ thống ấy hợp thành toàn diện cơ cấu nhân cách.

– Phi Ngã (Id) là địa hạ thấp nhất, ở đây gồm toàn những ước vọng bị kích thích nhưng là những ước vọng vô tổ chức, có tính cách “hóa khai” thô sơ. Ta cảm nghiệm chúng như những kích thích sơ khởi xuất hiện từ trong chính tâm trạng của ta nhưng lại không phải cái gì của thực ta mà là cái tác động trên ta.

– Ngã (Ego) là căn nguồn phát sinh những sinh hoạt hữu thức, lý trí và tự vệ và thường được dùng như đồng nghĩa với “hữu thức” và do đó đối lập với “vô thức”.

– Siêu ngã (Super Ego) là những thành tố của nhân cách phần đông là vô thức, là sức mạnh nội – tâm lý phát sinh từ những cấm đoán và những lý tưởng, làm bất mãn những ước vọng, gây ra những ảo tưởng hình phạt, những cảm nghiệm tội lỗi.

¹³ Sách đã dẫn, tr. 39

Ba mặt của cơ cấu nhân cách này khiến cho chúng ta thấy một con người dù ở phương diện hữu thức của Ngã hay vô thức của Siêu Ngã và Phi Ngã, trong quá khứ hiện tại và tương lai, là một hình ảnh phóng đại từ xã hội. Vì dù cho có ý thức và có vẻ làm chủ như Ngã, cái Ngã thức vốn dĩ rất giới hạn và bị quy định bởi ngôn ngữ, luận lý và những cấm kỵ của xã hội. Cho nên một đảng, con người chịu những thôi thúc không kiểm soát được từ Phi Ngã và Siêu Ngã, đảng khác lại phải hành động không đúng với bản chất đích thực của mình.

Vậy thì con người phải tính sao đây? Con người còn có cái gì nguyên thủy là mình và làm sao để trở về với chính mình?

III. ĐI TÌM CĂN BỆNH ĐỂ ĐÓI TRỊ

Đến đây chúng ta có thể nhìn thấy một cách gọn gàng về con người là: con người = vô thức + ý thức. Do đó, để tìm ra đáp số “con người chính danh” hay con người nhân bản, chúng ta phải biết giá trị của ý thức và vô thức.

Theo như sự giải bày trên đây, ta thấy ý thức chẳng qua là những gì chúng ta góp nhặt được từ ngoài xã hội thị hiện theo những quy ước của xã hội ấy. Ý thức cũng là những gì từ vô thức biểu hiện ra được, lọt qua Siêu Ngã, qua cái màn lưới chặt chẽ, ức chế dồn ép những gì không phù hợp với nhận thức xã hội của Ngã.

Như vậy, “con bệnh thời đại” đang mang một lượt hai thứ bệnh, một bệnh mù quáng về thực tại và một bệnh tâm thần do sự dồn ép gây ra.

– Một người trung bình – theo Erich Fromm – trong khi nghĩ rằng mình thức tỉnh, thật ra lại ngái ngủ, dùng chữ “ngái ngủ” là muốn nói rằng hấn tiếp xúc với thực tại hết sức cục bộ. Hầu hết những gì hấn cho là thực tại (trong hay ngoài hấn) là một bộ những tưởng tượng mà tâm thức hấn tạo ra... Hấn ý thức được thực tại tới cái mức mà sự ý thức ấy cần thiết cho mục tiêu tồn tại.

– Ngoài ra con người của thế kỷ còn mang theo những bệnh tâm thần do những dồn ép trong vô thức gây ra. Tâm phân học nhằm giải quyết những dồn ép này bằng cách làm hữu thức hóa những dồn ép vô thức đó. Nhà tâm phân học thấy rằng khi con bệnh được giải thích và chứng minh cội rễ của sự dồn ép để có ý thức về nó thì bệnh trạng sẽ khỏi.

Nhưng nếu vô thức chỉ bao gồm những xung lực của dục vọng bị dồn ép, những kinh nghiệm tiềm tàng thì dầu cho giải tỏa được những dồn ép ấy bất quá phong phú hóa thêm cái nhãn quan sai lệch của ý thức mà thôi. Con người vẫn chưa có thể sống đúng với thực tại. Bởi vì, chính nó, lúc ấy hoàn toàn là một con người giả. Nó không “là” gì cả, nó chỉ “có” cái bộ mặt do xã hội tô điểm thành. Con người này, ta có thể nói theo bà Annie Besant là con người mà sự sống đã đi ra ngoài thành nhận thức, nghĩa là bị đồng hóa thành vạn thù. Con người đã bị bỏ mất cái nền tảng nhất thể của nó.

Vậy thì khi tâm thức quay vào trong, rời bỏ ý thức xã hội tản mạn, đi vào vô thức cũng là nhập vào “sự sống” thật, thì vô thức phải bao hàm cái nhất thể uyên nguyên của con người. Cho nên Erich Fromm lại mạnh dạn xác quyết rằng:

– “Vô thức là toàn thể con người – trừ cái thành phần con người tương ứng với xã hội của hắn. Ý thức tiêu biểu con người xã hội, những giới hạn ngẫu nhiên đặt bởi hoàn cảnh lịch sử mà một cá nhân bị ném vào. Vô thức tiêu biểu con người phổ quát. Toàn thể con người bắt rễ trong Vũ Trụ, nó tiêu biểu cái cây trong hắn, con thú trong hắn, cái tinh thần trong hắn; nó tiêu biểu tương lai của hắn cho tới ngày con người sẽ trở thành viên mãn, và khi thiên nhiên sẽ được nhân hóa cũng như con người sẽ được “thiên nhiên” hóa.”¹⁴

Cho nên để thực hiện “con người nhân bản” không thể chỉ hữu thức hóa các nguyên nhân dồn ép vô thức mà phải: “làm cái vô thức hữu thức chuyển hóa cái ý niệm thuần túy về phổ quát tính của con người thành sự thể nghiệm sống động cái phổ quát tính này; nó là sự thực hiện chứng nghiệm nhân bản”¹⁵.

Câu nói có vẻ khúc chiết, thực ra hàm ý một sự “thể nghiệm tâm linh” nghĩa là chúng ta quay lại thực hiện sự hiện hữu đích thực của con người chính danh trong cuộc sống.

Vậy, sau khi nhận định về cuộc khủng hoảng của nhân loại thời đại và tìm ra nguyên lai khủng hoảng ấy là sự xa rời nhân bản của tâm thức con người, chúng ta hãy đặt vấn đề trước các tôn giáo xưa nay vốn dĩ tuyên xưng cứu rỗi nhân sinh, đã nhận định về con người như thế nào và giải quyết thế nào căn bệnh thời đại của nhân loại.

¹⁴ Std tr. 203

¹⁵ Std tr. 204

Căn bệnh thời đại, như chúng ta đã nêu ở trên, tập trung ở hai bệnh cảnh. Một là sự sống ý lại và lệ thuộc trí năng, hai là biến chứng vong thân.

Trí năng theo Phật học là Nhận thức. Nhận thức là khả năng phân biệt của chủ thể về một đối tượng. Mà theo Duy thức học, chủ thể hay đối tượng này đều là sự chuyển hiện của Thức mà thôi, nghĩa là chủ thể không phải thật là chủ nhơn ông và đối tượng cũng không phải thật là thực tại. Bài kệ thứ 17 trong Duy Thức Tam Thập Tụng của Thế Thân có viết:

– “Sự chuyển hiện của Thức gồm trong hai phần, Chủ thể phân biệt và đối tượng phân biệt. Vì vậy nó (những chuyển hiện ấy) tự thân vốn không thực có. Chúng chỉ là Duy thức”¹⁶

Do đó, Thức (Vijñāna) là nền tảng của mọi phát hiện, là nền tảng bản thể cho cả chủ thể và đối tượng. Vậy chủ thể là Kiến phần, đối tượng là tướng phần, thì Thức là tự thể phần. Nói rằng Kiến phần và tướng phần vốn không thực có, không có nghĩa là cả đối tượng nhận thức và chủ thể nhận thức đều là ảo tưởng, là hoàn toàn không thực. Nó chỉ có nghĩa là chúng không hiện hữu theo cách đó, theo cách mà thế gian thường cho là hiện hữu.¹⁷

Cho nên muốn thực nhận thực tại, ta phải quán ba tự tính của sự vật và của nhận thức.

1. Tự tính thứ nhất là: “biên kế sở chấp”.

¹⁶ Dẫn theo Nhất Hạnh, Vấn đề Nhận thức trong Duy Thức Học, tr. 89

¹⁷ Theo Nhất Hạnh – Duy Thức Học

Vạn pháp không hiện hữu theo cách thức chúng ta khái niệm chúng, thế giới khái niệm không phải là thế giới thực tại, đó là ý nghĩa là danh từ biến kế sở chấp. Biến kế sở chấp là cái nhìn méo mó dưới lăng kính phân biệt vọng tưởng. Đặc tính của thức là biến kế chấp.¹⁸

Vì vậy cái bịnh trí năng của thời đại chính là sở tri chướng. Chính là biến kế chấp cái sở tri, cho nó là chơn lý nên nó trở nên chướng ngại cho chính tri thức.

2. Tự tính thứ hai của vạn hữu là: “y tha khởi”.

“Y tha khởi là do những cái khác mà phát sinh và hiện hữu”. Quán thấy tính y tha khởi của sự vật thì ta sẽ không biến kế hiện tượng và độc lập thành ngã hay cố định thành pháp.

Tự tính y tha khởi cho thấy vạn hữu vô ngã và vô thường, nghĩa là hiện tượng tương sinh tương liên với nhau không ngừng mà hiện bày, còn thực tại là một vòng lưu chuyển. Ta không thể quán sát những hiện tượng tách rời mà chúng được thực tại. Chân tính của thực tại là tự tính thứ ba của vạn hữu: tự tính viên thành thực. Không thể thấy tự tính viên thành thực nếu không thấy tự tính y tha khởi.

¹⁸ Theo Nhất Hạnh – Duy Thức Học

Từ những yếu lý này của Duy Thức Học, quay lại số phận con người đứng trước khoa học hiện đại, ta thấy con người chưa khám phá được chân tướng của mình. Bản chất của khoa học là luôn luôn cố giữ khách quan, bao giờ nó cũng đặt đối tượng xa rời mình để mô tả. Cho nên con người cũng được quan sát, được phân tích, được nghiên cứu từng khía cạnh nổi bật dưới trí năng cảm quan. Sau đó con người được nhận thức như một tổng hợp của các ý niệm trừu tượng chứ không phải chính đối tượng là con người đang sống.

Cho nên con người của khoa học hiện đại không bao giờ tìm thấy chân ngã. Trong bài giảng thuyết về Thiền, Đại sư D. T. Suzuki¹⁹:

– “Tri thức khoa học về cái ngã không phải là chân tri khi nào nó còn khách thể hóa cái Ngã. Chiều hướng nghiên cứu của khoa học phải được xoay ngược, và cái Ngã phải được nắm từ bên trong chứ không phải từ bên ngoài. Như thế có nghĩa là cái Ngã phải tự tri mà không ra khỏi chính mình.”

Có lần một ông tăng hỏi Sư Triệu Châu Tùng Phàm (778 – 897):

– Cái Ngã của tôi là gì?

Triệu Châu đáp:

– Chú đã ăn cháo buổi sáng chưa?

– Thưa đã.

¹⁹ Thiền và Tâm Phân Học, tr. 60

Triệu Châu mới bảo ông ta:

– Nếu vậy đi rửa bát đi!

Trong một Thiền viện, những giờ ăn ngủ hẩn Thiền sư đã biết, người đồ đệ đã ăn sáng và có thể ăn sáng ngay trước mặt ông, ông đã quá rõ. Thế mà ông lại hỏi người học trò câu hỏi trên tức là “Có phải chính chú đã ăn cháo buổi sáng phải không?” Và nếu đúng thế, đúng cái con người người thật của chú ăn sáng thì cũng hãy để cho hẩn đi rửa bát! Vậy là Thiền sư đã chỉ đích cái Ngã của người học trò. Cái Ngã ấy không phải là hành động ăn, hành động rửa bát, nhưng trong cái ăn, trong cái rửa, Ngã có thấm nhập vào thì mới thật là hành động bình thường của Ta.

Do đó nhược điểm của nhận thức phân biệt hay trí năng phân biệt, như Kinh Dịch có nói là:

– “Sung sung vãng lai, bằng tòng nhĩ tư”: Vợ vẫn đi lại, lẫn lẩn với cái ý nghĩ riêng của mình (Hạ Kinh Dịch, Hàm). Khi mình vợ vẫn với cái ý nghĩ riêng về cái gì thì chỉ cảm được cái ấy và chỉ có cái ấy ứng lại mà thôi, chứ không cảm ứng được với những cái khác nữa. Thành thử sự cảm ứng không khuếch nhiên thái công, không khắp cả vạn sự trong thế gian.²⁰

²⁰ Nho Giáo, Trần Trọng Kim, quyển Thượng, tr. 37

Cho nên ta chỉ trích trí năng ở bản chất “phân biệt” của nó. Trong trường nhân sinh nó tạo ra bản ngã phân biệt với tha nhân. Sự nhận thức của nó có tính cách quy kỷ, có lý luận phù hợp cho cá thể mà không thể có một nhịp cầu làm nhất quán làm nhất quán được toàn thể bởi vì nó chưa thấu đáo đến Chân Tri. Tri thức của con người ở mức độ này, như Erich Fromm đã nói: “chỉ tri thức được thực tại tới cái mức mà sự ý thức ấy cần thiết cho mục tiêu tồn tại”. Và lúc ấy:

– “Tôi là một người lạ với chính mình, và đến cùng một mức độ đó,

tất cả mọi người lạ khác đều là người lạ đối với tôi. Tôi bị cắt lia khỏi cái phạm vi bao la của cái kinh nghiệm thuộc về con người, và chỉ còn một manh mún của con người, một kẻ tàn tật chỉ thể nghiệm được một phần nhỏ của những gì thực trong hấn và những gì thực trong kẻ khác”²¹

Vì vậy, cái học của thời đại này còn thiếu một cái gì đó, giống như cái học của đám học trò Tử Hạ bị Tử Du phê bình rằng:

– “Học trò Tử Hạ rửa quét giỏi, ứng đáp nhanh, tới lui lẹ, chỉ làm được như vậy thôi. Đó là những việc học nhỏ nhít phụ thuộc. Còn những việc học lớn lao, chính gốc thì chẳng thấy dạy. Dạy học như thế thì sao nên?”²²

²¹ Erich Fromm, Thiên và Phân Tâm Học, tr. 207

²² Luận Ngữ, Tử Thượng, tiết 12 – Dẫn theo Chân Dung Không Tử, Bác sĩ Nguyễn Văn Thọ, tr. 161

Cái chính gốc ấy là gì? Chính là Đạo Nhân trong Nho Giáo. Đức Nhân ở người giống như Đức Sinh của Trời. Đức lớn của Trời là sự sinh, tức là sự vận hành Trời Đất một cách thái hòa qua bốn động lực Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh. Còn con người có Nhân thì “những điều Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí mới có tinh thần, vì những điều ấy chủ ở sự gây thành cái sinh hóa (hú) của nhân loại. Nếu người ta sống ở đời mà chỉ tùy tùng cái vật dục, để nó sai khiến, rồi chỉ cầu lấy tư tâm tư trí mà bày việc ra để làm nhiễu loạn nhân tâm, thì thật là làm hại cái sinh cơ của Tạo Hóa. Vậy nên cái tông chỉ của Khổng Giáo là theo Thiên Lý mà bồi bổ cho sự sinh của Trời Đất. Sự bồi bổ đó gốc ở đạo Nhân là cái cơ sở giáo hóa của Khổng Giáo”²³. Nên Đức Khổng nói rằng:

– “Quân tử thể nhân tác dĩ trưởng nhân” (quân tử lấy nhân làm thể là đủ làm trưởng thành cho người).

Vậy, muốn được Đạo Nhân, người ta phải tu tập sao cho đạt được cái Trí mẫn tiệp vượt lên trên tư tâm, tư trí tức là Minh Đức hay Lương Tri của Đạo Nho chứ không phải thứ Trí Năng phân biệt thông thường. Thông suốt được Thiên Hạ, hòa hợp được nhân sinh không thể do tính toán suy tư hay hành vi đối đãi mà nhờ năng lực trực giác mẫn nhuệ của tâm thanh tịnh. Nên Dịch, Hệ Từ Thượng viết:

– “Vô tư giả, vô vi giả, tịch nhiên bất động, cảm nhi toại không thiên hạ chi cố” (Không nghĩ, không làm, im lặng không động, đến lúc cảm thì suốt được mọi cơ trong thiên hạ)

²³ Nho Giáo, Trần Trọng Kim, quyển Thượng, tr. 43

“Cảm” đây không phải là dụng của giác quan thường mà chỉ là sự “thông linh” của Chân Ngã khiến cho một người như muôn người, muôn người như một người. Giá mà nhân loại được “nhân” để “cảm” thì đâu có khủng hoảng ngày nay.

“Nhân” là sinh cơ, cảm là “linh tri”. Sinh cơ và Linh tri ấy là thể dụng của Chân Ngã khiến cho con người cảm thấy mình sống một cách trọn vẹn, an nhiên thoải mái, không có gì mâu thuẫn bức rức bên trong. Linh tri là sức cảm ứng của con người với tập thể nhân sinh và cảm nhận mình và vạn vật hòa hợp thấm thiết trong tình tạo hóa thiên nhiên.

Vì mất Nhân, con người trở nên một hiện thực của Ngã Thức, nên mắc phải căn bệnh thời đại mà Richard de Martins diễn tả như sau:

– Trong con người, lập tức khi nào có ngã thức khi ấy có bản ngã, và lập tức khi có bản ngã nó đã là khách thể cũng như chủ thể... Xác nhận chính mình cũng gây ra sự lưỡng phân chính mình... Một chủ thể linh lợi, hoạt động với tự do và trách nhiệm, nó đồng thời cũng là cái khách thể thụ động, sẵn có, được chỉ định, được quy định và vô trách nhiệm.

Đó là duyên phận đầu tiên của con người trong đời người, một duyên phận có lẽ đặc tính của nó là chủ thể tính ngẫu nhiên hay bị ước định.

– “Cũng như với sự tự nhận thức, cũng vậy với sự nhận thức và có thể giới của nó, chính cái sự có là không có... (Như thế) bản ngã bị phân hóa bởi một kẻ hở đôi, rạn nứt bên trong cũng như bên ngoài. Không bao giờ là chủ thể thuần túy trong chủ thể tính của nó, không bao giờ tự do tuyệt đối trong tự do của nó, nó không là nền tảng hay căn nguồn của chính nó hay thế giới của nó, nó có cả hai cái ấy, nhưng chẳng bao giờ có cái nào một cách trọn vẹn. Đó là cái khổ cảnh của bản ngã trong ngã thức. Đó là cái khốn nạn của con người trong kiếp người”²⁴

Hay diễn tả một cách khác như Đức Vạn Hạnh Thiền Sư:

“Mầm nhơn ngã nảy chồi nhân quả,
Chồi quả nhân, phong tỏa thiện căn;
Nổi trôi hạt cát sông Hằng,
Vạn sinh dồn dập dưới làn sóng xao.
Dem cái ngã buộc vào nhân thế,
Tình thanh cao bỗng (bỗng) dễ trầm luân;
Cái quây búng tít không ngừng,
Cuối đời hoạn lộ khách dừng nơi đâu.”²⁵

Như thế bản ngã tạo thành nhân tâm lý tán khiến cho đời người mờ mịt không định hướng và cuộc nhân sinh xao động không ngừng. Để đối trị thảm trạng này Đạo Lão dạy rằng:

²⁴ Richard de Martins, *Thiền và Phân Tâm Học*, tr. 268 – 272

²⁵ *Đạo Học Chi Nam*, tiết III

– “Dĩ bách tâm vi tâm, thiện giả ngô thiên chi, bất thiện giả ngô diệc thiện chi, đắc thiện hỉ. Tín giả ngô tín chi, bất tín giả, ngô diệc tín chi, đắc tín hỉ. Thánh nhơn tại thiên hạ, hấp hấp vi thiên hạ hồn kỳ tâm.”²⁶

(Lấy lòng của trăm họ làm lòng mình, với kẻ lành thì lấy lành mà ở, với kẻ chẳng lành cũng lấy lành mà mở, nên được lành vậy. Với kẻ thành tín thì lấy thành tín mà ở, với kẻ không thành tín thì lấy thành tín mà ở, nên được thành tín vậy. Thánh nhơn lo cho thiên hạ, mà không để lộ lòng ra (là thiên vị ai).)

Như thế, con người mình triết giữ vững một tâm “chí thiện”, “chí tín” đối đãi mọi người thì hết thảy mọi người sẽ trở nên “thiện tín” cùng với mình vậy. Trang Tử cũng chủ trương vượt lên cái tâm phân biệt để hiểu biết sự vật:

– “Thị dĩ Thánh nhơn bất do nhi chiếu chi vu thiên, diệc nhân thị dã”²⁷

(Thánh nhơn không căn cứ vào phải quấy mà căn cứ vào khiêu hiệu biết tự nhiên của mình để hiểu mọi vật – Dẫn theo ban Lão Giáo)

Được như thế, chẳng những người không còn chia cách với người mà còn hòa đồng cùng vạn vật và trời đất nữa. Nên trong Tề Vật Luận, Nam Quách Tử Kỳ bảo với Nam Thành Tử Du với một giọng siêu thoát rằng:

– “Kim giả ngô táng ngã. Nhữ tri chi hồ? Nhữ văn nhơn lại nhi vị văn địa lại, nhữ văn địa lại, nhi vị văn Thiên lại phù?”

²⁶ Đạo Đức Kinh, chương 49

²⁷ Trang Tử, Tề Vật Luận

(Ta nay đã mất bản ngã rồi, người có biết chăng? Người chỉ nghe tiếng sáo của người mà không nghe tiếng sáo của đất, người chỉ nghe tiếng sáo của đất mà không nghe tiếng sáo của Trời.)

Đến đây chúng ta đã lướt qua con đường về nhân bản. Trên con đường ấy, những chướng ngại là tri thức phân biệt, là bản ngã, đưa đến hậu quả con người mù quáng vong thân, thì Phật giáo đã quán chiếu tự tính y tha khởi của sự vật để phá trừ sở tri chướng và đạt tự tính viên thành thực. Còn Nho giáo dùng đức Nhân vượt qua tư tâm tư trí đã thông suốt muôn vật và tạo sinh cơ hài hòa cho muôn người. Lão Trang giữ tâm chuyên nhất mà uyển chuyển với mọi người, bỏ quên bản ngã giữ lòng tự nhiên mà huyền đồng cùng vạn hữu.

Như vậy chúng ta chỉ mới có một khái niệm và quan điểm của các tôn giáo đối với gốc rễ của căn bệnh thời đại. Bây giờ chúng ta phải đặt vấn đề thiết thực với các tôn giáo. Các tôn giáo giúp được gì cho chúng ta để chúng ta sống có nhân bản, có tiên bộ phù hợp với văn minh thế giới mà vẫn duy trì được những bước vượt lên cứu cánh siêu việt của đời sống tâm linh. Đó là vấn đề hiện sinh.

Mỗi khi chúng ta được sinh ra, cuống rún vừa được cắt rời, là bắt đầu đi vào cuộc sống tự lực, tự do. Nhưng sống là thế nào? Có phải là tiến trình trưởng thành và biến dưỡng của một hệ thống tế bào? Đúng thế, nhưng sống còn có nghĩa là một cuộc ra đời trọn vẹn của con người làm chủ hệ thống đó.

Đó mới là ý nghĩa hiện sinh của con người. Có người đã trưởng thành nhưng thật sự chưa ra đời, “chưa cắt lìa hoàn toàn khỏi cuống rún, họ vẫn bám vào mẹ, vào cha, gia đình, chủng tộc, quốc gia, điều lệ, tiền tài, thần linh... Họ không bao giờ lộ diện trọn vẹn như chính mình và do đó họ không bao giờ trở nên được ra đời một cách trọn vẹn.²⁸

Cho nên giữa nhân sinh có mấy ai đang thật sự “hiện sinh”, thậm chí có người chưa “sống” thì đã chết, hay chưa chết mà chưa “sống”. Ôi, “vi nhơn nan đắc” thế mà được làm người rồi mà sao chẳng sống được đúng như ta phải sống, sao ta không hiện hữu đúng được chính con người của ta. Ta làm sao được **“chính hữu”**.

Erich Fromm có một khái niệm khúc chiết về chính hữu như sau:

– “Chính hữu là trạng thái đã đạt tẩn đến sự phát triển viên mãn của lý tính: lý tính không trong ý nghĩa của một phán đoán trí thức không thôi, mà trong ý nghĩa của sự nắm giữ chân lý bằng cách “để sự vật là” (dùng thuật ngữ của Heidegger) như chúng là. Chính hữu có nghĩa là liên hệ tình cảm trọn vẹn với con người và thiên nhiên, vượt qua cách biệt và vong thân, đạt đến kinh nghiệm hợp nhất với tất cả những gì hiện hữu... Cuối cùng chính hữu có nghĩa là bỏ cái bản ngã của mình, từ bỏ lòng tham, ngừng đeo đuổi sự duy trì và phóng đại Bản Ngã, và là thể nghiệm cái ngã của mình trong cái tác động “là” chứ không phải “có”, duy trì, tham muốn, sử dụng.”

²⁸ Sđd, Erich Fromm, tr. 168

Quả thật Erich Fromm đã nêu lên đúng ưu tư và khát vọng của con người hiện đại. Vậy các tôn giáo hiện đại đáp ứng lại thế nào?

IV. CÁC TÔN GIÁO VÀ CON NGƯỜI HIỆN ĐẠI

1. Đối với Ky Tô Giáo, “Con người Ky Tô” sống ra sao?

Ban nghiên cứu Ky Tô Giáo có viết:

– “Con người Ky Tô đang tiến về sự thánh mình, và hiện còn đang tự chinh phục để tiến về đó”. Câu nói rất quan trọng, xác định ý nghĩa cuộc sống hiện tại của người Ky Tô Hữu là một cuộc hoàn thiên liên tục con người mình bằng môi trường thế gian, nghĩa là hành động tại thế gian. Và đang sống là đang có sứ mạng tích cực cho mục tiêu thành người. Còn “Thiên đàng là cuối đường lịch sử, chứ không phải là bây giờ bên người Ky Tô chưa được yên nghỉ” (Ban Ky Tô)

Đã đành: “Thiên Chúa chỉ khao khát các linh hồn”, nhưng cần nên nhớ rằng, như Pierre Teilhard de Chardin đã nói:

– “Nơi mỗi linh hồn, Thiên Chúa yêu thương và cứu độ một phần nào toàn thể vũ trụ, cái vũ trụ đã được linh hồn thu nhỏ lại, cái tổng hợp này, được ban cho chúng ta, không phải là một cái gì đã xong xuôi, đã hoàn tất, khi chúng ta bắt đầu có ý thức. Nhưng nhờ hoạt động, chính chúng ta phải là người góp nhặt cần mẫn những yếu tố đã bị vung vãi khắp đó đây. Loài rong tảo thu hút những dưỡng chất vô cùng tế vi lan tràn trong các tầng lớp bao la của đại dương, loài ong cần cù xây dựng các bọng mật bằng cách thu hút các chất mật nơi ngàn vạn bông hoa, việc làm của hai loài trên đây chỉ là hình ảnh yếu ớt về sự

ché biến liên lý mà tất cả những sức mạnh của hoàn vũ phải kinh qua nơi chúng ta để làm nên tinh thần.”

– “Như thế, mỗi người, trong suốt cuộc đời hiện thế của mình, không phải chỉ cần tỏ ra mình biết vâng phục và dễ bảo là đủ. Nhờ lòng trung tín, mỗi người phải xây dựng, bắt đầu từ lãnh vực tự nhiên nhất, một sự nghiệp mà trong đó có sự góp nhặt của một cái gì thuộc về toàn thể những yếu tố của Trái Đất. Mỗi người phải tự tạo lấy chính linh hồn mình dọc theo những năm tháng ở trần gian...”

Thực vậy, đối với một thụ tạo, nên Thánh là gì nếu không phải là bám vào Thiên Chúa hết lòng hết sức? Và bám vào Thiên Chúa hết lòng hết sức là gì, nếu không phải là chu toàn trong vũ trụ đã được tổ chức chung quanh Đức Ky Tô, cái phân vụ rõ ràng, dù là tầm thường hay cao trọng, đã được dành riêng cho mỗi thụ tạo tùy theo sứ mệnh tự nhiên của mình.²⁹

Đó là con đường hiện sinh của người Ky Tô đã khám phá được mặc khải của Thiên Chúa trong mọi tạo vật, trong mọi bồn phận, cho nên người Ky Tô hiện sinh hoạt động và sáng tạo không ngừng, không dừng lại để chiếm hữu để hưởng thụ cũng chính là đang dứt bỏ chính mình. Nơi họ, cuộc sống không phải là một cản trở trên đường về với Chúa, họ không còn rụt rè làm việc lầy có, trái lại trong khi mãi miết hoạt động với chí hướng cao thượng dù là có tính cách tôn giáo hay không, nếu họ thành toàn được cái gì cho chính họ “không phải là họ tìm kiếm chính mình, nhưng là tìm kiếm một cái gì vĩ đại hơn họ mà họ tự biết

²⁹ Cảnh Vực Thần Linh – Le milieu divin, Pierre T. de Chardin, Trịnh Hùng – Triệu Bá dịch, tr. 50, 51, 60

là phải quy về. Thực ra, Ky Tô Hữu (lúc ấy) tự cho mình là không đáng kể nữa. Họ không còn hiện hữu nữa, họ tự quên mình và đắm mình trong chính cái nỗ lực làm cho họ hoàn thiện. Đây không còn phải là một nguyên tử sống cô lập nhưng chính là Hoàn Vũ sống trong họ”.³⁰

Tóm lại người Ky Tô hiện sinh bằng cách đem kết tinh thần, nỗ lực phục vụ nhân thế để kết tụ tinh hoa thế gian làm đà tiến thành toàn con Thiên Chúa.

2. Đó là tiến trình Sinh Thành của đời người mà ở Đông Phương Nho giáo cũng chủ trương thực hành một cách trọn vẹn. Có thể nói giai đoạn Sinh là giai đoạn tu thân tế thế an bang của người quân tử, còn giai đoạn Thành là giai đoạn toàn thiện siêu xuất quần sinh của bậc Thánh nhân.

Như thế giai đoạn Sinh là cuộc hiện sinh của con người nhập thế. Người quân tử là người đã hiện sinh đúng mức trong giai đoạn này vậy. Quãng đường hiện sinh này có thể nhìn một cách tổng quát qua bài thơ vịnh các số Sinh Thành trong Hà Đồ của học giả Nguyễn Văn Thọ như sau:

“Có Sinh nhưng cũng có Thành,
Không tu hồ dễ Trời dành phẩm Tiên.
Mới sinh như gốm chưa men,
Như vàng chưa luyện như duyên chưa thành.”

Cuộc sống hiện sinh của người quân tử bao gồm những đặc tính sau đây:

³⁰ Sđd, tr. 69

A. Học hỏi tới nơi tới chốn và suy tư gắn bó với sự học sự hành đến kỳ cùng.

Sách Trung Dung có viết:

– “Học cho rộng, hỏi cho kỹ, nghĩ cho cẩn thận, phân biện cho sáng tỏ, làm cho hết sức. Có điều không học, nhưng đã học điều gì không hay không thôi. Có điều không hỏi, nhưng đã hỏi điều gì mà không được không thôi. Có điều không phân biện, nhưng đã phân biện điều gì không minh bạch, không thôi. Có điều không làm, nhưng đã làm điều gì không hết sức không thôi. Người ta dụng công một, ta dụng công một không được thì phải cố gắng gấp trăm; người ta dụng công mười, ta dụng công mười mà không được thì phải cố gắng gấp nghìn, để đến kỳ được mới thôi. Nếu quả theo được Đạo ấy, thì ngu cũng thành sáng, yếu đuối rồi cũng thành ra khỏe mạnh.” (Nho Giáo, Trần Trọng Kim, quyển Hạ, 1971, tr. 85)

Có thể tóm tắt đặc tính này bằng câu Tượng Truyện quẻ Kiền “Thiên hành kiện, quân tử dĩ tị cường bất tức”.

(Người quân tử phải cố gắng không ngừng, y như Trời hoạt động không ngừng).

B. Người quân tử đem lại trật tự đẹp đẽ, lợi ích gần xa và hiệp hòa trên dưới.

– “Người quân tử phải luôn luôn tiến đức tu nghiệp, cố gắng làm sao vươn lên đến một đời sống lý tưởng, quy tụ vào nơi mình mọi vẻ đẹp, rồi ra làm cho mọi người cũng được tiến hóa cũng được hoan lạc, sung sướng và cũng thực hiện được lý tưởng hoàn thiện như mình.”

(Bác sĩ Nguyễn Văn Thọ, Bình Giảng Văn Ngôn quẻ Kiền: “Quân tử thể nhân, tác dĩ trường nhân, gia hội túc dĩ hợp lễ, lợi vật túc dĩ hòa nghĩa, trinh cố túc dĩ cán sự”).

C. Đạo đức của người quân tử.

– “Ở thì ở vào chỗ quảng đại của thiên hạ, đứng thì đứng vào địa vị chánh đáng của thiên hạ, đi thì đi trên con đường lớn của thiên hạ, đắc chí thì cùng với nhân dân noi theo (Đạo Nghĩa), không đắc chí thì một mình thực hành Đạo Nghĩa. Giàu sang không làm xiêu lòng, nghèo nàn không thay đổi lòng, vũ lực không khắc phục được chí lớn. Như thế mới là trượng phu.”

(Cư thiên hạ chi quảng cư, lập thiên hạ chi chính vị, hành thiên hạ chi đại đạo. Đắc chí dữ dân do chi, bất đắc chí độc hành kỳ đạo, phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, oai vũ bất năng khuất, thử chi vị Đại Trượng phu. – Mạnh Tử, Đằng Văn Công, chương Cú Hạ, câu 2).

Qua ba đặc tính trên chúng ta có thể tóm tắt rằng: Nho giáo chủ trương con người phải sống trọn vẹn giá trị làm người của mình, phải hiện sinh bằng các Đức Nhân, Trí Dũng mà sách Trung Dung đã dạy:

– Mở mang trí tuệ để đi đến chỗ đại trí, đại giác, đó là Trí.

– Luôn luôn thực hiện những điều hay, để trở nên hoàn thiện, đó là Nhân.

– Cố gắng không ngừng để đi đến chỗ tinh vi cao đại, đó là Dũng.³¹

Với Nhân – Trí – Dũng, Nho gia sẽ sống hoàn toàn trong nhân bản, “thể nhân” được mà cũng xây dựng được một xã hội trật tự hạnh phúc tiến hóa “trường nhân” được.

3. Như vậy đối với Bà La Môn giáo, trong khi nhập thế bằng hành động làm sao thực hiện được cứu cánh giải thoát con người để cho tiểu ngã Atman thể nhập vào Đại Ngã Brahman? Con người Bà La Môn, một Yogin, có thể sống với xã hội loài người hay chỉ trở nên một thể xác khô cứng buông thả tâm hồn về nơi siêu vi huyền ảo nào?

Không, chúng ta sẽ an tâm khi nghe một Thánh sư Ấn Độ, Đức Rama Krishna nói rằng:

– “Đã may sinh ra làm người mà không thực hiện được Thượng Đế ngay trong kiếp này thì đời người quả là vô ích.”

Mà thực hiện Thượng Đế tức là thực hiện Thiên trách, thực hiện “Dharma”. Dharma là “cái nguyên lý căn bản chi phối đời sống của toàn thể vũ trụ, vừa biểu thị tất cả những động tác tinh thần và vật chất phù hợp với cái nguyên lý hay Thiên Tính ấy”.³²

³¹ Tài liệu Học Giả Nguyễn Văn Thọ

³² Nhập Môn Triết Học Ấn Độ, Lê Xuân Khoa, tr. 189

Cho nên Kinh Bhagavad Gita đã chọn bãi chiến trường là nơi người ta phải quyết định dứt khoát và mạnh mẽ về các hành động của mình, để dạy cho con người những bài học thâm thúy về Thiên trách.

Thiên trách trước hết là duy trì trật tự thế gian. Trong B. Gita, Krishna đã dạy chiến sĩ Arjuna:

– “Kẻ mê muội vì hành động vì ràng buộc với việc làm, bậc minh trí cũng hành động nhưng không mảy may bị ràng buộc, chỉ cốt để duy trì trật tự thế gian.”³³

Do đó triết lý sống của người Bà La Môn là mỗi người chân thành với bổn phận của mình và vô cầu về kết quả của nó. Mỗi bổn phận là một động tác điều hành của Dharma, dù ở địa vị nào, một đạo sĩ, một chiến sĩ hay một kẻ phục dịch tầm thường làm tròn bổn phận là làm tròn Thiên trách. Krishna nói:

– “Hãy coi vui thú và đau khổ, giàu sang và nghèo khó, thắng lợi hay thất bại là những sự việc như nhau. Hãy sẵn sàng chiến đấu, như thế người sẽ không bị nhiễm tội lỗi.”³⁴

– “Là một chiến sĩ bổn phận của người là chiến đấu. Không có gì cao cả cho bằng chiến đấu vì bổn phận. Trốn tránh bổn phận là tội lỗi và ô danh. Ô danh còn tệ hơn là chết. Hãy sẵn sàng chiến đấu, không đếm xỉa gì tới vui buồn, được thua, sống chết. Arjuna! Hãy đứng lên và thi hành nhiệm vụ.”³⁵

³³ Theo Lê Xuân Khoa, B. Gita III, tr. 25

³⁴ Theo Lê Xuân Khoa, B. Gita II, tr. 38

³⁵ Theo Lê Xuân Khoa, B. Gita II, tr. 38

Như thế Bà La Môn quan niệm giá trị của con người là sự làm tròn bổn phận, sự hy sinh. Nhưng giá trị của bổn phận và của hy sinh ấy chỉ có nơi một người giải thoát. Hành động cho “trật tự thế gian” tức là cho Dharma chứ không vì tư dục cũng không vì thương hại ai.

– “Người chỉ nên nghĩ đến hành động chứ không bao giờ nghĩ đến kết quả của hành động; Đừng để cho những kết quả của hành động lôi cuốn người mà cũng đừng quyến luyến với thái độ bất động. Hãy kiên trì làm công việc của người thần nhiên trước mọi sự thành công hay thất bại.”³⁶

Tóm lại, người Bà La Môn sống giải thoát trong bổn phận theo Thiên trách Dharma. Người Ky Tô Giáo sống mà dứt bỏ mình trong nỗ lực hành động cho mọi sự vật được nên Thánh. Người quân tử Nho gia sống để hoàn thiện mình cho tỏ cái “Minh Đức” và muôn người được thỏa sống nhờ phép “Tân Dân”. Cả ba tôn giáo đều nhằm khai thác triệt để sức sống con người để phát huy đúng mức giá trị làm người vượt lên khỏi phạm trù “sinh vật” lấy đà trong phạm trù “nhân sinh” để tiến tới hòa hợp với “Vô Biên” không còn có gì quy phạm nữa.

4. Cho nên, nếu Phật giáo vốn đã “diệt khổ”, “diệt ngã”, “thành Phật”, thì cũng phải bắt đầu bằng con người và còn có thể nói kết thúc trong con người. Chúng sanh là Phật chưa giác ngộ, Phật là người đã giác ngộ. Vậy thì Phật không phủ nhận nhân sinh không xa lánh con người, mà Phật pháp chỉ nhằm giác mê,

³⁶ Theo Lê Xuân Khoa, B. Gita XVIII, tr. 11

khả ngộ còn cuộc sống của chúng sanh là lẽ đương nhiên sanh hóa trong lòng Đức Đại Từ Bi. Do đó con người chỉ còn vấn đề chọn cách sống của kẻ giác ngộ thôi. Thiền tông thể nghiệm một cách tích cực cuộc hiện sinh của con người ngộ. Thiền sư Suzuki viết:

– “Thiền tự yếu tính là một nghệ thuật nhìn vào bản tính của hiện hữu mình và nó chỉ con đường từ hệ lụy đến tự do. Ta có thể nói rằng Thiền giải phóng tất cả những tinh lực cố hữu và tự nhiên tàng trữ trong mỗi chúng ta, mà trong những hoàn cảnh, thường bị tù túng và bóp méo đến nỗi chúng không tìm được lối hoạt động thích đáng nào cả...”³⁷

Theo khả năng đó của Thiền chúng ta có thể nói con người ngộ là người đang sống với chính năng lực phát sinh tự thực thể viên mãn của mình đồng thời thể nghiệm được năng lực ấy bằng nghe thấy thực tại, bằng hành vi tiếp vật xử thế đúng như sự hiện hữu “viên thành thật” và diễn biến do “y tha khởi” của chúng. Cũng có thể nói gọn một lời là lấy “Bình Thường Tâm” đối đãi với vô thường vật. Còn nói theo các triết gia là “Sự thức tỉnh trọn vẹn của toàn thể cá tính đối với thực tại”, tức là, “tôi thấy một đóa hồng” theo cái lối “một đóa hồng là một đóa hồng”³⁸.

Hay một cách thực tế hơn: “là không liên kết mình với thế giới để thụ nhận, bóc lột, vơ vét, hay theo kiểu mua bán, mà theo một cách sáng tạo, chủ động (theo ý nghĩa của Spinoza).”

³⁷ Thiền và Phân Tâm Học, tr. 217 – 218

³⁸ Thiền và Phân Tâm Học, tr.221

Cho nên chúng ta có thể hình dung cuộc sống hiện sinh của con người đích thật qua câu chuyện sau đây:

Một ông tăng hỏi một thiền sư:

– “Hòa thượng tu có dụng công không?”

– “Có.”

– “Dụng công thế nào?”

– “Khi đói ăn, khi mệt thì ngủ.”

– “Tất cả mọi người đều như vậy, có thể nói là đồng dụng công với Thầy chăng?”

– “Chẳng đồng.”

– “Tại sao chẳng đồng?”

– “Họ khi ăn chẳng chịu ăn, lo nghĩ trăm thứ; khi ngủ chẳng chịu ngủ, tính toán ngàn việc, do đó mà chẳng đồng.”³⁹

Do đó để kết luận cho quan điểm hiện sinh Phật giáo Thiền tông, ta có thể đọc lời này của Thiền sư D. T. Suzuki:

³⁹ Suzuki, Thiền Nhập Môn, tr. 86, dẫn theo Thiền và Phân Tâm Học, tr. 223

– “Con người chín chắn, nếu hẳn tự thanh tịnh, khỏi phiền não và sự can thiệp của trí năng, có thể thực hiện một cuộc sống tự do và tự nhiên, ở đó những cảm giác phiền não như sợ hãi âu lo hay bất an không có chỗ để tấn công hẳn.”⁴⁰

5. Lão Trang cũng quan niệm như thế, con người chính danh của Lão Trang là con người tự nhiên. Con người tự nhiên không chuộng tri thức biện biệt nên dễ hòa đồng, không ham quy ước giáo điều nên tự do độc lập, không tham vọng nên được yên vui. Hai chữ “tự nhiên” có vẻ thuần phát đơn sơ mộc mạc, nhưng Lão Trang cho đó là những đức tính cần thiết để con người trở nên to lớn bằng Trời

Đất và được hạnh phúc vô cùng. Bởi vì “tính tự nhiên” là tính của Đạo. Trở nên tự nhiên tưởng chừng như thô lậu tối tăm nhưng thật ra là để cho những gì mà Suzuki gọi là “tinh lực có hữu tiềm tàng “bắt đầu triển chuyển bên trong khiến cho con người cảm thấy sung mãn vô cùng như nằm trong lòng “Mẹ của muôn loài”.

“Người đời sáng chói, riêng ta mịt mờ,
Người đời phân biệt, riêng ta hỗn độn,
Điềm tĩnh dường tối tăm,
Vùn vụt dường không lặng.
Người đời đều có chỗ dùng, riêng ra ngu dốt thô lậu.
Ta riêng khác người đời,
Ta quý Mẹ nuôi muôn loài.”⁴¹

⁴⁰ Suzuki, Thiên Nhập Môn, tr. 86, dẫn theo Thiên và Phân Tâm Học, tr. 249

⁴¹ Đạo Đức Kinh, chương 20 (theo Nguyễn Duy Cần)

Cho nên “người tự nhiên” sống ở đời, cuộc xuất xử hành tàng của họ không tạo ra một cái gì cố định, không hiểu biết cái gì theo câu chấp, không toan tính cái gì vững bền. Trang Tử có viết trong Nam Hoa Kinh rằng:

– “Lấy vô vi làm danh vọng chính của mình, làm mưu vọng chính của mình, làm việc làm chính của mình, làm sự hiểu biết chính của mình. Vô vi dùng mãi không cùng, còn cách sinh hoạt của nó thì không để dấu vết gì cả. Nhận tất cả những gì đã thu ở Trời mà không giữ lại cái gì cho mình tất cả, cũng vì nó là hư không mà thôi, Bậc Chí nhơn dùng cái tâm mình như tấm gương; không đi theo, không từ bỏ, ứng mà không chấp chứa, vì vậy hay thắng được mọi vật mà không làm hại nó.” (Ứng Đế Vương)

Đó là con người hiện sinh giữa xã hội như bao nhiêu người khác, nhưng Người ấy đã vứt bỏ tình thức đa tạp nhỏ nhen, nên cái lòng đã bao la, hành vi trở nên điềm đạm. Thiên Đức Sung Phù trong Nam Hoa Kinh viết:

– “Thánh nhơn có cái hình của người mà không có cái tình của người. Có cái hình của người nên mới cùng một đảng với người. Không có cái tình của người nên thị phi mới không động được lòng. Cùng một đảng với người là việc nhỏ mà riêng cùng làm một với Trời là việc lớn vậy.”⁴²

Tóm lại, con người của Lão Trang cốt cách thì tự nhiên, tâm hồn thì điềm đạm, hành vi thì thuận hòa.

⁴² Theo Nguyễn Duy Cần, Nam Hoa Kinh, tr. 325

Tất cả các tôn giáo kể trên lần lượt đã mô tả những đức tính của con người chính danh ở giữa cuộc diện nhân sinh. Cách trình bày có thể khác nhau nhưng tinh thần tựu trung là một. Đó là mẫu người lý tưởng bảo tồn được Thiên Tánh, phát huy được Thiên Lý, an định được Nhân Tâm.

Đứng trước cuộc diện thế sự ngày nay, là những biến sanh tột độ của các nguồn dục vọng có từ ngàn xưa, người Cao Đài phản tỉnh, trực giác cái nguyên nhân tạo loạn tiềm tàng trong tâm thức con người chính là tình thức biến ảo khôn lường. Do đó con người đã phải nổi trôi trong dòng nhân quả miên miên bất tuyệt. Kiếp sống của thế nhân chỉ còn là tự nghiệp nằm trong cộng nghiệp. Con người đích thật không đứng dậy nổi. Nhân loại đua nhau phát triển tư tưởng thuần lý chủ tâm trên căn bản vật chất, chỉ tạo thêm những cám dỗ cho thể xác và đẩy mạnh lòng tự tôn của khối óc hẹp hòi. Con người có một nền văn minh sáng chói nhưng lại “mù và điếc trước mọi âm hưởng của lương tâm và nhân bản, con người say sưa trong cái cường bạo của bản năng, của tham vọng và đồng hóa con người chính danh với con người tội lỗi đó.”⁴³

Vậy phải làm sao khai phóng con người chân thật? Xây dựng xã hội chẳng? Thành lập các cơ quan bảo vệ hòa bình thế giới và nhân quyền chẳng? Tất cả đều là những ý hướng tốt đẹp muốn giải quyết các mâu thuẫn trong một xã hội hay giữa các quốc gia. Nhưng có kết quả không là do có biết bắt đầu tại góc không. Góc ấy ở chính bên trong tâm thức của mỗi cá thể con người, là Nhân Bản. Nhân Bản là nền tảng duy nhất của tất cả nhân tính bao gồm tính hướng thượng, phong hóa tốt đẹp, lòng

⁴³ Đức Lê Đại Tiên, Thánh Giáo Sưu Tập, 1970 – 1971, tr. 24

trắc ẩn, tinh thần đạo đức... Nhân Bản là chỗ nguyên sơ tự hữu của con người là Lương Tri, Lương Năng vậy.

Cho nên khai phóng con người chân thật chính là khai phóng Nhân Bản. Cái ước vọng lớn nhất của người Cao Đài là chính mình sống thật con người mình trên Nhân Bản và kêu gọi mọi người trở về Nhân Bản. Nhân Bản được khai phóng tức khắc nhân tính được phát huy và mặc nhiên tất cả những xung lực giằng co giữa người và người sẽ tan biến, một thế giới hòa bình hạnh phúc không phải tìm đâu xa mà tự nhiên cơ cấu của nó hình thành bằng chính sinh lực uyên nguyên của con người mới.

Vì vậy người Cao Đài không nhọc lòng oán hận những tác lực gây nên giông tố bão bùng. Cuộc đời sẽ tự giải thoát cuộc đời. Thượng Đế đã minh thị cho chung nhân loại một vị trí tự tồn là ngôi Cao Đài nội tại mà người Cao Đài được nhận sứ điệp đầu tiên, thì hãy biết bảo thân nơi đó để cảm nhận rằng:

“Con là một Thiêng Liêng tại thế

Cùng với Thầy đồng thể Linh Quang”

Và cái “Quyền Pháp” cải hóa nhân sinh đã sẵn có ở nơi Ta, để cất tiếng còi linh kêu gọi rằng:

“Sống lại lòng mình hồi thể nhân,

Trở về Thượng Đế tính đơn thuần;

Không gây tham vọng không oan trái,

Nước mạnh dân an bởi hợp quần.”⁴⁴

Đó là trở về với Nhân Bản để mà giữ lòng Nhân trước tha nhân, gìn chính Nghĩa đối với nghĩa vụ, duy trì nề nếp tôn ti nghi Lễ đối với nhân vị một con người, để chủ trương hành động lương tâm cho tròn đức Trí, gieo một niềm tin vào tha nhân vào sự vật để đủ đức Tín của con người. Như thế con người sẽ thể hiện được từ bi, bác ái, công bình, chánh trực, đại đồng bằng chính sự sống, bằng chính bản thân của mỗi người, lúc ấy đã trở nên ngôi Trung Hòa giữa Thiên Địa vạn vật.⁴⁵

Cho nên Đức Lê Đại Tiên kết luận:

– “Nhân Bản có sáng chói, con người mới cảm thấy mình là con người.”⁴⁶

V. TỔNG LUẬN

Sau khi chúng ta trải qua một tiến trình khảo sát con người, từ sự nhận định thực trạng khủng hoảng của thời đại với những nỗi ray rứt bất an với những khát vọng được sống thật với chính con người mình, đến sự tìm hiểu cơ cấu của tâm thức mong khám phá nguyên nhân khủng hoảng để làm yếu tố đức thành chiếc chìa khóa khai phóng con người đích thật bước vào cuộc hiện sinh của mình. Tiến trình tuy dài, lao lách qua những phức tạp của màn đêm tâm thức, nhưng đến đây, dừng bước lại, ta có thể chỉ nói một lời là “Hãy tự tri!”.

⁴⁴ Đức Lê Đại Tiên, Thánh Giáo Suu Tập, 1970 – 1971, tr. 25

⁴⁵ Đức Vạn Hạnh Thiền Sư, Thánh Giáo Suu Tập, tr. 57

⁴⁶ Đức Lê Đại Tiên, Thánh Giáo Suu Tập, 1970 – 1971, tr. 24

Vâng! Chỉ có bấy nhiêu mà là một định đề tối yếu cho cuộc sống con người, đã từng được Socrate của phương Tây chỉ cửa đền thần Delphes có khắc câu “Gnohti seauton – Bạn hãy biết mình” để kêu gọi nhân loại, và hơn 2500 năm trước ở phương Đông, Đức Lão Tử cũng viết: “Tự tri giả minh”.

Nhưng, cho đến ngày nay, nhân loại vẫn say sưa với những gì huy hoàng của cái “tri hơn giả trí”. Thật vậy cái ánh sáng của “tri” đã xây dựng được lâu đài văn minh rực rỡ của thế giới. Thế mà con người vẫn cảm thấy chưa có cứu cánh, nội tâm còn khắc khoải ngoại cảnh vẫn tao loạn. Vì vậy các bậc thức giả mới đặt lại vấn đề soát xét lại giá trị của cái “trí” con người và lần dò về nguyên thủy của tâm thức nhân loại hầu tìm ra lối thoát cho thời đại.

“Con người, trong lịch sử Kinh Thánh, (khởi đầu) thấy mình trong một trạng thái hợp nhất vô phân biệt trong vườn Địa Đàng. Không có ý thức, không có phân biệt, không có lựa chọn, không có tự do, không có tội lỗi. Hắn là thành phần của thiên nhiên, và hắn chẳng thấy giữa mình và thiên nhiên có cách biệt gì cả. Trạng thái hợp nhất ban sơ, tiền cá nhân này bị rạn nứt bởi hành động lựa chọn đầu tiên mà đồng thời cũng là hành động bất tuân và tự do đầu tiên. Hành động ấy khiến ý thức xuất hiện được sự cách biệt của mình với người đàn bà Eva, và với thiên nhiên, thú vật và trái đất. Khi hắn thể nghiệm sự cách biệt này hắn cảm thấy e thẹn – như chúng ta vẫn thấy mình e thẹn (dù một cách vô thức) khi chúng ta thấy mình cách biệt khỏi đồng loại.

Hắn rời bỏ vườn Địa Đàng, và đó là khởi đầu của lịch sử con người. Hắn không thể trở về trạng thái hài hòa nguyên thủy nhưng hắn có thể nỗ lực để đạt đến một trạng thái hài hòa mới bằng cách phát triển lý trí, khách quan tính, lương tâm và tình thương một cách trọn vẹn, để cho như những lời tiên tri diễn tả”, thế gian tràn đầy hiểu biết Thượng Đế cũng như đại dương đầy nước”... Trạng thái hài hòa mới này ta gọi là thời đại của Đấng Cứu Thế trong ấy sự xung đột giữa con người và thiên nhiên, giữa con người và con người sẽ phải biến mất, trong ấy sa mạc sẽ trở thành thung lũng màu mỡ, trong ấy cừu và sói an nghỉ như nhau, vì trong ấy gươm đao sẽ biến thành cày bừa. Thời cứu thế là thời của vườn địa đàng, thế nhưng nó lại nghịch lại. Nó là nhất tính, lập tức, toàn thể, nhưng con người đã phát triển toàn vẹn lại trở thành đứa trẻ lần nữa, mà lại hóa lớn để trở thành trẻ con”⁴⁷ Đúng như Tân Ước đã viết: “Thật vậy, ta nói với các ngươi, ai không thụ nhận nước Chúa như một đứa trẻ thì sẽ không được vào đó”.⁴⁸

“Nhu đứa trẻ” là thế nào? – Đối với đứa trẻ mới sinh chưa có sự cách biệt giữa cái tôi và cái không tôi. Sự vật như thế nào, nó tiếp xúc như thế ấy, con người nó thế nào, nó sống như thế ấy. Cho đến khi nó biết tự xưng là “tôi” là lúc đã có sự cách biệt cái “tôi” ấy khỏi nó và cách biệt giữa nó với ngoại vật. Trạng thái tâm thức sơ sinh của đứa bé gọi là tiên ý thức hay vô thức, trạng thái “tôi” của nó là ý thức.

⁴⁷ Erich Fromm, *Thiền và Phân Tâm Học*, tr. 242

⁴⁸ Luca 18-17

Đưa bé lớn lên, tất cả những điều kiện sinh hoạt dồn vào ý thức nó những cái mà người ta đã có sẵn, đã nghĩ sẵn xây dựng thành một bức tường trí thức ngăn cách với vô thức. Con người trưởng thành đứng ở bên này bức tường và sống, suy tư không còn ý thức gì nữa về thế giới bên kia. “Hắn phóng đại những tình cảm và ý nghĩ của mình lên các đối tượng, rồi không thể nghiệm chính mình như là chủ thể của những tình cảm này, nhưng bị chi phối bởi những đối tượng chất đầy những tình cảm của hắn” Người ta nói hắn “vong thân”. Con người không còn thấy sự vật như nó là, cũng không còn biết mình như mình là.

Cho nên vấn đề giải tỏa khủng hoảng của nhân loại là làm sao phá bỏ bức tường ngăn cách nói trên, mà phân tâm học gọi là “những dồn ép” và Phật giáo gọi là “sở tri chướng”. Giải tỏa những dồn ép ấy có nghĩa là: “hữu thức hóa vô thức” Nhưng “hữu thức hóa vô thức” chỉ có thể thực chất qui nguyên con người khi nào con người trực nhận viên mãn chính mình và chính mình thể nghiệm viên mãn các đối tượng chứ không phải là sự hiểu biết về những gì đã rơi vào vô thức, tạo ra dồn ép như cách trị bệnh tâm thần bề mặt của Freud. Nghĩa là phải có một chuyển biến lớn lao như được mô tả trong Tân Ước:

– “Bấy giờ chúng ta thấy mơ hồ trong một cái gương, nhưng bây giờ chúng ta sẽ mặt đối mặt. Bấy giờ tôi chỉ biết manh mún rồi bây giờ tôi sẽ biết trọn vẹn như Chúa đã biết tôi trọn vẹn vậy.” (I. Corinthians 13:12)

Để đạt được siêu thức ấy, sở năng của các tôn giáo đã tỏ ra hiệu quả từ mấy ngàn năm trước cho đến ngày nay vượt qua tất cả các khoa học nhân văn tiến bộ nhất. Chỉ có các tôn giáo nhân bản đi sâu được vào vô thức thật sự hay: “tâm địa ban sơ là nơi mà căn cơ con người, một khi đã được khai phóng, sẽ chuyển hóa con người có một cốt cách chơn nơn. Căn cơ ấy chính là Thiên Tâm, là Điểm Linh Quang, là Thượng Đế.

Aristotle nói: “Con người là con vật biết suy lý. Đúng thế nhưng chưa đủ. Nó không thể đứng riêng rẽ trong sự suy nghĩ mà trở thành con người toàn diện. Nó phải gắn liền với Thượng Đế từ ngay chỗ khởi sinh của nó: “Thiên Địa chi Đức”. Nó phải thể nhập với mọi vật loại trong trời đất: “Ngũ hành chi tú khí”. Nó lại vận dụng được sự thúc đẩy của âm dương tức là của Đạo để tiến hóa và viên thành (âm dương chi giao). Đó là tất cả những mối quan hệ với nó, nhưng chính nó, nó có giá trị độc đáo nhất là “Chí Linh”: “Quý Thân giao hội chí linh”. Đây là điểm mà phương Tây còn dò dẫm. Phương Tây đánh giá con người ở khả năng tư duy nên nên tặng con người phương Tây xây dựng trên TRI giác. Còn phương Đông vượt lên tư duy hơn mà hay “cảm” nên đánh giá con người trên cái “Linh” giác.

Nhưng các tôn giáo mà chúng ta đã nghiên cứu chứng tỏ rằng con người phải có đầy đủ “Linh Tri” thì mới nhận chân được giá trị của mình và xứng đáng với giá trị ấy trong Trời Đất:

Vũ trụ bao la cái sắc không
Tạo nên vạn vật thể tương đồng
Ba nghìn thế giới quy Tam Bửu
Chín cõi ta bà hiệp nhất tông

Yếu lý Kiền Khôn cơ biến dịch
Nhiệm màu tạo hóa thể dung thông
Kẻ trời, vạch đất chi cho nhọc
Cái cái người người vốn ở trong.

(Đức Vạn Hạnh Thiền Sư, Đạo Học Chỉ Nam)

Ban Đối chiếu Tổng hợp HĐNCGLĐĐ (20-01-1979 – 12-12-
MN)

CHƯƠNG THỨ CHÍN

NHỮNG HỆ THỐNG HÀM SỨC THỰC THỂ “CAO ĐÀI”

Muốn tìm hiểu danh từ “Cao Đài” gồm ngũ nghĩa, danh hiệu, phạm trù, chủ thể, công năng, như một thực thể toát ra từ một hệ thống nhất định trong nền Giáo lý Đại Đạo, ta có thể lần lượt khảo sát 4 hệ thống cơ bản sau:

I. HỆ THỐNG BẢN THỂ: **Vô Cực – Thái Cực – Chúng sanh**

*“Cao thị Thiên cao chương vạn loài,
Đài vi Địa hậu dưỡng vô nhai;”*

“Cao Đài là Tâm của vũ trụ.”

Thánh ngôn ” Chúng sanh là Bản thể của Đạo, mà Bản thể của Đạo là Bản thể của Thầy”

Vậy Cao Đài thuộc về Bản thể của vũ trụ vạn vật, là nguyên động lực **sinh-diệt-bảo tồn vạn vật, tức là Đạo.**

II. HỆ THỐNG QUYỀN PHÁP: “Đại Từ Phụ dựng Cao Đài nơi vùng Đông Nam Á này để làm quyền pháp. Chính sứ mạng quyền pháp này thúc đẩy mọi sở vật thực tại tôn giáo kết thành thực thể “Đạo cứu thế” trong Tam Kỳ Phổ Độ, cũng như cái ngòi gà trong quả trứng vậy.” (Đức Giáo Tông Đại Đạo,NTTT, Ngọ, 01.01.K.Dậu (17.2.69) tr.7

“ Quyền pháp là "Thầy", là "Đạo", là động năng thúc đẩy tạo thành Thánh đức sau Hội Long Hoa. .” (,sđd)

“Từ xưa các tôn giáo được tạo lên để giải quyết tâm linh, nhưng Tam Kỳ Phổ Độ Thầy phải trao cho chư hiền cho dân tộc này một **quyền pháp Đạo** để lập thành quyền pháp Đạo thực thể thuần chánh để cứu thế (Đức Giáo Tông Đại Đạo, sđd)

Vậy Cao Đài là Quyền Pháp Đạo

III. HỆ THỐNG CHỦ THỂ : Sứ mạng Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ của các thực thể Cộng đồng **nhân loại- Xã hội – Cá thể Con người, được thực hiện bằng “Chủ thể tính” Hoàng Cực** Khi toàn thể giới nhân loại đồng nhận lãnh và thi hành sứ mạng ĐĐTKPD, thì nhân loại là một chủ thể hành động sứ mạng đó. Cũng thế đối với một cộng đồng xã hội hay một cá thể. Mỗi chủ thể nêu trên là một “Cao Đài” vì hội đủ điều kiện “Thiên nhân hiệp nhất” là nguyên tắc cốt yếu của cơ cứu độ kỳ ba :

“Thượng Đế từ trên cõi mịt mù,
Người đòi thiện nguyện dốc lo tu,
Tạo cơ cảm ứng Thiên nhơn hiệp,
Đề có thông công, có tác thù!” (Vạn Hạnh Thiên Sư), Minh Lý Thánh Hội, 22 tháng 7 Tân Hợi (11-9-71)

IV. HỆ THỐNG TAM ĐÀI: Thực tướng Cao Đài tại thế.
Thánh giáo: ““*Hỡi con! Nơi đâu có Thánh Thể của Thầy (Thái Cực) là đã có Mẹ bao vòng trong và ngoài ngôi Thánh Thể ấy, vì Mẹ là Vô Cực Vô Vi...*” . Theo kinh điển Cao Đài, hình thức

kiến trúc Tam đài (Bát Quái Đài (BQĐ)-Cửu Trùng Đài (CTĐ)-Hiệp Thiên Đài (HTĐ) đồng bộ từ Tòa thánh đến Thánh thất là biểu trưng cho “Thánh thể” Đức Chí Tôn tại thế. BQĐ thuộc phần “Thiên”; CTĐ thuộc phần “Nhân”; HTĐ là Cơ quan trung gian nối kết hai thực thể Thiên – Nhân. Thánh giáo: “*Hiệp Thiên Đài nắm giữ quyền pháp mới đưa Cửu Trùng Đài vào Bát Quái, chuyển lý hành tàng của Bát Quái vào Cửu Trùng. Kể giác ngộ, người tu hành có quyền pháp thì mới đưa Đạo vào đời và đạt mục đích cứu nhân độ thế.* (Đức Giáo Tông Đại Đạo,NTTT, Ngọ, 01.01.K.Dậu (17.2.69) tr.7)

BẢNG TÓM LƯỢC NHỮNG HỆ THỐNG CƠ BẢN NHƯ DƯỚI ĐÂY

CÁC HỆ THỐNG	BẢN THỂ TÍNH	CHỦ THỂ TÍNH	CHUYỂN HÓA	CÔNG NĂNG	THỰC THỂ CAO ĐÀI
Bản Thể	VÔ CỰC	THÁI CỰC	CHÚNG SANH	SINH HÓA	Thực tại dịch hóa (*)
Quyền Pháp	THỰC THỂ ĐẠO	THẦY	NGƯỜI SỨ MẠNG	QUY NGUYÊN	Quyền pháp Đạo (**)
Chủ Thể	CỘNG ĐỒNG NHÂN LOẠI	HOÀNG CỰC	THIÊN NHÂN HIỆP NHẤT	ĐẠI ĐỒNG	Đại đồng công dụng (***)
Tam Đài	BÁT QUÁI ĐÀI	CỬU TRÙNG ĐÀI	HIỆP THIÊN ĐÀI	Hoàng khai Đại Đạo	Thực tướng Cao Đài tại thế (****)

(*) Cao Đài là một thực tại đang biến dưỡng : "Cao Đài biến hóa theo lòng chúng sanh; "Đố ai biết được cái danh Cao Đài"

(**) **Cao Đài là "Quyền Pháp Đạo"**: "Từ xưa các tôn giáo được tạo lên để giải quyết tâm linh, nhưng Tam Kỳ Phổ Độ Thầy phải trao cho chư hiền cho dân tộc này một **quyền pháp Đạo** để lập thành quyền pháp Đạo thực thể thuần chánh để cứu thế." (Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, NTTTT, Ngọ, 01.01.K.Dậu (17.2.69) tr.7)

(* * *) Với Hệ thống chủ thể, bao gồm Chủ thể Cộng đồng nhân loại – Chủ thể Hoàng Cực – Chủ thể Thiên nhân hiệp nhất - là những Chủ thể thực hiện công năng Đại đồng lập thành Đại đồng công dụng của Cao Đài. Cao Đài là "Thế thiên nhân hiệp nhất":

*"Cao Đài – chỗ Thiên Nhơn hiệp nhất,
Tá danh, hầu cứu vớt vạn linh;
Trong cơn thay xác đổi hình,
Hạ Nguồn mặt kiếp phục sanh tánh lành."*

*"Tâm con là chỗ chí linh,
Là nơi hiệp nhất nhân sinh cùng Thầy"*

(****) **Tam Đài** của Tòa thánh-Thánh thất là thực tướng Cao Đài tại thế (biểu trưng cho Thánh thể Đức Chí Tôn). Đạo Cao Đài là thực thể đạo cứu thế : "Ngày nay Thầy đến đây đem ba nền tôn giáo hiệp nhất lại tạo thành một nền tôn giáo lớn lao để đời đời kiếp kiếp cho nhơn sanh nương vào đó mà lánh cơn nạn khổ thảm sầu" (Đại Thừa Chơn Giáo, Trước tiết tàng thơ, 1950 tr.91).

Cao Đài là tổng cầu thể Tam Tài của vũ trụ:

*"Cao thị Thiên cao chưởng vạn loài,
Đài vi Địa hậu dưỡng vô nhai;"*

B. NHẬN ĐỊNH TỔNG QUÁT VỀ THỰC THỂ CAO ĐÀI

Quy chiếu thực thể Cao Đài vào các Hệ thống căn bản của nền Giáo Lý Đại Đạo, cho thấy Cao Đài không chỉ là danh xưng mà đều có “chỗ đứng” trong mỗi Hệ thống làm tiêu biểu tính năng cho tổng thể các thực tại của hệ thống.

Do vậy, về **Bản thể**, Cao Đài là “Khí Hư Vô”, nên cũng là Bản thể tối sơ. Vì thánh ngôn có viết: “Thầy là Hư Vô Chi Khí, thì Đạo cũng đồng nghĩa đó thôi.”

Về **Chủ thể**, Cao Đài là “Chúa tể càn khôn”, là “Đại La Thiên Đế Thái Cực Thánh Hoàng”,

Về **Thiên cơ**, Cao Đài là “Quyền Pháp Đạo”: “**Điểm** Quyền Pháp được chứa đựng (trong Vô Cực) là ngôi Thái Cực, là Thầy.” “Đại Từ Phụ nắm Quyền Pháp mới chuyển cơ sanh hóa vạn vật vũ trụ”

Nên chỉ trong thời Hạ Nguyên chính mình Thầy dùng Khí Hư Vô trực tiếp hữu hình đến thế gian để dẫn dắt thấu hỏi những điểm Linh Quang đã cho xuống trần gian trở về với khối Đại Linh Quang”

Về **Tâm linh**: Cao Đài sở dĩ được liệt vào Bản thể vũ trụ vì là thực thể tâm linh bàng bạc từ cõi trời đến cõi người:

“Cao Đài chẳng khá ở ngoài Tâm”

* * *

*“Trời với muôn loài một Bản Nguyên,
Cũng trong Linh Tánh, cũng tâm điền;
Linh Quang một khối chia nhiều ức,
Người, vật, tương đồng với Phật, Tiên.*

* * *

*“Tâm con là chỗ chỉ linh,
Là nơi hiệp nhất nhân sinh cùng Thầy”*

Về Đạo pháp: Với những nguyên nhân đã quy chiếu Cao Đài vào các Hệ Thống Bản thể, Chủ thể, Thiên cơ, Tâm linh, có thể khẳng định Cao Đài có đầy đủ quyền năng, chức chương bao dung, tác động đến vũ trụ vạn vật từ cơ sanh hóa đến cơ tiến hóa, tức Cao Đài là Đạo.

Đã là Đạo, đương nhiên hàm tàng Thái cực, Âm Dương hợp thành Nguyên lý vận hành trong vũ trụ và trong cả mọi vật loại. Nơi con người Nguyên lý ấy chính là “Đạo pháp” một khi con người áp dụng pháp môn để giao hòa hai thực thể Âm Dương luân chuyển trong nội thân là Thần (Dương)-Khí (Âm). Đó là mục tiêu tu luyện đặc đạo của hành giả còn gọi là tu Thiên Đạo.

Về sứ mạng:

“THẦY nhưt định đến chính mình THẦY độ rồi các con, chẳng chịu giao Chánh Giáo cho tay phàm nữa. Nhưng mà buộc phải lập Chánh thể, có lớn nhỏ đặng dễ thế cho các con diu dắt lẫn nhau, anh trước em sau mà đến nơi Bồng Đảo.” (Đức Chí Tôn, TNHT, Q1, HT.Tây Ninh, 24 Avril, 1926)

Tam Kỳ Phổ Độ là đại cuộc cứu độ lần thứ ba tức là “Tận độ” toàn nhân loại nên Đức Thượng Đế Cao Đài khai đạo bằng thể “Thiên nhân hiệp nhất”, ban trao sứ mạng cho cả hai cõi sắc không. Nên Sứ mạng Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ chính là sứ mạng Cao Đài đặc biệt tương ứng với thời Hạ ngươn nhằm giáo hóa chúng sanh, phục hưng tôn giáo, lập đời thánh đức. Trước đại nguyện cứu độ Kỳ Ba của Đức Đại Từ Phụ Chí Tôn, từ các hàng Thần, Thánh, Tiên, Phật chí đến nguyên nhân tại thế đều được trao thiên mạng hay quyền pháp phụng sự thiên cơ.

Do đó Cao Đài thuộc về Hệ thống sứ mạng vì không có sứ mạng Cao Đài thì không đạt được mục đích “Thế đạo đại đồng, thiên đạo giải thoát”

Bất luận đối với hàng chức sắc môn đồ gọi là bậc thiên ân hay người tín hữu thuần thành, sứ mạng là sứ mạng hoằng khai nền đạo bằng pháp môn “Thiên đạo đại thừa” để hoàn thành Thiên cơ “Quy nguyên-phục nhất”, như huấn từ của Đức Chí Tôn:

“Thử sứ mạng đương sanh hoằng giáo,

Thị Đại thừa Thiên đạo tiên tu;

Kỳ khai nhứt bản vạn thù,

Vạn thù quy nhứt công phu siêu phàm.” ■